

Công - Ty Bảo - Hiểm

« LE SECOURS »

Công-Ty Bảo-Hiểm và Liên-Hiệp Bảo-Hiểm những tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro

Trụ sở chánh :

30-32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại-lộ Nguyễn-Huệ (Charner cũ) Saigon

Điện-Thoại : 20.461

- Bồi thường mau lẹ
- Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liên-chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

Xổ Số Kiến-Thiết Quốc-Gia
Giúp nước thêm nhà ta thêm của
3 LÔ ĐỘC ĐẮC
mỗi lô

1.000.000 \$

XỔ THỨ BA HÀNG TUẦN. MỖI VÉ 10 \$

THẦN-TÀI CHẴNG VỊ RIÊNG AI
CỨ MUA VÉ SỐ
THÌ THẦN-TÀI SẼ ĐẾN THĂM

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM CÔ

Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn : 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861

NĂM THỨ VI ★ SỐ 128 ★ 15-6-1964

1.— Bàn về dự án tổ-chức « Viện Văn-hóa »	Nguyễn Vũ	7 — 9
2.— Mặc Tử, một chiến sĩ	Nguyễn tử Quang	10 — 14
3.— Hình diện của quả Đất.	T	15 — 19
4.— Lá mùa thu (truyện ngắn)	Trần tuấn Kiệt	20 — 24
5.— Anh vẫn là anh (thơ)	Thương hoài Anh	25
6.— Thần thoại Hy-lạp — La mã.	Đàm-quang-Thiện	26 — 30
7.— Nhà Tây Sơn (danh nhân)	Hồ Uyển	31 — 36
8.— Giã từ (thơ)	Diệu Hương	37
9.— Bí mật về liếng sét	Thi Hương	38 — 42
10.— Những bí mật trong thế chiến	Thiếu Sơn	43 — 49
11.— Tâm sự vụn	Minh-Đức	50 — 52
12.— Nguyên cầu (thơ).	Thương-Lan	53
13.— Một khoa học mới	Thăng-Tiến	54 — 60
14.— Người khách (truyện dịch)	Lưu-Bằng	61 — 66

15.— <i>Tuấn, chàng trai nước Việt.</i>	Nguyễn-Vỹ	67 — 71
16.— <i>Đệ tử Bách chu niên đại</i> <i>Văn hào Shakespeare</i>	Nguyễn-Vỹ	72 — 79
17.— <i>Sàng gạo (thơ)</i>	Kiên Giang	80 — 81
18.— <i>Trả lời Đinh Hùng.</i>	Trần-tuấn-Kiệt	82 — 90
19.— <i>Kỷ niệm đệ tử bách chu niên</i> <i>nhà đại bác học Galilei</i>	Võ quang-Yến	91 — 98
20.— <i>Tiếng nói gái trai thế hệ</i>	Phò Thông	99 — 104
21.— <i>Hòn kềm đá dừng (thơ)</i>	Yến Duy	105
22.— <i>Minh ơi !</i>	Diệu-Huyền	106 — 111
23.— <i>Ngày, năm dân sinh đức Phái</i>	Minh-Huệ	112 — 117
24.— <i>Người tù 69</i>	Nguyễn-Vỹ	118 — 121
25.— <i>Thơ lên ruột</i>	Tú Be	122
• <i>Tranh vẽ</i>	Ngọc-Dũng	



- ★ Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cảo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chi quốc-tế).
- ★ Bài lai cảo không đăng, không trả lại.
- ★ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chi PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chi PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- ★ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỒ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

Tổng-phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
 • Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique

• Our general agent in Europa & Africa
LONG-HIỆP

13, Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vê
 (vente — abonnements — Publicité)

BÀN VỀ DỰ ÁN TỔ CHỨC

« VIỆN VĂN - HÓA »

TRƯỚC hết chúng tôi không tán thành danh từ *Viện Văn hóa* thay vì « *Hàn Lâm Viện* », mà một vài người đã đưa ra trong buổi thuyết trình về đề án tổ chức Đại Hội Văn-Hóa Toàn-quốc tại trường Âm nhạc Quốc-gia ngày 19-5-1964, dưới sự chủ-tọa của Thiếu-tướng Đỗ-Mậu, Phó Thủ-Tướng Đặc-trách Văn-hóa xã-hội. Những người nêu ra danh-từ « *Viện Văn-hóa* » là ông cựu Đồng Lý Văn-phòng của Ngô-dinh-Diệm, và một ông Giáo-sư bô-lão ở Bộ Giáo-dục.

Quý ông đã viện ra vài ba lý do lạ lùng.

Quý ông bảo rằng đặt ra « *Hàn Lâm Viện* » tức là phải « *dập theo khuôn mẫu của Viện Hàn Lâm Pháp* », và theo quý ông, thì « *Viện Hàn Lâm* chỉ được đặt đúng chỗ ở giữa một quốc gia, có sẵn cơ sở và dư phương tiện phát huy văn hóa ». Thành thật, chúng tôi chẳng hiểu. Tại sao phải « *dập theo khuôn mẫu của Viện Hàn Lâm Pháp* » ? Trên Thế-giới hiện nay, một nước Văn-minh

nào mà không có Hàn Lâm Viện, riêng gì nước Pháp? Tại sao không thể thiết lập một Hàn Lâm Viện Việt-nam mà không cần theo kiểu Hàn Lâm Viện Pháp? Tại sao « Hàn Lâm Viện chỉ được đặt đúng chỗ ở giữa một quốc gia có sẵn cơ sở và dư phương tiện phát huy văn hóa »? Quốc-gia Việt-nam chưa có sẵn những cơ sở và phương tiện phát huy Văn-hóa hay sao? Nhật-bồn, Thái-Lan, (chỉ kể hai nước láng giềng của chúng ta) có hơn gì Việt-nam về phương diện cơ sở và phương tiện phát huy Văn-hóa, mà sao họ đã thiết-lập được những Hàn-lâm-viện của họ?

Quý ông nói: « Các Văn-nhân, Thi-sĩ Pháp thường tự mình cố gắng, gây thành tích mà nổi tiếng. Vậy chớ các Văn-nhân, Thi sĩ Việt-nam đã không tự mình cố gắng, tự mình gây thành tích Văn-hóa hay sao? Hàn Lâm Viện đặt ra đâu phải để « bắt-tử-hóa » thiều số? Nói về sự Viện Hàn Lâm sẽ khuyến khích giới nhà văn bằng các giải thưởng, quý ông nói: « trong vài trăm giải phát hằng năm từ mấy năm nay, có tác phẩm nào được công chúng biết đến đâu? » Đúng thế, nhưng dưới thời độc tài Ngô đình Diệm và Văn-hóa « Nhân vị » của Ngô đình Nhu làm sao có được giải thưởng Văn-chương có giá-trị?

Quý ông lại chỉ trích những hoạt động của Hàn Lâm Viện Pháp gồm những ông già lụ khụ, mỗi tuần họp bàn có một giờ, v.v... Đúng thế, nhưng đó là Hàn Lâm Viện Pháp. Ai bảo Hàn Lâm Viện Việt-Nam sẽ làm việc theo lối uề-oải đó, và gồm những ông già lụ khụ như mấy ông Hàn-Lâm Pháp? Hàn Lâm Viện Đức, và Hàn Lâm Viện Nga-Xô, gồm những nhà Văn-học trẻ tuổi đó thì sao?

Trên đây là tất cả những lý-do mà quý ông nêu ra để bác danh-từ « Hàn-Lâm-Viện ».

Rồi quý ông đề nghị dùng « Viện Văn-Hóa », là những « Instituts Culturels » hay là « Cultural Instituts » của ngoại quốc, thì thật là quý ông muốn cho Thế-giới Văn-minh tiến bộ ngày nay trông thấy rõ cả về ngành Văn-hóa nước Việt-nam cũng chậm tiến như thế nào!

Quý ngài lại đề-nghị « không nên bàn về Văn-đề quá rộng như Văn-hóa Dân-tộc ». Vậy thì quý ngài muốn « Viện Văn-hóa » của quý ngài sẽ bàn về vấn-đề gì?

Quý Ngài lại cho rằng « ngân-sách chính phủ chỉ dự trù 10 triệu » là « không đủ » vào đâu cả, « chỉ tạm đủ trả kinh phí nhân viên, vật-liệu và tu-bổ thông-thường » mà thôi! Quý Ngài xin thêm ngân-khoản, và kết luận rằng « nếu không có hơn 10 triệu, thì chưa nên lập « Viện Văn-Hóa ».

Các ý-kiến như trên của ông Cựu Đồng-lý Văn phòng của Cựu Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm thật là hoàn-toàn chống lại với dự-án thành-lập Hàn-Lâm-Viện của Phủ Phó Thủ-Tướng Văn-hóa Xã-hội. Thảo nào suốt 9 năm « Cộng-Hòa Nhân-Vị », quý ông tổ-chức một Đại-Hội Văn-hóa Toàn-quốc cũng không thành!



Ông Cố vấn Giáo-dục của Phủ Phó Thủ-Tướng lại đề-nghị một lối khác: « Sự quản-trị của Viện-văn-hóa Việt-nam » phải có một « Hội-đồng giám-thị » gồm các Tổng Trưởng, Bộ Trưởng chính-phủ.

Trời! Một « Viện Văn-hóa », nơi nhóm-hợp công-tác Văn-hóa của các nhà học-giả, Văn-nghệ-sĩ lại phải đặt dưới quyền giám thị của các ông Bộ trưởng chính-phủ?

Khi Hàn-Lâm-Viện Pháp do Richelieu đặt ra hồi thế kỷ XVI Vua Louis XIV cũng không hề đòi « giám thị » các ông Hàn-lâm, hưởng chi... dưới thời Cách-mạng Dân-chủ, và Cách-mạng Văn-hóa!

Cách tổ-chức « chỉ-huy » Văn-hóa như trên không thể thực-hiện được, trừ ra ở các nước Cộng-sản như Nga-xô.

Vì tất cả những lý-do mà chúng tôi đã thẳng thắn trình bày, muốn tổ chức một Đại-Hội Văn-Hóa toàn quốc cho thành công và kết quả viên mãn thiết thực, và muốn thành lập một Hàn-Lâm-Viện Việt-Nam có uy-tín đối với Quốc-tế, và đối với các giới Văn-học Việt Nam, chúng tôi thiết tưởng trước một Thiếu-tướng Đỗ-Mậu, Phó Thủ Tướng Văn-hóa xã hội, nên sửa đổi lại toàn diện đề án đã thuyết trình hôm 19-5-64 tại Trường Quốc-Gia Âm Nhạc.

N. J.

MẶC - TỬ,

NƯỚC Tàu, thời Xuân Thu (722 — 479) là một thời đại loạn. Thiên tử nhà Châu là một ông vua nhu nhược, bù nhìn, ngồi nhìn cả ngàn chư hầu đánh giết và cướp đất lẫn nhau.

Những nước nhỏ yếu dần dần kề tiếp nhau bị các nước lớn thôn tính. Trên hai trăm năm đó, không biết bao nhiêu nước bị diệt, bao nhiêu nhà bị tan và bao nhiêu người bị chết.

Mặc Tử sinh vào thời này. Ông họ Mặc tên Dịch, nhưng sinh từ hồi nào, mất lúc nào, chưa ai biết chắc chắn. Quê hương của ông, có sách thì cho là nước Lỗ, sách thì bảo nước Tống, nhưng chỉ là ước đoán, chưa có gì chứng có đích xác.

Thời này, chiến tranh liên miên làm cho chế độ phong kiến bắt đầu tan vỡ, tình hình xã hội thay đổi một cách đột ngột. Rồi vì muốn tự tồn, người ta phải cạnh tranh

một
chiến
sĩ



* Nguyễn-Tử Quang

nhau, ghen ghét nhau, khuynh loát lẫn nhau, ai lo thân này, tư tưởng tự tư tự lợi ngày càng bùng nổ, bành trướng. Cảnh hắc ám ấy, khiến cho người có tâm huyết không thể khoan tay ngồi nhìn.

Mặc Tử là người khẳng khái, cương quyết, có nhiệt thành, có nghị lực, yêu đời một cách thiết tha, sống trước thềm trạng ấy, tự nhiên phải động lòng thương xót sinh linh đương làm mối cho bình lửa.

Mặc Tử nhận rằng : các sự rối loạn đều do ở lòng tự tư tự lợi mà ra. Nay muốn thiên hạ khỏi loạn ấy, điều cần nhất là phải làm thế nào mọi người đều biết yêu nhau, đều coi quyền lợi, tính mạng của người như của mình thì mới trừ được nguyên nhân sinh ra cuộc hỗn loạn, tai vạ đó. Vì vậy ông mới xướng thuyết Kiêm ái mong cứu thiên hạ khỏi vòng trầm luân.

«Kiêm» là «gồm», trái với «Biệt» là «riêng», ý nghĩa giống chữ «Nhứt thị đồng nhân» của Nho gia. «Ái» tức là «yêu», trái với «Ố» là «ghét», chỉ về tâm lòng thương mến lẫn nhau của loài người. «Kiêm ái» nghĩa là yêu tất cả mọi người.

Ông bảo :

— Loạn ở đâu mà ra ? Ở chỗ không biết yêu nhau mà ra.

«Chư hầu không yêu nhau tất dần trận đánh nhau ; gia chủ không yêu nhau tất tranh giành nhau ; vua tôi không yêu nhau tất vua không gia ơn, tôi không trung thành ; người trong thiên hạ không yêu nhau tất kẻ mạnh hiếp kẻ yếu, kẻ giàu khinh kẻ nghèo, người sang lên mặt với người hèn, người khôn lừa gạt người ngu...»

Vì không yêu nhau, loài người đã mắc phải những điều «loạn», «hại» như vậy ; nếu muốn chữa lại, muốn tránh những thảm họa đó, thì không có phương pháp nào khác ngoài phương pháp khuyến khích thiên hạ yêu nhau.

Ông bảo :

«— Nếu thiên hạ cùng yêu, nhau, ai cũng yêu cha anh và vua như yêu thân mình, ghét làm những điều bất hiếu ; coi con em và bề tôi như thân mình, ghét làm những điều bất từ thì sự bất hiếu bất từ sẽ không còn nữa. Còn có trộm giặc nữa chăng ? Đã coi nhà người như nhà mình thì ai ăn trộm ? Đã coi thân người như thân mình thì ai làm giặc ?

Cho nên trộm giặc sẽ không có nữa...»

Vậy, trung tâm điểm của học thuyết Mặc Tử là kiêm ái.

Để thực hành chủ trương của mình, nên Mặc Tử suốt đời lặn xả vào những nơi khói lửa can qua để ngăn cản chiến tranh. Mỗi khi nghe thấy một nước chư hầu nấy toan đánh một nước chư hầu khác thì lập tức, ông khăn gói ra đi, đường sá xa xôi chẳng ngại, nguy hiểm gian khổ không màng. Ông quyết đem những lời ngay, lẽ chính mà khuyên kẻ gây chiến hãy dừng tay lại để cứu vãn hòa bình.

« Dương Văn Quân nước Lô toan đánh nước Trịnh. Mặc Tử nghe tin đến can. Dương nói :

— Ta đánh nước Trịnh là thuận ý trời. Nước Trịnh ba đời giết cha, trời đã làm tội, khiến cho ba năm loạn lạc. Ta phải trợ giúp vào sự làm tội của trời.

Mặc Tử vặn lại :

— Nước Trịnh ba đời giết cha, trời làm tội 3 năm không được yên, thế là trời đã làm tội đủ rồi. Nay lại đem quân

đánh họ, bảo rằng : « ... Thuận với ý trời... », ví như nhà có một đứa con làm bậy, cha nó đánh đó, người láng giềng vác gậy đánh thêm và nói : « Ta đánh nó là thuận với ý cha nó », như thế há chẳng trái lẽ !

Lời can ngăn đánh thép trên chẳng những cho ta thấy được ý chí hòa bình của họ Mặc mà còn tỏ ra là một người biện luận có tài.

« Công Thâu Ban chê cho nước Sở một cái thang máy, sắp đem đánh Tống. Mặc Tử nghe tin, khởi hành từ nước Tề, đi luôn mười ngày đêm thì đến Dĩnh (kinh đô của nước Sở) vào yết kiến Công Thâu Ban và can việc đó. Công Thâu Ban phục lời Mặc Tử, lại đưa Mặc Tử yết kiến vua Sở. Sở vương nghe Mặc Tử khuyên, bằng lòng, thôi việc đánh Tống.

Mặc dù, Mặc Tử từng làm quan Đại phu nước Tống nhưng ông lo cho khắp cả thiên hạ, tự coi mình như một người chung của nhân loại, một công dân của thế giới. Ông đã ngăn cản được nhiều cuộc chiến tranh sắp bùng nổ nhưng cũng gặp nhiều

thất bại đau thương. Như lúc Công Thâu Ban chín lần đặt thang máy đánh thành nước Tống, Mặc Tử phải chín lần khuyên can. Những máy của Công Thâu Ban đã hết, nhưng sức khuyên can của Mặc Tử vẫn có thừa.

Có lúc Công Thâu Ban định giết Mặc Tử. Thoát nạn, ông trở về, thế mà khi đi qua nước Tống, gặp mưa, muốn trú ở cổng làng, kẻ giữ cổng lại không cho vào.

Người khác gặp trường hợp ấy, chắc phải chán nản, nhưng Mặc Tử vẫn hăng hái đeo đuổi chí hướng của mình kỳ cùng.

Khi Mặc Tử ở Lô sang Tề, gặp người bạn quen khuyên ông rằng :

— Nay thiên hạ chẳng ai làm việc nghĩa, sao bác lại cứ một mình làm nghĩa cho khổ, chẳng bằng thôi quách đi.

Ông trả lời :

— Nay có một người có 10 đứa con, 1 đứa đi cày, 9 đứa ở không thì đứa đi cày không thể không làm việc gấp thêm. Vì sao ? Vì người ăn thì nhiều mà người cày thì ít. Nay thiên hạ chẳng ai làm nghĩa, người



khuyến ta thêm mới phải, sao lại ngăn ta !

Một người nói ra được một câu như thế đã là cao đẹp lắm rồi. Huống chi người nói ra câu ấy lại luôn luôn làm đúng lời mình đã nói. Thật đáng kính phục thay !

Mạnh Tử tuy công kích kịch liệt họ Mặc là « vô quân, vô phụ » nhưng cũng phải nói rằng : « Họ Mặc yêu người, mồn trán lông gót, cái gì lợi cho thiên hạ thì làm ». Thật là một lời tâng dương cực điểm, diễn tả được đức tính hy sinh của họ Mặc.

Trang Tử cũng đã ca tụng : « ... Mặc Tử là người tốt ở gậm trời vậy. Muốn tìm, không thể gặp vậy. Dầu cho khô héo cũng không thể bỏ được vậy. Thật là tài sĩ vậy ! ».

Thật thế, Mặc-Tử thật là « người tốt ở gầm trời, muốn tìm không thể được », cũng như Hồ-Thích, một học giả danh tiếng hiện thời ở Tàu, đã cho rằng : « Mòn trán lòng gót, cái gì lợi cho thiên hạ thì làm ». Như Mặc-Tử, trong lịch sử nước Tàu, không thể có người thứ hai.



Thuyết « Kiêm ái » rất cao đẹp. Thuyết này gần giống như chủ trương từ bi bác ái của Phật-giáo và Gia-tô-giáo. Nếu loài người thực hiện

được thì cái thế giới ô trọc của chúng ta sẽ thành một thế giới thần tiên.

Nhưng khôn nổi không thực hành được. Nhân loại vẫn muốn hòa bình, thế mà sự mong muốn lại không thành tựu. Nhân loại vẫn bị xô đẩy nhau vào một vực thẳm máu tro thẳm khốc. Tại sao ?

Lý thuyết của Mặc-Tử tuy không tưởng, không thực hiện được, nhưng nhân cách của Mặc-Tử thật đáng kính, đáng soi gương.



★ DỊP MAY ĐỂ TRẢ ĐŨA

Trong một bữa tiệc, Elsa Maxwell được đặt ngồi cạnh một ông nọ có tiếng là khó chịu nhất.

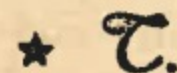
Maxwell nghĩ được một kế trả thù là cố nói thế nào cho người ngồi cạnh chịu cảm phiền, mở miệng không ra lời thôi.

Suốt cả bữa tiệc Maxwell tường thuật lại cuộc du-lịch của mình ở Ai-Cập cho ông khách ngồi cạnh nghe. Sau cùng bà kết thúc với một câu như sau :

— Ông cứ bắt chước tôi : hãy chun ra khỏi hang và dẫn thân vào cuộc phiêu-lưu. Nhưng trong khi chờ đợi, tôi sẽ gửi biếu ông một quyển sách rất hay của tác-giả Arthur Weigall, nhà khảo-cổ danh tiếng nhất hoàn cầu về Ai-Cập.

Ông khách nãy giờ ngồi im lặng, bèn thở ra một cái thật dài và nói :

— Thưa bà, nãy giờ bà đã cho tôi nghe một cuộc phiêu du ở Ai-Cập rất quý giá, nhưng Arthur Weigall chính là tôi !



(Nha Địa Dư — Đà Lạt)

MẤY nghìn năm về xưa, khi loài người còn sống riêng biệt, cố-định, và chưa liên-lạc với nhau từ vùng này sang vùng khác, họ chỉ khái-niệm rằng họ sống trên một khoảnh đất có núi, có bề và linh-đỉnh giữa không gian, trên là thiên-dàng, dưới là địa-ngục. Nhưng, khi họ mở rộng tầm hoạt-động và du-mục sanh-sống xa nơi chôn nhao cắt rốn, họ mới bắt đầu ý-niệm đến khoa-học địa-dư. Và, trong hiện-tại, chúng ta cũng chưa được biết rõ hình-dạng quả đất chúng ta ở ra sao cả.

Khi đọc sử-tích đời thượng-cổ của Trung-Hoa, ta thường

nghe nói đến bản-đồ, song tiếc thay hiện nay không một di-tích nào còn lại để ta xét đoán giá-trị của các bản-đồ ấy. Thế-kỷ thứ XX trước Chúa giáng-sinh, các thủy-thủ Phê-ni-xi đã cho rằng đất có hình quả tròn, vì khi một chiếc tàu xuất hiện, người ta thấy trước hết là cột buồm và dần dần xuống đến vỏ tàu, (Phê-ni-xi xưa là một nước nằm ngang trên lãnh-thổ Li-ban và Xy-ri ngày nay, dân Phê-ni-xi chuyên về hàng-hải và thương-mãi). Đến thế-kỷ thứ IV (xem hình 1) trước Chúa giáng-sinh, dân du-mục Ai-cập xác-định lại

thuyết trên, vì họ đề ý ngày 21 tháng 6 dương-lịch tại thành Syène (Assouan ngày nay) mặt trời rọi thẳng đáy giếng, trong lúc ấy ở phía Nam và phía Bắc Syène mặt trời lại rọi nghiêng làm cho đáy giếng có bóng miệng giếng (xem hình 2).

Vào cuối thế-kỷ thứ XVII, Newton lại đưa ra giả-thuyết quả đất có hình bầu-dục tròn-xoay. Ông giải-nghĩa rằng khi ta bỏ một giọt chất lỏng không tan trong nước vào một cốc nước, và ta quay cho nước xoay tròn, giọt chất lỏng sẽ vừa xoay tròn, vừa ước hình tròn và hơi dẹt ở hai đầu trục-xoay. Quả đất cũng thế, tuy vỏ tương đối cứng, song rất mỏng-mạnh và nhẹ-nhàng so với ruột vừa lỏng, vừa nặng và vừa nóng.

Trong thời ấy, Hàn-lâm-viện Pháp vừa được thành-lập và đang tìm một công-lác quốc-tế nội-bạc. Hàn-lâm-viện liền gửi các nhà thông-thái thiên-văn và địa-dư đi đo vòng cung kinh-tuyến ở Bắc-cực và ở phía Bắc xứ Pê-ru. Đầu tiên các ông này đề ý con lắc đồng hồ càng chạy chậm khi họ tiến về đường xích-đạo và càng chạy nhanh khi họ tiến về Bắc-cực. Kết quả cuộc đo-đạc chứng-mính giả-thuyết

Newton hoàn-toàn đúng-đắn, và họ cùng với Newton suy ra sự biến-thiên của nghiêm-trọng-lực « g ».

Sau đó, bình-chuẩn-đạc chính xác (nivellement de précision), cho chúng ta thêm một chứng-cớ cụ-thể về hình bầu-dục tròn-xoay của quả địa-cầu. Nếu ta có hai mặt nước êm-lặng, (xem hình 3) một cao một thấp đi từ xích-đạo đến bắc hay nam-cực, càng đến gần bắc hay nam-cực, hai mặt nước lại càng xấp gần nhau theo hệ-thức $g \times h = g' \times h'$. Từ đó ta suy ra đường bán-kính OM lớn hơn đường bán-kính ON.

Nhưng, gần đây, nhiều hiện-tượng lạ-kỳ làm cho các chuyên-viên địa-dư phải xét lại thuyết Newton. Giả-sử mặt nước bề êm-lặng và ăn sâu vào lục-địa, mặt nước sẽ không ước hình bầu-dục tròn-xoay theo như thuyết Newton, mà sẽ ước một hình kỳ-lạ mà khoa-học địa-dư vừa gọi là địa-diện (géoïde). Địa-diện ra sao, hiện nay kỹ-thuật địa-dư trên thế-giới chưa đủ phương-tiện để hoàn-toàn xác-định được, vì nó giống như một quả cam hơi dẹt ở hai cực và méo mó vì lâu ngày khô héo. Hiện-tượng của địa-diện được

ghi-nhận bằng sự lệch-chiều của đường thủy-trục (déviation de la verticale). Đã nhiều lần, khi làm bản-đồ, các kỹ-sư địa-dư đo kinh-độ và vĩ-độ vài điểm bằng phép thiên-văn. Từ kinh-độ và vĩ-độ đo được, họ tính khoảng-cách giữa các điểm ấy. Một mặt khác, họ đo thẳng trên địa-thể khoảng-cách giữa các điểm trên bằng phép trắc-địa. Khác với điều họ tin tưởng tiên-khởi, họ nhận thấy khoảng-cách đo theo phép thiên-văn và khoảng-cách đo theo lối trắc-địa không bằng nhau. Việc này chỉ có thể có vì đường thủy-trục lệch chiều và làm cho chuyên-viên đo sai kinh-độ và vĩ-độ (xem hình 4 và hình 5).

Theo hình 4 và 5 các bạn thấy :

— E, hình bầu-dục tròn-xoay của quả địa-cầu.

— G, địa diện (hay mặt nước bề, trong trường-hợp ăn sâu vào lục-địa)

— T, hình-thè của mặt đất (với lục-địa và bề).

— P, một điểm trên quả địa-cầu.

— V, đường thủy-trục lý-thuyết (theo toán-lý-học).

— V', đường thủy-trục thực-

tế (hay đường dây quả rọi, fil à plomb).

— L, vĩ-độ lý-thuyết.

— L', vĩ-độ đo-đạc được (bằng lối thiên-văn).

— L-L', là sai số biến-thiên tùy theo vị-trí của điểm P trên địa-thể.

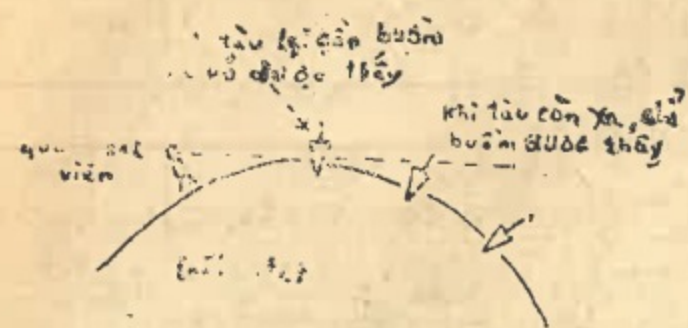
— sai số kinh-độ M-M', cũng biến-thiên theo vị-trí của P.

Trên một tấm bản-đồ, độ cao Z của một điểm P là đoạn Ph', nghĩa là khoảng cách giữa P với mặt địa-diện, còn tọa-độ bình-diện X và Y của P là tọa-độ bình-diện của xạ-ảnh h trên bầu-dục quy-chế E.

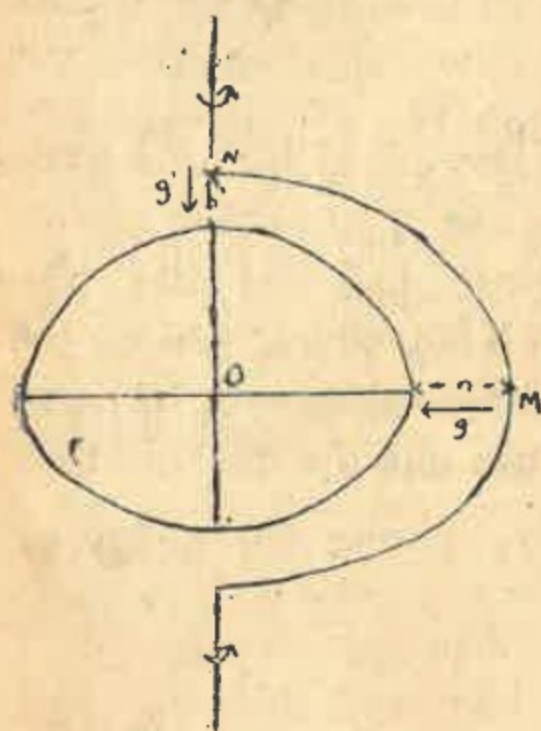
Rồi đây, những kết quả đo-đạc tự-động và chụp ảnh từ các vệ tinh nhân-tạo sẽ giúp cho các nhà bác học định lại rõ ràng hình dạng của địa-diện.

Vì địa-diện không phải là hình-dạng điều-hòa, nên mỗi cuộc đo-đạc kinh-tuyến và vĩ-tuyến đều cho ta những kích-thước khác nhau của khối bầu-dục tròn-xoay. Thế nên, trong thế-giới hiện nay, ta có rất nhiều khối bầu-dục quy-chiều dùng để làm bản đồ. Mỗi nước chọn khối bầu-dục nào hợp nhất với địa-thể nước mình trên địa-diện mà dùng. Vì lẽ ấy, bản đồ

HÌNH DIỆN CỦA

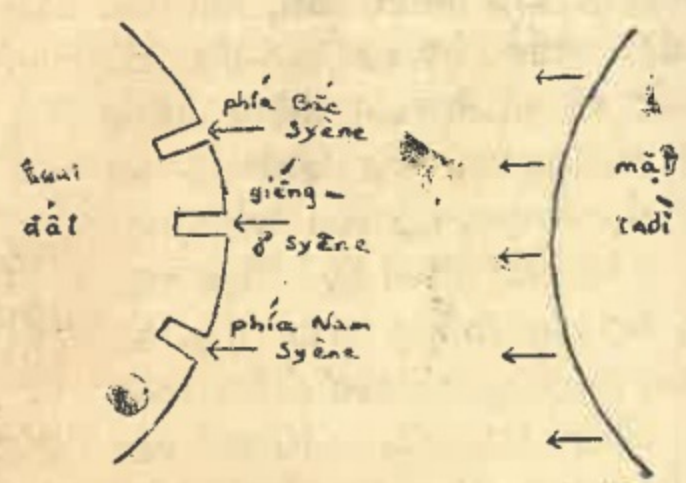


hình 1

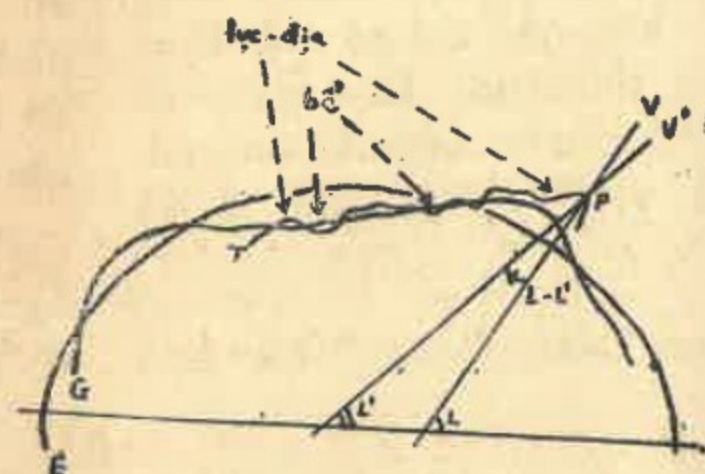


hình 3

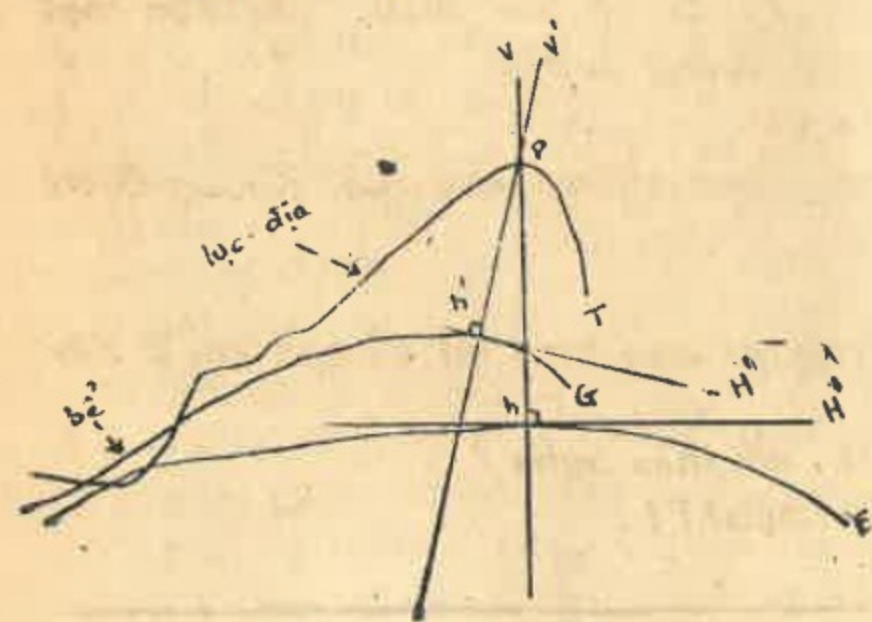
ngày 21 tháng 6 d. l.



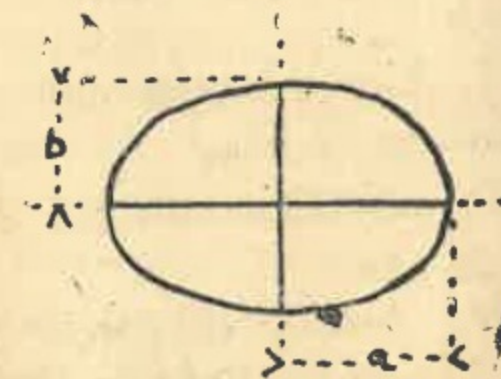
hình 2



hình 4



hình 5



hình 6

HÌNH DIỆN CỦA

của nước này làm thường không ngẫu-hợp với bản-đồ nước khác, và những rắc rối về ranh-giới thường xảy ra. Đây là vài khối trong số lớn bầu-dục tròn xoay được ứng-dụng :

(xem hình 6)

Delambre : $a = 6.376.985$ thước
 $b = 6.356.323$ thước

Everest : $a = 6.377.276$ thước
 $b = 6.356.075$ thước
Bessel : $a = 6.377.397,15$ thước

$$\frac{a-b}{a} = \frac{1}{299,15}$$

Clarke 1880 :
 $a = 6.378.249,2$ thước

$b = 6.356.515,0$ thước

Clarke 1886 :

$a = 6.378.206,6$ thước
 $\frac{a-b}{a} = \frac{1}{294,979}$

Hayford : $a = 6.378.380$ thước
 $b = 6.356.912$ thước

Theo các kích-thước trên đây thì các bạn thấy ngọn núi Everest cao và đáy bể sâu hơn 8.000 thước chỉ có thể so sánh như những vết trầy-trụa sơ sài của quả địa cầu mà thôi.



★ CHIẾM KỸ LỤC MAU

Tý làm việc gì cũng chậm chạp, một hôm ở bãi tập thể thao, đến lúc chạy đua, bạn bè của Tý đã về đến đích, chỉ còn một mình Tý là mới chạy được nửa quãng đường.

Thầy giáo thấy thế, bèn gắt :

— Tý, mày làm việc gì cũng chậm như rùa. Không được một điều gì mau cả !

Tý trả lời :

— Thưa thầy, con có một sự mau hơn tất cả anh em ở đây đó chứ !

— Việc gì mà mau đâu, nói thầy nghe ?

— Thưa thầy, con mau mệt !!!



LÁ MÙA HẠ

TRUYỆN NGẮN

* Trần-Tuấn-Kiệt

TÔI bắt đầu viết thi nàng tới. Bàn tay mềm nhẹ đặt sau vai gây thành cảm giác êm đềm như nụ hôn của nàng ban cho tôi. Nàng đứng im, chờ tôi viết dứt, nhưng tôi bỏ viết, quay lại cười chào nàng :

— Em đến trễ, anh chờ lâu quá.

— Anh chỉ đợi em có mườ phút.

— Hơn thế kỷ.

— Anh lại tiêu thuyết... thôi đi, anh bắt người ta đợi thi được !

Tôi ôm chặt nàng xuống ghề, nàng ngửa mặt nhìn lên, mắt long-lanh, da mặt đỏ rần lên, nóng bừng chờ đợi chiếc hôn.

Tôi cúi xuống, nàng khép mắt lại, nhưng tôi không hôn và khẽ dựng nàng lên. Đường

LÁ MÙA HẠ

như chạm lòng tự-ái, nàng bèn lên một giây rồi gay gắt :

— Em về đây, hôm nay buồn quá.

Biết nàng khó tính tới nơi, tôi hòa hoãn :

— Thịnh-thoảng, anh đưa em dạo phố.

Nàng đứng lên, tôi chặn mau đằng phía cửa, nàng tới xô vệt tôi sang bên, tôi quay người ôm cứng nàng diu vào phòng. Nàng kêu lên giận hờn :

— Anh không tốt.

Tôi mặc kệ, ghì nàng sát xuống giường, bật vai áo nàng ra, hôn vùi vào làn da ướp hương thơm nồng. Nàng nghoẻo đầu lại, móng tay nàng chồn-vồn chìa ra, tôi biết, hoãn lên, nhảy thót xuống giường, vì mỗi lần móng vút đó dương ra là da thịt tôi sẽ bị rách vì cào cào. Nàng có tật cào như mèo, tôi đặt nàng tên : « Con mèo mướp của anh », nàng thích danh hiệu đó lắm, và càng thích, nàng càng tỏ ra giống cái danh hiệu mèo, nghĩa là hay cào cào tôi thêm.

Khi nàng định nhồm dậy tôi nhanh hơn, vạt đèn, khóa thật chặt hai tay nàng, hôn chúi lên ngực nàng đang phồng lên

hơi thở. Nàng kêu đau, tôi không dám buông ra, sợ những vết cào rát da.

— Buông không, em la lớn.

— Em chịu chưa.

— Không !

— Nhứt định không ?

— Ừ ! Mỗi lần nàng càu tiết lên như vậy khiến tôi phải buông ra tức thời.

Và tôi xin lỗi, tôi lựa lời hòa-dịu với nàng, đến lúc nàng trở thành con mèo ngoan, cuộn tròn trong vòng tay thân yêu của tôi.

Một lát thôi, nàng nhồm dậy, tôi cũng đứng lên. Cả hai ra cửa, đến một nơi nào đó mà nàng định nói trước với tôi nhưng lại thôi.

Tôi không để ý nữa, khi nàng mang chiếc cào cào của tôi ra gỡ tóc rồi, nàng thoa lại chút son hồng lên môi, trông nàng trắng hồng trong màu áo lam nhẹ nhàng như nàng tiên kiều diễm.

— Đời quả thật đẹp.

Tôi nghĩ như vậy khi nàng vừa đến bên tôi, sự sống của tôi như vườn hoa được mưa đổ xuống, tôi cảm thấy khoái như uống chút nước mát trong

buổi trưa nắng. Sắc đẹp, mái tóc uồn chảy dài xuống vai, lăm lăm bóng lên như áng mây mịn màng, dịu dịu, càng nhìn hồn tôi bị thu hút vào áng mây đó và trôi đi, trôi xa tấp ở góc biển nào đó, cho đến lúc áng mây đó xê-xích lại gần tôi, tôi chợt nghe giọng nàng bảo :

— Sửa soạn đi với em anh à.

Tôi cười buồn bã vì phải đi với nàng. Vì tôi biết mỗi lúc nàng đi với tôi thì tôi còn chịu được, tôi đưa nàng đến những nơi nào không có người hay ít người, theo sở thích du ngoạn của tôi. Nhưng tôi bị nàng mời đi thì thật là một đại họa. Nàng dắt tôi về nhà cho một người bà con nào đó xem chân xem cẳng, hay nàng dẫn tôi tìm nhà một ông trung úy nào đó, một người bạn gái nào đó ở trong một biệt thự... phần nhiều là biệt thự kín cổng cao tường, tôi ghét nhất là giọng chó sủa, giọng hét tiếng nói của chủ nhân nó.

Nhưng nàng bảo đi thì không cách gì từ chối. Có độ nàng không kéo được tôi đi, nàng giận biệt tích hàng tháng trời không đến. Tôi nghĩ yêu nàng

thật là một đại họa.

— Đi hay không ?

Nàng hỏi gần khiến tôi bực tức :

— Đi thì đi.

— Thì sửa soạn đi chứ !

Tôi muốn hét lên :

— Sửa soạn như vậy được rồi.

Nàng khó chịu nhìn tôi, rồi lại đi vòng ra phía sau lưng, ngoẻo đầu đưa mắt nhìn từ gót tôi xuống lưng, xuống ống quần, cho cả đến cái dép tôi mang lẹp xẹp đó, nàng lắc đầu chê :

— Đi như vậy thì đi sao được.

Tôi bật cười ré lên :

— Tôi chạy cũng được nữa chứ đừng nói là đi. Nàng gay gắt thì trông thật ghê-gớm. Đôi mày Ấn-độ của nàng xèch ngược lên. Gò má thoa son hồng càng thêm ửng đỏ.

Nàng nói dứt tôi :

— Anh không sửa soạn cho đành-hoàng em về nghe.

— Sửa soạn hoài chán quá.

— Tất anh làm biếng không chịu được. Phải từ trước biết

được, tôi yêu anh làm gì cho khổ thân. Tôi cười chỉ tay lên mái tóc nàng bảo :

— Em thì còn có bộ tóc đẹp vậy, có cái áo đẹp vậy, có cái đôi dép cao gót vậy, anh thì cần gì, đồ này ngủ cũng được, đi đâu cũng xong, khỏi phải mất công, dăn dỉ như thề thì tiện hơn.

Tức muốn khóc được, nàng đứng dậy ra cửa sổ, nhìn xuống dưới đường chạy loăn-xoăn trong xóm. Nàng ngược mắt ngó mấy cái tháp xa xa. Lúc nàng ngược nhìn nghiêng-nghiêng, tóc xòa về một bên, gương mặt nàng trong ánh nắng chập-chờn trông như một phiến cẩm-thạch mỏng, toàn thân nàng hiện lên như một nhà điêu khắc tạc để xéo qua một bên, đẹp huyền-hoặc, mơ-hồ như cái bóng cây chiếu nắng.

Tôi rất thích cái đập-dáng đó. Nổi mờ-màng lên khung cửa như cái bóng nào ám ảnh tôi, lúc tôi nhìn lên không trung, có những áng mây phập-phồng. Tôi cảm thấy tâm-hồn say sưa, tay tôi bắt đầu cảm thấy muốn vẽ lên hình tượng kỳ ảo của nàng.



Nàng giận và đứng yên lâu lắm. Nàng nhất định không ngoái nhìn lại. Tôi thì nghĩ áng mây trập-trùng kia đang tiêu-tán và tâm hồn nàng đã toan nhòa theo từng màn mây mỏng ở xa khơi đó. Nàng quên thực-tại, quên tôi, quên luôn ý định đến một nơi nào đó.

Người đàn bà nào cũng vậy, lúc quên thì đẹp vô cùng, quên tất cả, điên cũng được.

Tôi đặt cái giá vẽ lại, tôi lên khung cửa bầu trời sương mù, hình thề nàng bắt đầu hiện bằng một cái vệt đen dài, màu xanh mờ đậm với cái khung trời màu nhạt xa xôi. Nàng bắt đầu biến thành một thực chất khác trong óc tôi. Nàng là hình ảnh của sự



sáng tạo, nàng không có tình cảm, nàng đứng yên như vậy đến suốt ngàn năm. Nhưng là một hình thể kỳ diệu của tôi, do tôi tạo ra. Tôi và nàng trong phút đó chẳng có một sự liên lạc cảm thông nào cả, mà thật là cả hai đều hiện hình lên tranh, tôi là màu, nàng là bầu trời, là hình tượng, là cửa sổ đó. Tôi vẽ xong buồn ngủ quá, khi tỉnh dậy, nàng đã đi đâu mất. Tôi đã mất nàng. Nhìn bức tranh, màu sắc như an ủi tôi, làm dịu lại lòng tôi cảm thấy nhớ nàng.

Và từ đó tôi mất nàng thật. Suốt tháng tôi tìm lại nàng mà không gặp, tôi giữ bức tranh, bức tranh không làm khổ tôi hơn là nàng, tuy có

nàng một bên, tôi lại vừa thú vị vừa khó chịu.

— Nàng tên là Vân !

Tôi không vẽ tranh vì nhớ nàng quá. Tôi đi vào một xóm xa, nơi đó có đồng ruộng, gần thành. Có một con đường lớn xe hơi chạy. Những khu vườn nhỏ, đôi ba cái nhà gạch lớn của chủ vườn, chủ trại nuôi gà, tôi tìm đến và đứng bên một cái cầu ván bắc ngang rạch nước.

Bóng dừa lay động dưới nước, xóm vắng lặng, nền trời đục, lòng tôi êm, tâm hồn cảm thấy thơi thả. Mây bay nhẹ trên nền trời đục đó. Tôi nhớ Vân và muốn bay theo mây. Mây vẫn bay và mang theo hồn tôi đi mất.



anh vẫn là anh

* THƯƠNG-HOÀI-ANH

(Đà-nẵng)

Không em ơi ! không có gì hết cả
Ngoài hè sang oi ả tiếng ve sầu
Đất khô càng thêm rõ giọt mưa ngâu
Lòng ấp-ủ vạn nghìn câu tâm sự
Anh vẫn là anh buồn khi tình sử
Của ngày xưa thắm lệ tự trang đầu.
Một sớm nào buồn mình tiễn đưa nhau
Tay siết chặt mắt nhìn nhau không nói
Nay bỗng đứng bất được thư em hỏi
— Hè năm nay Đà-nẵng có gì không ?
Anh vẫn là anh chết tận trong lòng
Thời hoa mộng còn mong chi trở lại
Nắng đã lịm tàn bao hồn cỏ dại
Mây vẫn sầu cho thực tại tang thương
Tâm sự u-hoài của khách tha phương
Đang lạc-lỡng trên nẻo đường đất nước,

Anh vẫn là anh con người năm trước
Mãi mê buồn ôi ! những bước đi hoang
Trải bao đêm sầu thế hệ chưa tàn
Lòng trĩu nặng cả muôn vàn đau khổ
Anh vẫn là anh say mê mộng ảo
Nhưng còn đâu thời thái-cổ hoang-sơ
Đâu cảnh rừng khuya suốt bạc trắng mờ
Là tất cả những gì thơ với mộng
Anh vẫn là anh lòng hằng cảm động
Những đêm đông mưa gió lộng ngoài hiên
Những mùa xuân sang cảnh đẹp mơ huyền
Trưa mùa hạ khí thiêng bừng nóng bức
Những chiều thu cõi lòng càng thồn thức
Nghe lá rơi mà rạo rức trong hồn
Những đêm thăm đếm mãi bước chân đơn
Đem dĩ-vãng làm mờ chôn hiện tại.



Sầu thế hệ vẫn là sầu vạn đại,
Chuyện đời nay còn nói mãi thêm buồn,
Bao đêm tàn ôi khóc ánh trăng suông.



★ Đàm-quang-Thiện

Héraclès hay Hercule

MỘT hôm, động lòng thương những đau khổ của loài người, Zeus nghĩ ngợi và tự nhủ : « Ta muốn sinh ra một vị đại anh hùng để cứu giúp người và thần. Nhờ ở đức độ và sức mạnh anh dũng của vị đó, loài người sẽ thoát được mọi nguy hiểm ».

Nói thế rồi Zeus một đêm xuống thành Thèbes. Ở đó, trong một lâu đài nguy nga, có một bà hoàng hậu rất đẹp tên là Alemène. Chồng bà, vua Amphitryon, đang đi chinh chiến. Muốn đến gần

Alemène, ông liền hóa phép thành Amphitryon. Gia nhân tưởng là chủ về vui mừng đón rước rồi đưa ông vào chỗ hoàng hậu. Kết quả là Héraclès ra đời. Nhưng đứa bé vừa trông thấy ánh sáng mặt trời đã bị bà Héra vì ghen tương tìm cách hại. Thành vậy, một đêm tối trời, bà Héra sai hai con rắn độc xuống cắn Héraclès. Chúng lặng lẽ bò qua cửa hé mở đến giường của đứa bé. Hai con quái vật vừa rít lên, vừa sắp mồm vào má nó thì chợt nó thức giấc liền, hai tay nắm đầu hai con rắn bóp chết như gọng

THẦN THOẠI HY LẠP

kìm khiến hai con cùng bị chết ngạt. Đó là chiến công đầu tiên trong đời vị anh hùng vô địch ấy.

Được mẹ săn sóc chăm nom, đứa nhỏ lớn lên như thổi. Và chính Zeus từ trên đỉnh Olympe, vẫn đề ý che chở cho con. Một hôm muốn cho con được bú sữa một vị nữ thần và nhờ thế thành bất tử, ông liền sai Hermès xuống trần bắt đứa bé đem lên. Trong khi Héra ngủ, ông bế nó lại cạnh bà và cho nó bú sữa của bà. Nó bú một hồi no quay ra cười với bố. Nhưng nó mút mạnh đến nỗi lúc nó thôi rồi sữa của bà Héra vẫn chảy. Những giọt chảy trên trời thành con sông Ngân-Hà và những giọt rơi xuống đất thành những hoa huệ.

Lúc Héraclès lớn lên, mẹ chàng hết sức chú ý đến sự giáo dục của chàng. Linos, con của Apollon, gi dạy chàng văn chương. Enmolpos gi dạy hát và đánh đàn thiên cầm. Eurytos gi dạy bắn cung. Chính trong thời kỳ học tập ấy chàng đã phạm một lần thứ nhất vào một vụ ngộ sát. Người ta kể lại rằng một hôm,

muốn thử sự khôn ngoan của trò, Linos bảo Héraclès chọn trong một chồng sách quyền mà chàng thích hơn cả. Vốn tính tham ăn — sau này chàng có thể một mình ăn hết cả một con bò — Héraclès chọn quyền nhan đề : « Người đầu bếp hoàn toàn ». Bực mình vì sự lựa chọn đó, Linos liền quở mắng học trò và dọa dẫm nữa. Tưởng mình ở trong trường hợp bắt buộc tự vệ, và bỗng dưng nổi cơn thịnh nộ, Héraclès nhân có một cái dùi để dấy liền cầm đập nó lên đầu Linos khiến ông này bị chết tức thì. Để phạt Héraclès về vụ ngộ sát đó, Amphitryon đẩy chàng ra ở với bọn mục đồng trên những đỉnh núi cao. Ở đó những sự tập tành về săn bắn làm nở nang thân thể chàng và cho chàng một sức khỏe thần diệu. Năm mười tám tuổi chàng giết một con sư tử thường tàn phá vùng đó. Lúc trở về gặp một bọn người từ Orchomène đến, đòi dân thành Thèbes phải trả nợ cho họ một trăm con bò. Không một chút ngần ngại, Héraclès tấn công họ. Chàng bắt họ, cắt tai

NEUROTONIC **BỔ OC**
Tăng cường trí nhớ

và mũi di, trói giết cánh khuyu lại rồi đuổi về. Vua xứ Orchomène là Erginos tức giận bèn mộ một đạo quân sang Thèbes. Nhưng Héraclès mặc bộ binh giáp của Athéna cho, chỉ huy đoàn quân chống lại. Chàng liền xoay hướng cho dòng sông chảy vào dinh trại của giặc làm họ chết đuối cả. Còn Erginos thì bị Héraclès bắn chết. Để thưởng công chàng, vua Thèbes gả con gái là Mégara cho chàng.

Hai vợ chồng sinh được nhiều con, nhưng một hôm trong một cơn tức giận chàng bắn chết tất cả vợ con. Sau hối hận, chàng liền đến Delphes hỏi Apollon xem phải làm thế nào để chuộc tội được. Thánh giầy chàng phải đến Tirynthe ở cho vua Eurysthée trong mười hai năm. Héraclès vâng lời. Nhưng Eurysthée vốn là một ông vua yếu ớt và dút dát nên khi thấy vị anh hùng đó đến thì sợ một ngày kia chàng lại chiếm mất ngai vàng chẳng. Vua liền giao những công việc hết sức khó khăn cho chàng hy vọng chàng không làm nổi và sẽ bị chết, nhưng lần nào chàng cũng thành công. Những việc đó gọi là mười hai công việc của Hercule :

1 — Eurysthée yêu cầu Héraclès mang về cho mình cái da con sư tử ở Némée. Con vật ghê gớm đó

làm cả vùng Argolide kinh sợ. Mỗi khi nó găm lên thì thợ cấy và mục đồng sợ xanh xám cả mặt và nằm nép ở xó nhà. Héraclès một tay cầm cung và túi tên, một tay cầm cái chùy, đi tìm con ác thú. Chàng bắn hết túi tên vào mình nó nhưng vô ích. Con vật không hề nao núng : da nó cứng đến nỗi sắt nhọn cũng không phạm vào nó được. Các mũi tên đều rơi xuống cỏ hay xuống bãi cát. Héraclès tức mình liền cầm chùy đuổi con vật và la hét ầm ỹ. Con sư tử sợ hãi chui vào hang. Cái hang có hai cửa. Héraclès liền lấp một cửa lại rồi vào cửa kia. Con quái vật sù bồm lên, găm thét và chực nhảy vồ chàng. Vị anh hùng một tay cầm mũi tên bằng thép, một tay đỡ cao cái chùy hết sức giáng một nhát thật mạnh vào đầu nó. Cái chùy gãy làm hai mảnh. Con vật lão đảo. Héraclès vút khí giới xông vào vật lộn với mãnh thú. Chàng ôm nó và bóp chặt đến nỗi nó bị chết ngạt. Chàng liền lột da nó rồi khoác vào mình như một cái chiến bào hết sức chắc chắn vậy.

2. — Công việc thứ nhì mà Eurysthée giao cho Héraclès là giết con thủy tức ở Lerne. Con vật khổng lồ ấy mình rắn có chín đầu. Nó ở bãi ao bùn hôi hám ở Lerne. Mỗi khi ra ngoài, nó tàn

phá những vùng quê và sát hại các gia súc. Hơi thở của nó rất độc và ai vô phúc hít phải tất bị chết. Trong trận đấu với con vật đó, Héraclès nhờ có một người bạn trung thành là Iolaos giúp đỡ. Lúc đến bờ ao, Héraclès bắn tên vào các đùm sậy. Con vật liền hiện ra và ngóc cả chín đầu lên. Vị anh hùng cầm chùy đánh những đầu ấy, nhưng mỗi khi một cái đầu bị đánh rạp lại nảy ra hai cái khác thay. Héraclès bèn gọi Iolaos. Chú này bèn đốt cháy rừng bên cạnh rồi lấy những cây củi đang cháy mà đốt các đầu mới mọc không cho nó nảy nở ra nữa. Khi nó chỉ còn có một cái đầu, Héraclès liền chặt nốt. Trước khi đi, Héraclès nhúng những mũi tên vào nọc độc của con vật.

3. — Eurysthée lại sai Héraclès bắt sống con hươu cái của núi Cérυνée. Con hươu đó có những sừng bằng vàng và những chân bằng hoàng đồng. Nó chạy không biết mệt và chưa ai đuổi kịp nó bao giờ. Vì thế nên Héraclès phải đuổi nó liên trong một năm trời. Nó chạy thẳng một mạch đến những vùng cực bắc rồi lại chạy

lộn ngược lại. Một lần vì nó còn ngần ngừ trước một con sông nước lũ nên Héraclès đuổi kịp nắm chặt lấy sừng nó và vác lên vai mang về cho Eurysthée.

4. — Vừa về đến nhà chủ, Héraclès lại bị sai đi bắt sống con lợn lòi ở Erymanthe. Con vật đó mỗi khi ra khỏi chuồng lại tàn phá những cánh đồng Arcadie. Vị anh hùng đi mang theo chùy và tên như thường lệ. Sau khi tìm kiếm lục lọi khắp các bụi cây, Héraclès tìm thấy con vật. Một cuộc săn đuổi ráo riết diễn ra qua các núi cao có tuyết phủ khiến con thú mệt mỏi ăn vào trong một khe núi hẹp không có lối ra. Thế là con lợn rừng bị bắt. Héraclès vác nó lên vai mà đem về.

5. — Giữa một cái ao đầy bụi gai ở bờ hồ Stymphele có một đàn chim kinh khủng, mỏ, chân và cánh bằng hoàng đồng. Chúng đùa lông như những mũi tên sắt để giết khách qua đường mà ăn thịt. Không những chúng hại người và súc vật, chúng còn tàn phá vườn tược và mùa màng nữa. Héraclès được lệnh phải đuổi giết

Dũng

NEUROTONIC

BỔ ỨC

Tăng cường trí nhớ

175 927 40-11-43

những chim đó. Đứng trên một ngọn núi gần đấy, chàng liền lấy chũm chọe đập âm ỹ. Tiếng động làm đàn chim bay lên thì bị Héraclès dùng cung tên bắn chết hết.

6.— Việc thứ sáu là phải bắt sống con bò mộng xứ Crète. Nguyên Minos là vua ở Crète một hôm hứa dâng vị thần bề vật gì mà vị thần đó sẽ làm ra khỏi mặt nước. Poséidon liền làm cho một con bò mộng rất đẹp hiện lên. Đẹp đến nỗi Minos tiếc liền thả vào một con vật xấu hơn. Poséidon tức giận làm con bò hóa điên khiến cho cả vùng kinh sợ. Héraclès liền đến Crète, tìm con vật rồi nhảy vào túm lấy sừng nó, cho nó vào trong cái lưới rất chắc vác nó lên vai đem về cho chủ.

7.— Eurysthée lại sai Héraclès cọ rửa những chuồng bò của Angias, vua Elide. Ông này có ba ngàn con bò nhốt trong những chuồng đã từ ba mươi năm nay không cọ rửa khiến mùi hôi thối nồng nặc khắp mọi nơi. Héraclès liền đục thủng một phía tường của chuồng bò, khơi ra sông Al-phée chảy qua đó và đem theo các thứ dơ bẩn đi.

8.— Diomède con của Arès, là vua một xứ mọi rợ. Hắn có

những con ngựa cái phun ra lửa. Mỗi khi có người bị bão đánh rạt vào địa phận ấy liền bị hắn bắt cho đàn ngựa ăn thịt. Héraclès và vài người bạn cập bến Thrace và tìm đến chuồng ngựa của Diomède. Sau khi hạ sát những tên phu ngựa, Héraclès bắt Diomède vứt cho đàn ngựa ăn thịt. Khi chúng ăn xong thịt chủ, vị anh hùng liền bắt đem về Mycènes.

9.— Admète, con gái của Eurysthée, thêm muốn cái thắt lưng rực rỡ của Hippolyte, hoàng hậu các nữ kỵ mã. Bọn này ở những bờ xa xôi của Hắc Hải, trong một xứ không có đàn ông.

Họ rất hiếu chiến và thường dùng cung tên hay búa ngòi trên mình ngựa mà ra trận. Lúc đầu Héraclès được bà Hippolyte tiếp đón rất tử tế và hứa sẽ cho chàng cái thắt lưng ấy. Nhưng kẻ thù của chàng là bà Héra hóa phép làm nữ kỵ mã trà trộn vào đàn bản xứ phao tin là Héraclès định bắt hoàng hậu của họ và xúi giục họ đánh chàng. Một cuộc đấu dữ dội xảy ra. Một số lớn các nữ kỵ mã và chính cả bà hoàng hậu nữa bị chàng giết chết. Héraclès lấy được cái thắt lưng đem về cho công chúa.

(Còn tiếp)



AN-KHÊ ngày nay thuộc Quận An-Túc, tỉnh Bình-Định, cách thị-xã Qui-Nhơn 80 cây số ngàn về hướng Tây-bắc, trước kia anh em Nguyễn-Nhạc đã dùng nơi này làm căn-cứ đây binh, ngày nay du-khách đi qua An-Khê, ít người biết đến.

Để tưởng nhớ vị anh-hùng dân-tộc, vua Quang-Trung Nguyễn-Huệ, tôi xin giới-thiệu cùng quý độc-giả những di-tích, truyền khẩu, câu hát của dân-chúng địa-phương ngày nay, đôi với sự nghiệp của Ngài.

Theo Sử Việt đã viết : « Nguyễn-Nhạc làm Thơ-lại cho Chúa Nguyễn tại Qui-

QUA
CÁC
DI-
TÍCH

ở
AN-
KHÊ

★ Hồ - Uyển

Nhơn, vì cớ bạc thâm-thũng công-quỹ, sợ bị tội nên trốn, sau đó nổi lên chống lại Chúa Nguyễn... »

Câu ấy khiến có người tự hỏi : Có đúng thế không ? hay

thiên-lệch chăng? — Vì những nhà ghi chép lịch-sử sau này về Nhà Nguyễn Tây-Sơn lại là các quan-lại Triều Gia-Long!

Anh em Nguyễn-Nhạc trốn chúa Nguyễn không phải vì cờ bạc thâm-thủng công-quỹ, nhưng chính vì lòng thương dân

Đề khỏi thắc-mắc và cũng đề người xưa khỏi ngậm-ngùi mang tiếng, vì lịch-sử chưa hề ghi lại nét thanh-minh đối với việc làm của vị anh-hùng đất nước, tôi mạn phép thuật lại những truyền-tụng của các cụ già hoặc những tài-liệu sống tại địa-phương, nơi khai-sinh nhà Tây-Sơn : vua Quang-Trung Nguyễn-Huệ :

*Kí-phách anh-hùng với núi sông,
Ngàn năm ghi nhớ dấu Quang-Trung...*

Năm ấy, dân-tình đói khổ, hạn hán liên-tiếp, nhất là nạn hoành-hành của Trương-

phúc-Loan; cây quyền hà-hiệp vỡ-vết của dân, ra lệnh đóng thuế cao, thu thóc nhiều, khiến dân-chúng hằng ngày xảy ra những cảnh tù đày, đánh đập...

Đứng trước sự đau thương ấy, và cũng đề giải-phóng cho giống nòi, Nguyễn-Huệ bàn với anh là Nguyễn-Nhạc nên dùng chức-vụ của mình (Thơ-lại), xuất biên-lai cấp cho dân chúng, nhìn nhận đã thu đủ số lúa gạo, nhưng sự thật thì trong kho không thu được gạo lúa nào. Kê ấy thành-tựu, dân chúng hết sức vui mừng, người này truyền sang người kia, ca ngợi đức-độ của anh em họ Nguyễn. Chẳng bao lâu bọn Trương-phúc-Loan hay được, cho binh-sĩ đến vây bắt, nhưng nhờ có tâm phúc, anh em Nguyễn-Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn-Lữ, nửa đêm lén trốn lên vùng Phú-Lạc (nơi này hiện có đình thờ vua Quang-Trung vừa mới được tu-bồ), nay thuộc Quận Bình Khê, tỉnh Bình-Định. Như

vậy việc anh em Nguyễn-Nhạc lén trốn và sau này chống lại Chúa Nguyễn là vì dân chứ không phải vì cờ bạc thua.

Nơi đây, Nguyễn-Huệ mở trường dạy võ, khuyến-khích thanh-niên rèn tập, giữ gìn làng mạc, tiêu-diệt những ô trộm cướp quanh vùng, làm cho dân chúng được an-cư lạc-nghiep. Chẳng bao lâu, anh em Nguyễn Nhạc trở nên người có uy-tin và được dân chúng mến thương.

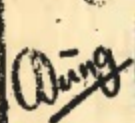
Nhận thấy cơ-hội thuận-tiện, anh em Nguyễn-Nhạc một mặt chiêu-mộ binh-sĩ, một mặt tuyên-truyền gây cảm-phản trong nhân dân đối với Triều Chúa Nguyễn thối-nát.

Hay được tin, bọn Trương-phúc-Loan đem quân lên vây bắt, nhưng trước đó năm hôm, một hội-nghị của các bộ-lão trong vùng tại cây Muồng đã tôn Nguyễn-Nhạc làm Chúa. Nhận thấy nơi đây không phải là nơi dụng binh lâu dài, nên anh em Nguyễn-Nhạc đã rút binh lên vùng Thượng-du Bahnar, tức vùng An-Khe ngày nay.

Nhờ có địa thế, núi rừng hiểm-trở, đèo Mang của dãy núi Trường-sơn chặn ngang đường từ Bình-Định lên, nên nhiều lần quân của Trương-phúc-Loan tiên đánh đều bị Nguyễn-Huệ đánh thua, đành phải rút về.

Miền Bahnar lúc bấy giờ, toàn là thổ dân người Thượng giống Bàn-nam, tính-tình hung-hăng, hay giết người, nhất là ham giết người Kinh. Văn-đề này đã khiến cho anh em Nguyễn-Nhạc phải khổ tâm, hầu như chưa có kế-hoạch đòi phó.

Một hôm, Nguyễn-Huệ dẫn binh thám-thính Vùng Bắc Bahnar, đến bờ sông Dakpa (Sông Ba) bỗng thấy một số dân Thượng tụ-tập đang làm thịt một con tây-ngu (Rhino-céro) to-tướng. Khi thấy đoàn binh Nguyễn Huệ đến, dân Thượng vùng bỏ chạy. Nhưng lạ thay, chỉ còn có một người ăn mặc áo-quần người Kinh vẫn ngang nhiên đứng nhìn. Lại gần thì là một ông già độ 60 tuổi, hình-vóc mạnh-mẽ, nét mặt tuy đã già nhưng hai mắt sáng trưng, vai mang một khẩu súng kếp đá (loại súng phải dùng viên đá đánh lửa.

 **NEUROTONIC** **BỔ ỨC**
Tăng cường trí nhớ
175 377 80-11-8

châm ngời mới nổi). Đoán chắc là một nhân-vật ẩn danh, hoặc một viên tướng chông lại Triều Chúa Nguyễn, lánh mình trên xứ Mọi. Nguyễn-Huệ tiên lại lễ phép mà hỏi thì ông già ấy tên là Ông Sơn (người ta thường gọi là ông Sơn, nhưng không biết họ là gì, và sau này Nguyễn Tây-Sơn thông nhất được giang-san, cũng không thấy ông phong đền chức gì cả, và trong Sử cũng không thấy ghi chép tên ông), sống trên Vùng Bahnar đã ba, bốn mươi năm, nhờ có tài bắn giỏi (mua được khẩu súng từ bên Xiêm đem về) thường hay bắn những con tây-ngu, để lấy sừng bán còn thịt thì cho dân Thượng ăn, vì vậy được dân Thượng kính mến và cũng là người Kinh độc-nhất có uy tín đối với dân Thượng lúc bấy giờ.

Họ Nguyễn có công khai phá đất-đai, di dân lập ấp, hướng dẫn người Thượng sống chung làm ăn với người Kinh

Không bỏ dịp may, Nguyễn Huệ thu dụng ông Sơn. Từ đó ông Sơn ngày đêm đi thuyết-phục dân Thượng, sai người về Bình-định mua muối đem lên cho gây tình đoàn-kết Kinh - Thượng, mặt khác Nguyễn-Huệ cho khai-phá đất đai, di-dân người Kinh từ Trung-Châu lên lập nghiệp, giúp đỡ dân-chúng Thượng làm ăn, từ Bàu-Đồn, Plei. Xuty đến Kanack, đâu đâu cũng thấy dân Thượng làm ăn chung với người Kinh (đây cũng là một kế-hoạch của Nguyễn-Huệ muốn đồng-hóa người Thượng, trong tình đoàn-kết, người xưa hay ở chỗ đó). Chẳng bao lâu, vùng Bahnar trở nên vùng rất trung-thành của họ Nguyễn và cũng từ đó, người Kinh mới bắt đầu tiến lên vùng Cao-Nguyên.

Ngày nay, có nhiều ông già người Thượng, còn hay nhắc sự-tích « Bả Nhạc păng đao binh bok kede », nghĩa là Cha

Nhạc với thanh gươm rồng (bưu kiếm này, Nguyễn-Nhạc tặng cho dân Thượng để uống huyết thể làm cha con). Coi như vậy đủ biết anh em Nguyễn-Nhạc thu-phục nhân-tâm rất giỏi.

Sau khi hết lo về mặt Thượng-du, Nguyễn-Huệ sai em là Nguyễn-Lữ giả người bán trâu (thổ-sản của vùng Bahnar), lên về Trung-châu mộ lính và đồng-thời thám-thính tình-hình địch. Hiện nay, ở thôn quê còn có câu hát :

*Mời anh xơi miếng trâu vàng,
(trâu vàng còn có ngụ ý là trâu của nhà vua)
Một mai anh đặt làm quan,
em nhờ...*

Đó là sự-tích của ông bán trâu họ Nguyễn.

Để đề-phòng sự tấn-công của Chúa Nguyễn, Nguyễn-Nhạc sai Nguyễn-Huệ đóng quân tại đèo Mang (đèo An-Khê), trên một đỉnh núi cao, người ta gọi là núi Ông Huệ hay núi Ông Bình. Còn Tổng-hành-dinh Nguyễn Nhạc đóng tại một đỉnh núi, ngày nay người ta gọi là núi Ông Nhựt (vì người mình trước

kia, hay có tục « húy-tánh », nghĩa là cứ tên thật của các vị vua chúa, thần thánh, chỉ gọi tên trại một bên, như núi Ông Huệ, núi Ông Nhựt v.v... mà không dám gọi là núi ông Huệ, núi ông Nhạc).

Còn ông Sơn, ngoài việc thuyết-phục, mộ binh-lính người Thượng, còn sang Xiêm để mua vật-liệu về đúc súng, đạn tại một nơi ngày nay người ta gọi là núi Tà-Diêm (nơi làm diêm-sinh). Trong thời kỳ thái-bình, tôi có lần đi thăm các di-tích của Tây-Sơn, ngoài hai núi Ông Huệ và núi Ông Nhựt, cây cây Khi-Cỏ, không còn dấu vết gì, chỉ núi Tà-Diêm còn lại một ít gạch, đá ông và mẻ gang.

Khi binh-mả đầy đủ, lương thực sung-túc, anh em Nguyễn Nhạc lựa ngày xuất binh, làm lễ tế Trời đất, đặt niên-hiệu và treo đại-kỳ trên một cây cổ-thụ ngày nay người ta gọi là cây Cây Khi-Cỏ (nghĩa là cây khởi sự đánh chuông trống). Cây Cây này ngày nay còn sống, đứng sừng-sừng trên đèo Mang.

NEUROTONIC BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

**Anh em Nguyễn - Nhạc
đặt niên - hiệu là Tây-
Sơn, không phải khởi-
nghĩa làng Tây - Sơn,
nhưng muốn kỷ - niệm
cuộc đời Ông Sơn, người
có công nhất của
họ Nguyễn**

Đặt niên-hiệu là Tây-Sơn, có sách thì chép Tây-Sơn là vì khởi-nghĩa ở làng Tây-Sơn, có sách thì cho là khởi-nghĩa ở núi hướng Tây ? Nhưng theo các cụ già tại địa-phương cho biết sở dĩ anh em Nguyễn-Nhạc lấy niên-hiệu Tây-Sơn là vì muốn kỷ-niệm cuộc đời Ông Sơn, người đã giúp anh em Nguyễn-Nhạc làm nên sự-nghiệp lúc ban đầu (Ông Sơn lúc này đã qua đời). Sơn là lấy tên Ông Sơn, còn Tây là lấy nghề-nghiệp của Ông, săn Tây-ngu, ghép lại thành Tây-Sơn ? Và lại, sau khi Nguyễn-Nhạc thông-nhất giang-sơn, mới cho đặt Vùng Bahnar thành Tây-Sơn Ấp (vào khoảng năm 1789, con cháu Tây-Sơn Ấp hãy còn tại làng An-Khê).

Cũng theo lời các cụ già kể lại, khi Tây-Sơn kéo quân xuống Bình-Định đi đèo đèo Mang, bị một con rắn mun, rất lớn chặn ngang đường, binh-

sĩ không dám tiến, Nguyễn-Huệ liền nhảy xuống voi, chém con rắn đứt làm hai đoạn. Về sau nơi này, cộp sinh ra rất nhiều căn phá dân làng, người ta cho là rắn thần nên lập miếu thờ, ngày nay người ta gọi là Miếu Xà hay Miếu Bà thuộc địa-phận làng Thượng-An, quận An-Túc, tỉnh Bình-Định.



Vị anh-hùng dân-tộc, vua Quang-Trung Nguyễn-Huệ, đã bao năm khổ sở vì dân, nhưng chí-nguyện chưa thành, mộng sát-nhập Quảng-Đông và Quảng Tây vào lãnh-thổ Việt-Nam chưa thực hiện, thì than ôi Người đã băng hà.

«Qua đình Phú-Lạc nhớ Quang
Trung,
Non nước ngàn xưa, dấu tộc
hùng!

Trôi-nổi bao phen, đời loạn-
lạc,
Gập-ghenh mấy độ, kiếp long-
đong

Áo nâu noi gót, hờn dân-tộc
Giáp đỏ ra tay, nợ núi sông
Ngựa chửa buông cương,
nuôi chí căm

Mây mù giăng tỏa, đỉnh non
Tần!»



giã từ

★ DIỆU-HƯƠNG H.K.H
(Gia-Định)

Ngày mai tôi vào Phật tự
Tìm quên bao chuyện trái ngang
Vui chôn nỗi niềm tâm sự
Mọi người ở lại bình an

Ngày mai tôi rời trường học
Xa thầy, xa bạn thân yêu
Đời tôi trở thành cô độc
Giữa nơi Phật-tự cô liêu

Ngày mai giã từ tất cả
Thân này gởi cửa Từ-Bi
Thành tâm tu hành, công quả
Diệt đi bao nỗi sân si

Ngày mai đi vào Phật-tự
Nguyện cầu với Đức Chí Tôn:
«Giúp con quên niềm tâm sự
Ơn trên cứu độ linh hồn»

Ngày mai ở nơi Phật-tự
Có người sư nữ đôi mươi
Tìm quên câu kinh tiếng kệ
Mọi người ở lại vui tươi!...





★ Thi Hương

Đã có khi nào bạn đang đi giữa đồng trống và gặp một cơn mưa to... kèm theo cả sấm sét?

Đã có khi nào bạn thấy ánh sáng xanh lờ của ngọn lửa trời sáng rực lên giữa khoảng không trung mù mịt và bạn nhắm mắt lại để đợi tiếng sét kia giáng xuống?

Đã có khi nào bạn tưởng tượng rằng lần điện trời kia sẽ xẹt ngay xuống đầu mình?

Một quân nhân đã từng tham

dự những trận đánh lớn của cuộc đệ-nhi thế chiến đã nhân việc sợ sét mà thuật lại một câu chuyện ngộ nghĩnh. Người quân nhân ấy nói:

— Có hôm bị trọng pháo địch bắn vô hồi kỳ trận, cơ hồ đến không còn một mảnh đất nhỏ để ẩn mình, tôi đã nghĩ đến việc chết tan xác dưới trận mưa đạn đại bác. Cứ mỗi lần địch ngưng bắn để điều chỉnh tầm tác xạ tôi lại đếm đều đặn từ mười trở xuống đến số không và thầm nhủ rằng: « Đến dê-rô

BÍ MẬT VỀ

thì đạn đại bác trúng mình! » Tuy vậy mà cái cảm giác chờ đợi ấy cũng không rờn rợn bằng cái cảm giác chờ đợi một tiếng sét. Chính trong một lần gặp sét như thế tôi đã nhắm mắt lại và đếm 5... 4... 3... giữa khoảng thời gian có lần chớp và tiếng sét để đợi xem tôi có bị gì không? Phản ứng của tôi cũng là « đếm », nhưng sự thật, dưới một loạt đạn đại bác, cái « sợ » của tôi không bằng cái sợ do tiếng sét gây ra.

Các bạn đừng cười người chiến binh ấy. Anh ta nói thật đấy. Tuy nhiên sự sợ kia chỉ là do phản ứng tự nhiên của cái bản năng bảo tồn của con người. Thật ra sự hiềm nghèo do sét gây nên không đến nỗi quá độ như cái cảm giác kia đâu. Người ta tính trung bình mỗi ngày trên mặt địa cầu, con số nạn nhân do 44 ngàn cơn sấm sét gây ra cũng chưa bằng số nạn nhân về tai nạn lưu thông xe cộ đếm được trong một ngày. Ở Pháp, mỗi năm số người chết vì lửa trời chỉ từ

25 đến 40 người.

Tuy nhiên, không ai cảm được người ta sợ sét. Có thể nói rằng đó là một thứ cảm giác rất phổ thông. Với những người đặc biệt rất dễ bị xúc động vì ảnh hưởng của khí tượng, thì sấm sét có thể gây nên cho họ sự kích thích cao độ rất trầm trọng, gây ra chứng nhức đầu, làm cho tim đập mạnh, mất ngủ và ăn mất ngon. Một sự sợ hãi tự nhiên gần như được lưu truyền từ nghìn xưa lại được gia tăng thêm bởi nhiệt độ nóng nực của không khí khi sắp có cơn giông xảy đến. Con người vào những lúc ấy bị những va chạm, những đột biến y hệt như một chiếc máy điện tinh vi và rất « nhạy » điện vậy. Người ta tưởng như trong cơ thể con người chứa chấp những luồng điện chỉ được thoát ra một cách khó khăn. Chúng ta như bị nhúng đầy điện. Hàng ngàn volt chạy khắp cơ thể chúng ta. Trời đất đã « nặng nề » thì chỉ một chút gì cũng làm cho chúng ta khó chịu, và cơn giận dữ của ông



BỘ SỔ
Tăng cường trí nhớ
175 BTT 20-11-67

PHỔ THÔNG — 128

« thiên lôi » xuyên qua da thịt của chúng ta.

Trong chúng ta có người đã tự nhiên mang cả một bầu điện trong người mà không tự biết.

Trong một bầu không khí giông tố, nhất là ở vùng núi cao, những người ấy có thể gây ra những vụ điện giật khi da họ chạm vào vải, vào tay vịn cầu thang, vào lụa, vào len. Những vụ điện giật như thế thể hiện bằng những tiếng « rền rẹt » nhỏ và cũng có thể là những tia chớp. Sau khi ở trọn ngày trong một căn phòng có điện, gần một vài chiếc máy nào đó, xong bạn cứ thử đến chải đầu trước một cái máy « vô tuyến » mở đúng vào một luồng sóng không phát âm. Bạn sẽ thấy tóc bạn dính vào lược, phát ra những tia lửa, ở bộ phận phóng thanh (haut parleur) bạn cũng nghe phát ra những tiếng rền rẹt, như thể là chính bạn cũng đã gây ra một cơn giông cỡ nhỏ rồi đấy!

Một thiếu nữ người Âu mặc một bộ đồ may bằng loại royl chế tạo bằng chất plastique khi bắt tay một người bạn đã làm cho người bạn bị điện giật phải kêu rú lên. Thì ra chất plastique quyển điện và sở dĩ người mang không bị giật là nhờ đi giày có đế crêpe.

Chiếc khinh khí cầu « *Graff Zeppelin* » lúc bay qua Đại Tây Dương đã vướng lấy không biết bao nhiêu là điện, nên khi vừa hạ cánh xuống đất Mỹ là bốc cháy. Để tránh những tai nạn tương tự xảy ra trong mùa hè cho những chiếc « cam nhông » chở xăng, người ta đã đề thông một sợi giây xích sắt thông từ xe xuống đất. Tiếc thay, con người lại không thể làm như thế. Và giây thần kinh của chúng ta phải thu nhận tất cả mọi luồng điện trời từ thứ điện nhẹ đến thứ điện mạnh.

Tại Thụy-Sĩ, Sở Nghiên Cứu Địa Dư Vật Lý cho rằng nguyên nhân đã gây ra một số lớn những vụ tự tử ở một xứ thật sung sướng chính là khí hậu đầy giông tố một cách khác thường ở xứ này.

Như thế thì luồng điện trời đã gây tàn phá bởi những va chạm, bởi sự suy nhược tinh thần và sự buồn bực nhiều hơn là do những lần điện, những cú sét đánh xuống trần gian. Nếu vậy chúng ta cần phải áp dụng những biện pháp thường thức nào để tránh áp lực của điện đối với tính tình của ta. Biện pháp thứ nhất chọn lấy một cuộc sống điều hòa, nghỉ ngơi đúng

giờ, loại bỏ mọi sự bạo lực, tránh bạn bè xấu, chống lại mọi việc thất thường làm suy giảm sức chịu đựng của chúng ta.

Nhưng trong lúc có giông tố, dù biết rằng rất khó có thể bị sét đánh, chúng ta cũng cần phải đề phòng. Nếu đang tắm phải ra khỏi nước ngay vì đầu của bạn nhô lên khỏi mặt nước là cái đích cho lần sét đánh xuống. Nếu đang ở trên ghe trên tàu nên vào bờ ngay. Cũng đừng ở lại trên bãi cát ở bờ biển, vì một lần sét đánh xuống cách đó vài trăm thước cũng có thể giết chết bạn vì điện sẽ theo cát ẩm mà chuyển đến. Nếu đang đi trên xe thì cứ ở yên trong xe vì mui xe bằng sắt sẽ là một vật thu lôi rất tốt. Đừng đứng giữa đồng trống và nhất là đừng hoảng sợ chạy lung tung khắp nơi. Chạy như thế bạn chỉ tạo thêm mục tiêu cho sét. Cần cứ vào những bản thống kê thì một phần ba trong số những nạn nhân là những người khi thấy sét đã chạy ẩn vào dưới cây. Gỗ không dẫn điện, vì thế lần sét đánh vào cây sẽ chạy vào thân cây mà xuống đất đánh trúng vào những kẻ vô ý đứng cạnh gốc cây. Những cây nguy hiểm nhất



là những cây có tiếng là rất ít bị sét đánh. Đó là những loại cây như dẻ, bồ đề, táo, phong. Không phải vì sét « tha » cho những cây ấy, nhưng khi sét đánh đến những cây này thì chỉ trượt đi chứ không cháy như loại cây sồi, cây bạch dương.

Nếu lỡ gặp giông tố lúc bạn đang ở giữa đồng thì phương pháp hay nhất để tránh tai nạn là nằm úp sấp mặt xuống trong một đường mương hoặc cái hố. Một người làm rẫy đang làm việc với người giúp việc ở giữa

BÍ MẬT VỀ

trời thì gặp phải cơn giông tố. Ông ta vội mở cửa ra khỏi cây rồi dẫn tất cả xuống một chiếc hồ gần đấy cùng với người giúp việc. Mười phút sau, sét đánh xuống cái cây.

Ở Mỹ, sự phát triển của ngành vô tuyến truyền hình lại tạo thêm một mối nguy mới. Những cây « ăng-ten » hình chữ H gắn trên những nóc nhà chính là những đích cho sét đánh. Thường thường thì sét chỉ đánh cháy bộ phận cuộn dây trong máy, nhưng cũng có thể cháy cả mái nhà.

Mối nguy hiểm nhất do sét gây ra là sự giật bập thối quá mạnh khi bị điện chạy vào người. Chính vì thế mà nhiều lúc xương bị gãy. Do đó, người bị sét đánh bị tê liệt và bất tỉnh. Nếu nạn nhân tỉnh lại, thì những vết bỏng thường cũng không lấy gì làm nặng lắm. Cần phải làm ngay lối hô hấp nhân tạo. Theo sự hiểu biết của chúng ta thì đừng bỏ dở phương pháp hô hấp nhân tạo trước bốn hoặc năm giờ, dù là mạch của nạn nhân vẫn chưa nhảy trở lại. Bỏ dở như thế là giết nạn nhân. Người ta cũng có thể thoa bóp trái tim.

Một người thợ chạm phải một luồng điện mạnh 45 ngàn volts, sức mạnh bằng cả một luồng

sét dữ dội, thế mà chỉ cần mười lăm phút làm hô hấp nhân tạo là cứu tỉnh được ngay. Anh ta chỉ bị bỏng nhẹ. Nhưng năm ngày sau, anh ta chết, vì chứng niếu-độc (urémie). Sau khi giải phẫu người ta biết rằng lần điện trời đã làm chết một số lớn tế bào ở tay, ở lưng nạn nhân, và những chất thừa thải lọt vào máu làm tắt thận. Một phụ tá của phòng thí nghiệm Sorbonne bị trúng một luồng điện mạnh 18.000 volts. Trong khoảng thời gian hai mươi bốn giờ nước tiểu của anh ta trở nên đen như mực. Đó là những trường hợp cùng độ. Thường thường những tế bào bị điện giật không tai hại đến nỗi có thể làm mất mạng người, ngoại trừ trường hợp chạm nhầm những bộ phận trọng yếu như tim, phổi và óc.

Giáo sư Kouwenhower thí nghiệm vào những con vật thì nhận thấy rằng khi bị điện vào chân trước, chúng chết ngay, nhưng nếu bị điện vào chân sau thì con vật sống. Như thế là chúng ta đã rõ vì sao loay hoay ở trong phòng mà chạm nhầm điện nguy hiểm gấp mấy lần hơn bị sét đánh, mặc dù luồng điện trong nhà có thể không mạnh bằng. Vì, thưa bạn, điện chạy từ tay xuống chân luôn luôn phải qua tim, nhưng sét thì thường thường chỉ phạm vào cơ thể. ★

Những bí-mật trong thế-chiến thứ II

★ Thiếu-Sơn

(Tiếp theo P.T. 126)

● Ở Montoire, Hitler gặp Pétain

Kê-hoạch đổ bộ lên Anh-quốc đã hoàn toàn thất-bại. Đô-đốc Raeder trình bày với Hitler một kế-hoạch khác là phải chiếm trọn Địa-Trung-Hải để loại Anh ra khỏi vùng này trước khi Mỹ nhảy vào can-thiệp.

Theo kế-hoạch này thì phải chiếm cho kỳ được căn-cứ Gibraltar của Anh ở phía Nam bán-đảo Tây-ban-Nha, cách Phi-châu có một eo biển và là ải địa-đầu kiểm soát sự giao-thông giữa Đại-Tây-Dương và Địa-Trung-Hải. Ngoài ra, còn phải chiếm luôn kinh-đào Suez,



CHÚNG TÔI MUỐN ĐỐI XỬ VỚI CÁC ÔNG NHƯ NHỮNG KẸ THUA TRẬN, CHƯA KHÔNG NHƯ NHỮNG NGƯỜI HỢP TÁC.— NẾU HỌ TỚI BẮC-PHI VỚI 4 SƯ ĐOÀN TÔI SẼ BẮN HỌ. NHƯNG NẾU HỌ ĐẾN VỚI 20 SƯ ĐOÀN THÌ TÔI SẼ HUN HỌ.

và tiền chiếm luôn vùng Palestine, Syrie và Thổ-nhĩ-Kỳ. Cũng không bỏ qua được vãn đế Bắc-Phi thuộc Pháp-Anh, Mỹ, Pháp và De Gaulle thế nào cũng thông đồng với nhau để chiếm làm căn cứặng tân-công nước Ý. Ý thua thì Đức không thể nào thắng được.

Hitler tán-thành kế-hoạch nói trên. Nhưng muốn thực-hiện kế-hoạch này phải thương thuyết với Tướng Franco, nhà độc tài của Tây-ban-Nha. Phải thuyết-phục ông này cho quân Đức mượn đường để đánh Gibraltar. Franco không muốn dân thân vào một cuộc phiêu lưu nên đưa ra những điều kiện không thể chấp thuận.

Thế là kế-hoạch chiếm Địa-Trung-Hải cũng hỏng nốt.

Và chính sau vụ thất bại này mà Hitler gặp Thống-Chê Pétain.

Ta phải nhìn nhận rằng Pétain chỉ là một ông già đã hết tinh thần chiến đấu trước một

tình thế bi-quan nhưng ông không ưa gì Hitler và cũng không mong cho Đức thắng. Thái-độ của ông là thái-độ chờ đợi, thái-độ «trùm chần». Danh-từ Attentisme phát-nguyên từ lúc đó và cũng rất thanh-hành hồi đó vì thái-độ «trùm chần» gần như là thái-độ phổ-biến nhứt của dân-chúng Pháp lúc bấy giờ.

Ngoại-trưởng Pháp Baudouin đã nói với giáo-sư Rongier câu này :

«Tôi không tin ở sự chiến-thắng của Đức và cũng không tin ở chiến-thắng của Anh. Chiến-tranh sẽ kéo dài bất tận giữa những đau-khổ ghê gớm đi tới kết-quả là Cộng-sản-hóa Âu-châu».

Ranh giới giữa hai vùng tự-do và bị chiếm lúc đầu bị quân Đức kiểm-soát rất gắt gao. Nhiều khi chính những công-cán ủy-viên của chánh-phủ Vichy cũng bị chặn lại như thường. Người Pháp cho rằng quân Đức đương chuẩn-

bị chiếm luôn phần đất tự-do nên mới gắt-gao như vậy.

Laval lên Paris gặp Tổng-Tư-lệnh Đức là Tướng Brauchitsch. Ông này nói để dần mặt : «Chúng tôi muốn đối xử với các ông như những kẻ thua trận chứ không như người hợp tác».

Abetz, đại-diện Đức ở Pháp, cho Laval hay là ngoại-trưởng Ribbentrop muốn gặp ông. Ai ngờ không phải ngoại-trưởng mà chính Quốc-Trưởng Hitler muốn gặp Laval để bảo ông ta về nói lại với Thống-Chê Pétain ngày 24-10 sẽ tới Montoire để nói chuyện với ông.

Tin này làm náo-động cả bộ Tổng Tham-mưu của Thông-chê. Ông già có vẻ hãnh-diện. Nhưng có người thân-tín biết chuyện lại khuyên Du Moulin là chánh Văn Phòng của Thông-chê như vậy :

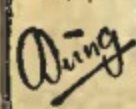
Anh không có quyền đề cho xảy ra một chuyện như thế. Phải ngăn cản chuyển đi này. Thật là xấu hổ. Vả lại chưa có chuẩn bị gì ráo. Thống-chê sẽ nói những chuyện tầm bậy. Anh không thấy rằng đây là một cuộc giàn cảnh do Laval hay sao?

Nhưng chính Pétain lại nói với Du Moulin : «Tôi đã có kế hoạch của tôi.» Có người đã tả cuộc gặp gỡ ở Montoire như sau :

«Khách tới vào lúc hừng đông, được viên trưởng ban nghi lễ Đức tiếp đón. Hitler cũng như Thống-chê mặc một áo ngoài bằng gabardine tầm thường, đầu đội mũ kết quá cao. Ông tiến 3 bước tới trước Thống-chê và giơ tay ra bắt; có vẻ hãnh-diện đã làm nhục được một trong những người thắng Đức, nhưng rất lễ phép, ông đã nói : «Tôi sung sướng được bắt tay một người Pháp không phải chịu trách nhiệm về chiến tranh. Nhưng tôi tiếc rằng đây là những trường hợp khó chịu cho ông.» Pétain, hồi đó đã điềm nặng, chẳng nghe được gì nhưng rất đàng-hoàng, ông đã giơ tay bắt tay nhà lãnh tụ Đức như là chính ông làm chủ để tiếp khách vậy.

Cuộc gặp gỡ xảy ra ở trên một xe thiết giáp. Tướng Keitel và ngoại-trưởng Ribbentrop ở kê bên Hitler. Ở cạnh Thông-chê Pétain chỉ có một mình Laval, Bác-sĩ Schmidt làm thông dịch viên.

Hitler ngờ ý là ông muốn đánh bại Anh quốc một cách mau chóng. Ông cần tới sự giúp đỡ của chánh-phủ Pháp. Ông bằng lòng cho Pháp xử-dụng một số quân đội thặng dư ngoài số ấn-định do Hiệp-ước đình-chiến. Sau khi hòa-bình

 **NEUROTONIC** **BỔ ỨC**
Tăng cường trí nhớ
175 817 4011-40

trở lại, Pháp sẽ được giữ một khu vực thuộc-địa tương đương với số thuộc-địa đã có trước chiến-tranh. Cờ nhiên Anh sẽ mất hết, không còn gì. Thông-chế Pétain trả lời là ông luôn luôn ưng thuận nguyên tắc hợp-tác nhưng ông còn phải hỏi lại chánh-phủ của ông. Chính Laval cũng xen vô tỏ bày ý-kiến. Theo Laval thì còn phải chuẩn bị dư luận trước khi thi hành quyết-định nói trên. Và lại, theo Hiên-Pháp thì Thông-chế không có quyền tuyên chiến khi chưa có sự ưng thuận của lưỡng viện.

Theo Bác-sĩ Schmidt thì Hitler đã thất vọng về cuộc gặp gỡ ở Montoire. Thông-chế chỉ nói tới một sự hợp-tác về nguyên tắc và đại cương không có gì thiết thực và cụ-thể.

Chính sau này Thông-chế Pétain đã nói : « Phải 6 tháng để thảo luận chương trình này. Và phải thêm 6 tháng để quên nó ».

Sau cuộc tiếp xúc Thông-chế Pétain được nhà cầm quyền Đức cho phép tới thăm vài trại tù binh. Ở một trại nọ ông đã gặp một số tù binh người Việt chưa từng giao chiến mà đã bị cầm tù. Ông có vẻ thất vọng về sự thiếu trung thành của dân thuộc địa. Nhưng khi ông thấy người Việt-Nam đã kháng chiến anh dũng như thế nào trên đất nước của họ, ông sẽ thấy rõ dân thuộc địa chỉ tiếc mạng sống của mình với « mẫu quốc » mà không hề tiếc xương máu với Tổ-quốc của họ.

Cuộc gặp gỡ ở Montoire làm cho cả Anh lẫn Mỹ đều rung động. Hoàng-đế Georges và Tổng-Thống Roosevelt đều đánh điện cho Thông-Chế Pétain khuyên-cáo ông không nên nhượng-bộ gì thêm ngoài những khoản đã ghi trong hiệp-định đình-chiến.

Thật ra thì Hitler cũng chẳng cậy gỡ thêm được gì của Pháp ngoài những lời hứa bao - quát minh - mông của

Thông-Chế Pétain. Nhà độc-tài quốc-xã sau khi đã thất-bại với Franco muốn làm áp-lực với Pháp nhưng lại gặp bọn người « trùm chắn ». Bọn người này còn muốn trùm lâu hơn nữa vì tình thế lúc bấy giờ còn mù mịt đen tối như một đêm dài vô-tận, không trăng và cũng không sao.

● Thông-chế Pétain đi hàng hai

Sau khi Hitler đã thất-bại trong kế hoạch đồ bộ sang Anh quốc, Thông chế Pétain bắt đầu bớt tin tưởng ở Hitler và thấy rằng Anh-quốc cũng có đường. Hơn nữa, ngày nào Mỹ tham chiến thì tương quan lực lượng sẽ nghiêng hẳn về các nước Đồng-Minh. Chính vì thế mà ông cũng muốn có một mật-ước với Anh.

Giáo-sư Rongier ở Đại-Học đường Besançon có nhiều bạn bè trong giới trí thức Anh tình nguyện qua tiếp xúc với chánh phủ Churchill.

Đại Tướng Weygaud nhờ giáo-sư nói lại với những người Anh như vậy : « Nếu họ tới Bắc-Phi với 4 sư đoàn, tôi sẽ bắn họ. Nhưng nếu họ

đến với 20 sư đoàn thì tôi sẽ hun họ. » Thông chế Pétain nhấn rằng : « Laval là người mà tôi khinh bỉ nhứt trần đời. Nay tôi còn cần nó, nhưng rồi tôi sẽ xa nó. Ông nói giùm như thế với người Anh. »

Giáo-sư Rongier qua Lisbonne, kinh đô nước Bồ-đào-Nha và ở đây ông qua Luân đôn một cách dễ dàng. Chính Thông chế Pétain đã viết lời giới thiệu như sau trên tấm danh thiếp của ông :

« Thông chế, Pétain quốc trưởng Pháp, giới thiệu giáo-sư Rongier với quý vị đại diện ngoại giao và lãnh sự của ta ở hải ngoại. »

Một sĩ quan Phòng Nhì lãnh nhiệm vụ bí mật bảo vệ giáo-sư nhưng không cho biết.

Ngày 22/10 Giáo-sư tiếp xúc với bộ Ngoại giao Anh do một bạn quen giới thiệu. Ngày hôm sau ông gặp Bộ-Trưởng ngoại giao, Huân Tước Halifax. Người Anh buộc giáo sư không được tiếp xúc với De Gaulle. Ngày 24/10 chính Thủ Tướng Churchill tiếp giáo-sư. Ngày này cũng là ngày Hitler, tiếp Pétain ở Montoire. Cuộc tiếp-xúc ở

 **NEUROTONIC** **BỔ ĐỐC**
Tăng cường trí nhớ
171 877 88-11-67

Luân-đôn kéo dài nhiều ngày. Trong khi đó thì báo New York Times loan tin có cuộc nghị hòa riêng giữa Pétain và Hitler, Pétain nhượng cho Đức Alsace, Lorraine, nhượng cho Ý Nice, nhượng những căn cứ không quân ở Bắc-Phi cho Đức, ở Tunisie sẽ có sự hợp tác quân sự Pháp-Ý, ở Maroc sẽ có hợp tác giữa Pháp và Tây-ban-Nha v.v...

Tin trên là một con vịt cổ nhưng cũng làm cho Thủ-tướng Churchill thịnh nộ. Ông hăm :

«Tôi sẽ ra lệnh cho không quân Anh ném bom xuống Vichy. Tôi sẽ cho nhân-dân Pháp biết rằng tôi sẽ đuổi theo chánh-phủ của những tên phản bội đó tới cùng. Họ chạy tới đâu, chúng tôi oanh kích tới đó.»

Ngày 25-10, tin vịt nói trên bị đính chánh và Thủ-tướng Churchill hết giận hờn. Cuộc đàm phán tiếp tục trong một không khí thân mật và đi tới một mật ước gồm có những

điểm chánh yếu như sau :

1) Đối với nước Pháp, nước Anh sẽ phục hồi chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ nếu nước Pháp không làm gì giúp cho bọn độc tài thắng trận hoặc nước Pháp sẽ làm gì để giúp cho Anh quốc thắng trận.

2) Nếu Pháp nhượng những căn cứ không quân và hải quân cho phe độc tài thì nước Anh sẽ không đảm bảo cho số phận tương lai của Pháp.

3) Nếu nước Pháp giúp cho Anh thắng lợi thì Anh sẽ bớt phong tỏa và không công kích trên đài vô tuyến điện cá nhân của quốc-trưởng Pháp là Thống-chế Pétain.

4) Ngược lại, chánh phủ Pháp sẽ không tìm cách lấy lại bằng vũ lực những thuộc địa theo De Gaulle.

5) Chánh phủ Pháp cam-đoan hủy diệt hạm đội của mình chứ không chịu để lọt vào tay quân Đức hay quân Ý...

Giáo-sư Rongier trở về theo

ngã Lisbonne, ghé Alger gặp Tướng Weygand có giao cho ông một bức thư của Thủ-Tướng Churchill hỏi ông sao chưa phật cờ khởi nghĩa. Thủ-Tướng Anh hứa sẽ đem toàn lực giúp ông. Nhưng ông nghi là người Anh chỉ nói dóc.

Về tới Vichy giáo-sư Rongier trình bày tự-sự cho Thống-chế Pétain với những văn kiện đã ký kết. Ông già nheo mắt nói với chánh văn phòng của ông câu này :

«Cái này sẽ làm cho De Gaulle nhiều đêm mất ngủ», Giáo-sư Rongier nói thêm rằng Thủ-Tướng Anh cho là tất cả đều do thái độ của Pháp. Nếu Pháp giữ được Bắc-Phi thì chiến tranh sẽ chấm dứt trong 3 năm : 1941, 1942, 1943.

Nhưng nếu Bắc-Phi qua tay địch thì chiến tranh có thể kéo dài 10 năm.

Năm 1945, trong vụ án xử Pétain mật-ước Rongier—Churchill được khai ra và có ảnh hưởng như một trái bom nổ chậm. Bộ Ngoại-giao Anh đánh chánh lung tung vì họ giấu cả nước Mỹ, giấu cả De Gaulle. De Gaulle lúc đó đã lên nắm chánh quyền ở Pháp càng khiến cho Anh khó xử vì đã chơi «tiêu lòn» và không thật lòng, thật dạ với đồng-minh.

Nhưng cái lỗi đi hàng hai của lão tướng Pétain cũng một thủ đoạn, đúng hơn một thái độ rất phổ biến trong thời loạn.

* THẾ THÌ ÔNG TỐT QUÁ !

Nhạc-sĩ Joseph Kosma lúc còn hàn vi ở một căn nhà xoàng xĩnh tại Vaugirard. Trên từng lầu căn nhà ông ở là một gia-đình đông con, nên ngày nào bọn trẻ cũng làm ồn, làm trở ngại việc sáng tác của nhạc-sĩ.

Kosma vốn là người nhả nhặn và lịch sự. Ông bèn bước lên từng trên để xem sự thề ra nhường nào.

Ông được bà chủ nhà tiếp đón niềm nở. Sau năm ba câu chuyện xã-giao, Kosma đề nghị mua biếu bà chủ một tấm thảm dày để lót phòng chơi của bọn trẻ.

Bà chủ nhà cười toe toét ra vẻ thích chí và nói :

— Thế thì ông tốt quá ! Nhưng nếu ông mua cho bọn trẻ một máy hát và ít đĩa nhạc twist thì chúng thích hơn.

NEUROTONIC **BỔ ÓC**
Tăng cường trí nhớ
475 ĐTT 10-11-4



NHIỀU bạn bảo tôi kỳ này tâm sự với các bạn về cái Trường Báo chí ở Paris. Các bạn ấy muốn trở nên ký giả, nếu các bạn biết rằng từ độ về đây có người đặt câu hỏi. Minh-Đức học cái nghề ấy thì về nước có lợi gì Bằng Cấp có khi chỉ là một tấm giấy loại, và không cái bằng cấp nào bì được với cái bằng cấp kinh nghiệm.

Cứ xin vào làm việc trong một tòa báo, chỉ ít lâu chịu bị rầy bị sai tức thì sẽ viết được làm được. Cần nhất là yêu nghề.

Tôi cũng muốn trả lời với các bạn đã hỏi tôi như thế nhưng sợ bị cằn nhằn. Mặc dầu trong số P.T. kỳ nào tôi có thừa qua với các bạn về cái Trường Báo-chí ấy. Các bạn lười, ngại không muốn lục tủ sách tìm lại thì hôm nay tôi đành phải xin nhắc thêm một lần nữa.

Học xong ban tú tài. Các bạn

★ MINH-ĐỨC (HOÀI-TRINH)

có thể xin vào. Mỗi năm đóng 400 quan, mỗi kỳ thi đóng 10 quan thêm chương trình học được chia ra làm hai phần:

1) Phần học về nghề nghiệp của người làm báo.

2) Phần kiến thức.

Phần nghề nghiệp (instruction professionnelle) Giay cách thức làm báo, cách trình bày một tờ báo, cách viết bài phong, cách phỏng vấn, điều tra, phóng sự, phê bình và đạo đức người cầm bút nói chung và người ký giả nói riêng.

Phần nghề-nghiệp còn giay tổng quát về công việc của nhà in, công việc của người thư ký tòa soạn, của người đặc phái viên chuyên về chính trị, ngoại giao ở ngoài nước. Phần quảng cáo. Phát hành v.v...

Phần thứ hai, bắt buộc người ký giả phải biết ít nhất là một thứ tiếng ngoại quốc trong mấy thứ tiếng thông dụng trên thế

TÂM SỰ VÙN

giới như Anh, Pháp, Y-pha-Nho, Đức. Ngoài ra còn phải học các môn như chính trị, kinh tế thế giới. Lịch sử triết học, lịch sử báo chí thế giới, lịch sử ngoại giao, kịch trường. Những vấn đề hòa bình thế giới v.v...

Mỗi ngày chỉ học có một buổi chiều nhưng buổi sáng cũng ít khi được rỗi vì phải ra thư viện tìm sách hoặc đọc sách, bài phải viết, phải làm.

Vì người ký giả cần phải có một kiến thức rộng, phải hiểu biết học hỏi không ngừng nên các giáo-sư mạnh ông nào ông ấy ra tên sách, tha hồ ghi, tha hồ đi mua.

Năm thứ hai còn có nhiều buổi thảo luận (débat) về một vấn đề chính trị thời sự trên thế giới giữa giáo-sư phụ trách và sinh-viên. Ngoài ra sinh-viên có thể đi tập sự ở các hãng thông tin hay các tòa báo khác.

Những cái vinh và nhục của người ký giả trên thế giới thì rất nhiều, và nhiều nhất là những nét khôi hài trong nghề nghiệp. Bạn sẽ bật cười khi trông thấy một tờ báo ở Bỉ, một hôm đăng

lên hai bức ảnh Một bức chụp các ông Tân nội các Bỉ và một bức chụp bảy khi đang đứng phơi nắng mới ở vườn Bách thú.

Người thợ in buồn ngủ đã xếp nhầm hai lời ghi chú. Ở dưới tấm ảnh Tân Nội-các người ta đọc thấy câu: « Một bảy khi đang đứng phơi nắng mới trong vườn Bách-thú ». Dưới tấm ảnh bảy khi có câu: « Đây là quý vị Bộ trưởng của Tân Nội-các vừa thành lập đang ra mắt chào dân chúng. »

Cổ nhiên là khi báo ra thì từ ông chủ nhiệm chủ bút, thư ký, quản lý đến chú bé « Báo ơ » đều bức đầu, bức tai, đau khổ vì sự lầm lẫn. Ông tổng thư ký là người bị khùng bố nhiều nhất về cái tội vô ý của mình.

Độc giả được một phen cười vỡ ruột nhưng ngày mai thì cả gia đình tòa báo phải khăn áo đi xin lỗi.

Trong lịch sử báo chí thế giới thì không nơi nào ký giả bị rơi đầu nhiều bằng ở Pháp khi cuộc cách mạng nổi lên. Nếu đầu không rơi thì bị truy tố, trục xuất tù đầy, làm vợ con phải điêu đứng.

Tuy vậy, rất nhiều nhà chính



trị đã khởi hành trên đường vinh quang bằng cái nghề làm ký giả. Cố nhiên, sau khi đã đạt được ý muốn ngồi chễm chệ trên ghế cao rồi thì các ngài lại quên hết quá khứ và thẳng tay bóp chẹt báo chí. Nào đặt ty kiểm duyệt để cắt xén đầu đuôi, nào ban bố thi hành các đạo luật, nào bắt đóng tiền cọc, tiền thuế v.v... Một thí dụ cụ thể nhất, Hoàng đế Nã-Phá-Luân lúc ngài còn là một chiến sĩ tranh đấu cho nền Cộng-hòa, ngài cũng có viết lách, dùng ngọn bút làm một thứ khí giới. Một quyển sách nhỏ của ngài viết về người chiến sĩ cộng hòa.

Đến khi lên ngôi lập xong chế độ quân chủ thì ngài và gia đình cho lùng hết khắp trong và ngoài nước Pháp để mua quyền sách và cho thủ tiêu.

Khi nào ngài không bằng lòng một tờ báo nào dám phê bình chỉ trích hay đăng tin hơi... thật thì ngài viết thư cho ông Fouché bộ trưởng bộ cảnh sát (ministre de la police) rằng: « Phải bảo chúng nó nói thể này thể nọ... một câu rất thường dùng là: "tụi ký giả chúng nó ngu quá sức" (Ils sont trop bêtes les journalistes). Cố nhiên là khi ở đảo Elbe về thì một trong những lời tuyên bố của ngài là cho báo chí được Tự-do. Chỉ tiếc rằng ngài chỉ ở lại có 100 ngày.

Dưới ánh mặt trời có gì lạ đâu bạn nhỉ.

Nhắc lại ý kiến của các bạn tôi bảo rằng: « Minh-Đức học cái nghề ấy thì về nước làm gì ». Càng ngày tôi càng thấy người bạn tôi có lý. Nhất là đối với phái phụ nữ. Chưa có gì mà hôm nọ báo chí đã nêu lên vấn đề nhiều nữ ký giả, nên buồn hay nên vui.

Ở những nước văn minh, báo in ra hằng một hai triệu số, cái gì cũng có máy làm thay. Nội mỗi cái việc ghi địa chỉ lên băng báo mà cũng phải in lên bản đồng chữ không viết tay bao giờ. Khi độc giả đi nghỉ hè lại phải thay đổi cả. Vì vậy mùa hè, ở báo nào cũng phải gọi thêm người đến làm việc đổi địa chỉ.

Về nước ta, tất cả đều đang ở trình độ thủ công, muốn khỏi buồn lại phải nhìn sang các nước bé xiu khác để an ủi.

Không phải tôi muốn làm nhụt chí anh hùng của các bạn với câu chuyện tâm sự hôm nay nhưng có nhiều lần tôi đã băn khoăn, giá biết trước cái sự vô ích như thế này thì độ ấy mình đi học nghề... bán thuốc ê. Tuy rằng không có ngành nào học mà vui và nhộn bằng ngành báo chí.

Tâm sự dài rồi chẳng ?

Lạy Phật-Tổ con chán rồi tục lụy
Mà nhân tình thế thái nghĩ buồn tênh
Hãy cho con sống lại với một mình
Quên tất cả những ảnh hình xưa cũ
Vốn liếng con những vần thơ ủ-rũ
Và trái tim còn đắm lệ chan hòa
Nẻo đường đời con tưởng lá cùng hoa
Mà thực-tế trời ơi toàn gai góc
Hơn một lần con gục đầu bật khóc
Thương cho mình hiện tại lắm chua cay
Đời đời thay và tất cả đời thay
Ôi thiên hạ vô tình say hoan lạc
Con muốn lánh cõi hồng trần đơn bạc
Mà kiếp người còn nặng nợ trần gian
Thương, cha già mẹ yếu với em ngoan
Con bắt lực tâm can như cào xé
Nhận chua xót không một lời kẻ lẽ
Biết ai người san sẻ nỗi niềm đau
Đời vẫn cười vì có hiền gì đâu
Con cố nén lệ sầu lên u-uất
Dưới chân người con sẵn sàng thú thật
Những nỗi lòng sâu kín chắt hờn đau
Mà ngại-ngùng con chôn chặt từ lâu
Đề bật khóc thành kinh cầu nước nở
Lạy Phật-Tổ cửa từ bi rộng mở
Xin cho con kẻ tục lụy lạc loài
Trọn dâng niềm tin tưởng ở tương lai
Cho con thấy một ngày mai tươi sáng
Đề khỏi viết những giòng thơ chán nản
Như hôm nay con thấy phủ mây sầu
Tiếng chuông chiều chợt cảnh tỉnh hồn đau
Con ngược mặt dâng kinh cầu cứu khổ.

Một Khoa Học Mới

SỐ 8, CON SỐ BIỂU DƯƠNG QUYỀN UY VÀ THÀNH - CÔNG, CHIẾN - TRANH VÀ TÀN PHÁ, DƯỚI ẢNH-HƯỞNG CHUYỂN VẬN CỦA HÒA TINH

** Thăng-Tiến*

● đặc - điểm 8

Những bạn ở trong ảnh-hưởng vận hành của số 8 là những người được thiên-phú một khả năng mạnh mẽ tự khép mình vào kỷ-luật cũng như sự tập-trung ý-chí gắt gao.

Các bạn có một cá-tính độc đáo và một ý chí sắt đá, đó là lòng dũng cảm cương quyết của những kẻ dõng non lấp biển, những kẻ khai sơn phá thạch không hề lùi bước trước bất cứ một trở ngại nào, sẵn sàng bằng đủ mọi cách để chinh-phục thiên nhiên, xẻ núi làm đường, gap sông bắc cầu, giành lấy quyền bá chủ thống trị sơn-lâm.

Không khi nào làm việc gì nửa vời, đã làm là làm tới cùng. Sẵn mang trong huyết-quản một tinh-thần bất khuất, chẳng hạn như, nếu bạn là tín đồ của một tôn giáo nào, hoặc là đảng viên của một đảng phái nào, bạn sẽ là người cuồng tín ghê gớm, sẵn sàng xả thân vì đạo, sẵn sàng bỏ mình dưới lá cờ đảng.

Sự kiện này có thể cắt nghĩa xét trên phương diện tâm-lý, các bạn mang số 8 rất ghét những sự tầm thường, những cái gì là trung dung, không khuynh tả cũng như không khuynh hữu. Các bạn không thể quan niệm được một sự dung hòa giữa các khuynh hướng chính-trị lay văn-học chẳng hạn.

MỘT KHOA HỌC MỚI

Đối với các bạn phải trắng đen phân minh rõ ràng, chọn một con đường rồi các bạn hoặc sẽ thành công vĩ đại hoặc sẽ thất bại thảm thê.

Cũng vì các bạn cứng rắn tự khép mình vào một khuôn khổ khắt khe, không cho phép mình đi ra ngoài chủ-trương đã định, tự điều khiển lấy mình như một tay kỳ mã lãnh nghề, nên các bạn không thể không điều khiển người chung quanh một cách cứng rắn cũng như đối với chính các bạn.

Về hăng say mãnh liệt của các bạn đôi khi cho người cái cảm tưởng các bạn chạy theo quyền uy, điên cuồng như những kẻ thất tình.

Thực ra, trong rất nhiều trường hợp, các bạn nghĩ sao là làm liền như vậy, chủ trương thực hành chỉ là một, sở dĩ có thái độ trên, vì các bạn cho rằng những người khác cũng nỗ lực nồng nhiệt phụng sự một lý tưởng, hay một chính nghĩa như chính các bạn đã cảm thấy và đã hành động.

Các bạn số 8 thường tỏ ra bên ngoài một vẻ lạnh lùng, xa lánh. Điều đó thực ra không đúng. Phải nhận xét rằng các bạn rất có hảo tâm — nếu các bạn tỏ ra xa lánh, vì các bạn cảm thấy khó khăn khi biểu lộ cảm xúc.

Thường thường các bạn là những người cô đơn, muốn có bạn bè tâm sự chuyện trò, nhưng không thể tạo nên sự mật thiết mà các bạn mong muốn.

Các bạn có biệt tài chỉ huy và quyết đoán, nên hơn tất cả những ai ở số khác nên các bạn phải biết khôn ngoan chọn một mục phiêu đề tiến tới. Bởi vì nếu không tài đó, chỉ đó, được sử dụng để phụng sự cho một mục đích thiếu đúng đắn, nó sẽ gây ra tàn phá, hỗn loạn, đổ vỡ cho chính các bạn cũng như cho các người khác.

● Cá tính 8

Những bạn số 8 rất cương nghị và ham hoạt động, các bạn theo đuổi các mục phiêu vật chất



và tinh thần. Các bạn cảm thấy không thể cho phép mình thất bại và một khi các bạn đã lăn mình vào công việc, hay trò tiêu khiển nữa cũng vậy, là các bạn làm hết mình, chơi hết mình, với một ý chí độc nhất: quyết thắng, nó khiến cho những người khác, hoặc là bạn bè hoặc là đối thủ phải « ngán ».

Ngay thoát gặp các bạn lần đầu tiên, nhiều người đã bị lôi cuốn ngay bằng vẻ quyền uy cũng như luồng nhân điện tỏa ra từ nơi các bạn như những nhà thiện xạ sẵn sàng đề hạ con mồi. Tuy nhiên, nhìn gần hơn, biết rõ hơn, cũng với những hành vi và cử chỉ đó, đôi khi, nó khiến các bạn mất bạn.

Khi muốn, các bạn có thể tạo nên cho mình một nhân dáng đặc biệt bằng chính cái duyên dáng của các bạn. Nhưng, thường ra các bạn không muốn, nên chỉ thực sự tỏ ra có sức thu hút và chinh phục người khác, khi các bạn muốn chiếm lại ưu thế.

Bị lôi cuốn và say mê trong khi nỗ lực thực hiện mục đích, đôi khi các bạn tỏ ra cộc cằn và cố sằng nữa đối với những ai không thích các bạn.

Trên cương vị một người bạn,

các bạn là những người thẳng thắn, đáng tin cậy, sẵn sàng đứng ra bênh vực kẻ bị hiếp đáp, như kiểu « giữa đường thấy sự bất bằng mà tha » của mấy ông quân tử Tàu.

Nhưng với tư cách là một kẻ thù, các bạn phải ráng tránh đừng gây thù chuốc oán với các bạn mang số 8. Bởi vì, tuy rằng các bạn số 8 đường hoàng trực tính, nhưng các bạn này khó bỏ qua dù là một hiềm khích, cái lầy nhỏ. Và, một khi chiến cuộc đã bùng nổ là các bạn chơi hết mình và ăn thua đủ với kẻ thù.

● tình yêu và hôn nhân 8

Trong phạm vi tình yêu, các bạn lại tỏ ra bất quyết, khi thì yêu say đắm, lúc lại lạt lẽo đối với người tình của bạn. Thành thử, bạn làm cho người yêu của bạn khó hiểu quá. Mới hôm qua, các bạn còn tặng quà người yêu, trao đổi những cái hôn nồng cháy, nhưng bữa nay lại trở nên lạnh lùng xa vắng.

Với đa số các bạn, tình yêu cũng như mọi công việc khác, không thể dừng lại ở mức trung dung, vì có lẽ các bạn luôn chủ trương cực đoan, nên không thể quan niệm lại có một thứ hạnh phúc trung đẳng được.

Tình yêu đối với các bạn ư? Đó, sẽ là một cảnh chợ Tết huyền ảo nhộn nhịp, hoặc sẽ là một sa-mạc đầu hiu, lặng ngắt.

Bởi quan niệm như vậy, nên đầu cuộc kết hôn giữa bạn bạn với một ai đó dù « khi trời, khi sực », khi vui tràn ngập trong ngoài, lúc buồn ủ rũ u hoài hơn ai, nhưng không khí gia đình không bao giờ tẻ nhạt vì bình lặng đều đều như dòng nước tù hãm.

Các bạn là những người hăng hái, hoạt động « như máy » nên dù đi đến đâu các bạn cũng gieo rắc sự phấn khởi, sự náo động nơi đó. Sự kiện trên đây gián tiếp cắt nghĩa tại sao các bạn (nhất là đàn ông) có một sức lôi cuốn rất mạnh đối với người khác phái, nếu các bạn tự hào có nhiều « em » mê thì điều đó cũng rất chính đáng. Tuy, trong khi các bạn có thể thiếu nhiều bạn giai thân, nhưng bù lại, các bạn lại được các « em » chèo kéo mời mọc hẹn hò, với ý muốn chiếm trái tim của các bạn.

Nếu một bạn nào đó mang số 2

có thể chấp nhận được một tình yêu hay rời dỗi của một bạn mang số 8, cuộc hôn nhân sẽ mang đến nhiều triển vọng trong đời sống hạnh phúc lứa đôi.

Vì trong tình yêu, các bạn số 8 không có chừng mực: nên thường mang lại cho người các bạn yêu những cái bất ngờ. Các bạn cũng có thể tìm thấy hạnh phúc nếu kết hôn với các bạn mang số 7, 4 và 9, tuy nhiên những cuộc phối hiệp này thường có tính chất nồng ấm.

Những cuộc hôn nhân khác giữa các bạn với những bạn mang số 3 hay 5 cũng rất tốt đẹp. Nếu một trong hai người, hoặc tốt hơn là cả hai đều biết chiều chuộng, nhường, dù là chỉ đôi khi thôi.

Nếu các bạn số 6, cũng như các bạn số 2, nhận lời cầu hôn của các bạn số 8 cũng như nhìn nhận ở các bạn này là những « người tình hay rời dỗi », của hôn nhân cũng đem lại nhiều hạnh phúc êm đềm.

Chỉ với một người bạn lòng mang số 8, như các bạn và số 1



là có ít may mắn nhất để chung sống hạnh phúc lâu dài.

Vì, chúng ta hầu chưa quên là tính tình của các bạn số 1 và 8 đều cứng cỏi, thích lấn át người khác, nên lấy đầu để chữa lửa, tưởng các bạn không ai đại gì mà «đắm đầu vào».

● Nghề nghiệp 8

Các bạn mang số 8 rất thành công lớn lao trong những cuộc làm to kinh doanh lớn hay trong bất cứ lãnh vực nào mà địa vị cho phép các bạn nắm được quyền hành, điều khiển, chỉ huy. Vì như trên đã đề cập đến, các bạn được thiên phú một khả năng tập trung tư tưởng mãnh liệt, do đó sức chú ý giúp bạn giải quyết được các công việc đến tay một cách có hiệu quả, các bạn biết việc nào nên giành ưu tiên để thực hiện trước. Thêm vào đó các bạn có tinh thần tự khép mình vào kỷ luật một cách triệt để, vì vậy khi đã bắt tay vào việc gì các bạn làm kỳ được, làm cho đến xong mới thôi, không khi nào nghỉ trước giờ ấn định, đi ra ngoài chương trình sao lãng mục phiêu.

Các bạn có thiên tài của những chiến lược gia, từ dự định phác

họa đến cách thực hiện bao giờ cũng khít khao. Từ một ý tưởng mới mẻ hợp thời thoát hiện ra trong trí các bạn là các bạn không bỏ lỡ cơ hội để biến nó thành «được việc» mới thôi.

Một khi các bạn đã tận dụng được kho tàng phong phú, sự làm việc dẻo dai, cách giải quyết mau lẹ, có chí tiến thủ, thực hiện kỳ được mục đích, nhiều sáng kiến để thích ứng với mọi công việc, các bạn sẽ thành công vượt bậc và lên tới tột đỉnh của danh vọng.

Thực vậy, nhưng nếu tài năng chỉ huy và nguồn nghị lực phong phú gồm đủ bao nhiêu yếu tố để thành công tới mức hữu hiệu tối đa, thì, trên phương diện vạch một cái đích để quy hướng cuộc đời của các bạn vào, chọn một nghề nghiệp để theo đuổi, để tạo một sự nghiệp, là điều các bạn rất cần thận trọng.

Vì sao vậy? Vì nếu nguồn tài năng phong phú đa hiệu này, thay vì để phụng sự một lý tưởng, một chính nghĩa có lợi chung cho công cuộc của đất nước, hay trong phạm vi nhỏ hơn, giúp các bạn thăng tiến tới đài danh vọng một cách vẻ vang bằng những phương tiện chính đáng, nó sẽ biến các bạn thành một mối đe dọa lớn

cho xã hội, một khi các bạn sử dụng nó để thỏa mãn những tham vọng riêng tư đề ngược với quyền lợi tối cao của dân-tộc.

Hoạt động trên cương vị của một người làm công, các bạn là những công, tư chức, công nhân có lương tâm chức nghiệp, thực hiện các công việc một cách chu đáo, nhậm lễ và hữu hiệu. Có một chủ trương rõ ràng các bạn này cương quyết tiến tới, khiến cho các đồng nghiệp hiền lành thiên ý của các bạn. Trong công việc của các bạn cũng như trong mọi hoạt động xã-hội khác, nhất là trong phạm vi giao tế nhân sự. Các bạn số 8 cần khéo léo, mềm mỏng hơn.

Hoạt động trên cương vị một chủ nhân, một giám đốc v.v..., các bạn rất ham hoạt động, toàn thân các bạn như toát ra một luồng nhân điện của sự khẩn cần, sự phấn khởi như muốn truyền nhiệt lực và thu hút lấy những người làm việc dưới quyền.

Hầu hết các bạn này, đứng trên cương vị chủ nhân ông,

trưởng phòng đều muốn những người làm việc dưới quyền mình cũng làm việc tận lực và khắc khổ như chính các bạn vậy.

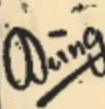
Với những bạn nào làm việc không phải với mục đích duy nhất để kiếm tiền, tốt hơn các bạn nên chọn những ông chủ khác ngoài các ông số 8 này ra.

● Tiền bạc 8

Phần lớn các bạn mang số 8 có tài hái ra tiền, các bạn này có những đức tính của một nhà kinh tài, của những nhà sản xuất, luôn «đánh hơi» được trước thị trường tiêu thụ, «nhìn» ra trước chỗ nào có tiền.

Bản tính cứng cỏi và thực tiễn, các bạn cố sao cho mỗi đồng các bạn xài tương xứng với giá trị mãi lực của nó.

Các bạn không hà tiện (kẹo) (thực tế nhiều bạn đã đóng góp nhiều trong các công cuộc từ thiện hay lạc quyền) nhưng các bạn rất ư không thích những «khoản» chi-tiêu không có tính toán.



NEUROTONIC

BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ
579 DT 20-11-63

MỘT KHOA HỌC MỚI

Nếu hoạt động trên địa hạt thương trường, các bạn là những nhà đầu tư rất giỏi, có óc kinh doanh tiên-liệu trước. Các bạn có gan của những tay buôn lão luyện, tay chơi lành nghề, thêm vào đó phải kể đến các tài xét đoán chín chắn không sai lệch của các ông chủ ngân hàng nhin nhậ, khúc triết từng đồng, từng xu.

Các bạn cũng rộng rãi với vợ con và gia đình, sẵn sàng cung ứng những nhu cầu chính đáng. Tiền bạc trong tay các bạn luôn luôn được sử dụng một cách cực kỳ khéo léo, sáng suốt. Các bạn biết nơi nào có thể hái ra tiền, nơi nào có thể kinh doanh đầu tư, nơi nào có thể đến hưởng thụ — mà không khi nào cực đoan.

8—8—8—8—8—8—8—8—8—8—8—8—8—8—8—8



★ LỜI BIỆN HỘ CÓ NHIỀU KẾT QUẢ

Sau khi đã bênh vực cho thân chủ gần nửa tiếng đồng hồ, ông luật-sư quay ra nhàn chứng toàn là thanh niên cả, và nói:

— Nỡ lòng nào mà quý ông không cảm động cho thân chủ tôi là một cô gái còn son trẻ, đẹp đẽ, duyên dáng. Huống nữa thân chủ tôi lại ở lẻ loi một mình trong một căn phòng hiu quạnh mà quý ông có thể tìm thấy địa-chỉ hay số điện-thoại trong hồ sơ...

Phiên tòa hôm đó, cô gái được xử trắng án, vì cả ba nhân chứng lăm le bắn sê, đều khai tốt cho cô ta.



★ Albert Camus

● LƯU-BĂNG dịch

ALBERT CAMUS (1913-1960) sinh tại Alger. Đầu cuộc thế-giới đại-chiến ông là một phóng-viên ở Ba-lê và trong Phong-Trào Kháng-chiến ông đã đóng một vai trò quan trọng.

Hai quyển sách sau ngày Giải - Phóng, tiểu - thuyết l'Étranger và thiên cảo luận «Le Mythe de Sisyphe» giúp ông chiếm được một địa-vị và một ảnh-hưởng lớn lao đến đời có người tin ông sẽ kế-vị Gide như là một kẻ đánh thức lương-tri; ông bi-quan về số phận của con người nhưng ông lại tin-tưởng nơi chính con người, ông tả những nỗi khổ của con người và đòi hỏi một thế-giới mới, hoàn toàn dựa trên các giá-trị nhân-bản.

1957 ông được giải văn chương Nobel. Trước vinh dự

đó, ông vẫn giữ thái độ khiêm tốn của một người luôn luôn đi tìm sự thật. muốn đem công bằng cho thế-giới. Nghệ-thuật của ông là lương-tri được diễn đạt qua văn chương và qua ước muốn xây dựng một cộng-đồng mới, một xã-hội mới cho con người.

NGƯỜI KHÁCH (nguyên tựa l'Hôte) là một trong sáu truyện ngắn của tập «L'Exil et le Royaume». Khung cảnh câu truyện được đặt trên một cao-nguyên ở Algérie. Một tên Ả-rập sát nhân được dẫn đến người giáo-viên có phận-sự áp-tải anh từ đây đến nhà ngục thành - phố gần nhất. Câu chuyện được xây dựng chung quanh một trạng thái gay gắt, mai mỉa tạo nên đoạn kết.

Anh giáo nhìn hai người tiến lên phía mình. Một người cỡi ngựa, người kia đi bộ. Họ vẫn chưa bước lên cái dốc đứng dẫn lên trường, cắt trên sườn một ngọn đồi. Họ chặt vật tiến chậm chạp trong tuyết, giữa những tảng đá, trên quãng mênh mông của vùng cao-nguyên hoang vắng. Thỉnh thoảng con ngựa chùn bước rõ rệt. Chưa nghe được tiếng nó, nhưng đã thấy luồng hơi phì ra từ lỗ mũi nó. Ít nữa trong hai người có một người biết rõ vùng này. Họ theo một lối đi đã biến mất mấy ngày trước dưới một lớp tuyết trắng, bần. Anh giáo ước độ họ không thể lên đến đồi trước nửa giờ. Trời lạnh, anh trở vào trường tìm chiếc áo ấm.

Anh băng qua lớp học trống trải và tẻ giá. Trên bảng đen, bốn con sông của nước Pháp vẽ bằng những phấn màu khác nhau đã chảy về phía cửa sông từ ba ngày nay. Tuyết rơi dừ dợt giữa tháng mười, sau tám tháng khô ráo mà mưa vẫn không đem đến một sự chuyển

tiến nào và số hai mươi đứa học trò lững trong các lang rải rác trên cao-nguyên không đến lớp học nữa. Phải chờ đến khi có thời tiết tốt. Daru chỉ sưởi căn phòng duy nhất dùng làm chỗ ở của anh, phòng này dính liền với lớp học và cũng trông ra cao-nguyên về phía đông. Một cửa sổ, như mấy cửa sổ lớp học, cũng mở ra phía nam.



Từ phía này, trường nằm xa vài cây số cách chỗ cao nguyên bắt đầu trở xuống về phía nam. Những khi trời sáng, người ta có thể trông thấy những khối màu tím của dãy núi, nơi mở cánh cửa ra sa-mạc.

Ấm lại được đôi chút, Daru trở ra cửa sổ, nơi anh trông thấy hai người đàn ông lẫn đầu.

NEUROTONIC BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ
125 817 10-11-83

NGƯỜI KHÁCH

Anh bước trên sân thượng nhà trường. Hai người đàn ông bây giờ đã đến giữa triển dốc. Anh nhận ra người cỡi ngựa tên Balducci; ông cảnh binh già anh quen biết từ lâu. Balducci kéo ở đầu sợi giây một người Á-rập tiến đằng sau ông, tay bị cột, đầu cúi xuống. Ông phác tay chào nhưng Daru không đáp lại vì mãi bận nhìn người Á-rập mặc chiếc áo thụng trước kia màu xanh, chân đi « xăng-đan », nhưng có mang vớ len thô, đầu đội một cái mũ chặt và ngắn. Họ đến gần. Balducci kèm ngựa đi thông-thả để không làm bị thương người Á-rập và cả hai tiến lên chậm-chạp.

Đến tầm tai, Balducci nói to :

— Đi có ba cây số từ El Aneur đến đây mà phải mất những một tiếng đồng-hồ.

Daru không trả lời. Dáng người thấp, lùn trong chiếc áo ấm dày, anh nhìn họ leo lên. Không lần nào người Á-rập ngừng đầu. Khi họ đến sân thượng, Daru nói :

— Chào hai người. Xin mời vào sưởi.

Balducci khó nhọc xuống ngựa, tay không buông sợi giây.

Ông mỉm cười với người giáo-viên dưới những sợi râu mép lởm-chớm. Đôi mắt tối nhỏ thụt sâu dưới vầng trán sạm nắng và chiếc miệng có những nếp nhăn bao quanh, gây cho ông một vẻ chăm-chú và cần-mẫn. Daru cầm giây cương dắt ngựa tới cái chái rồi trở lại hai người bây giờ đang chờ anh trong trường.

Daru hỏi :

— Hai người đi đâu như thế này ?

Balducci đáp :

— Đến đây chứ đi đâu.

— Học-trò gì lạ. Hai người ngủ đây à ?

— Không. Tôi sắp trở về El Aneur. Còn em, em sẽ nộp anh bạn này cho Tinguet. Người ta đang chờ anh ta.

Balducci nhìn Daru qua một nụ cười thân-mật. Anh giáo hỏi :

— Bác nói gì kỳ vậy ? Định đùa tôi hay sao ?

— Không, em ạ. Lịnh đấy.

— Em nghe tôi. Tôi thương em lắm, em cần hiểu. Chúng tôi gồm chừng mười người ở El Aneur mà phải tuần-tiêu trên lãnh-thổ của một quận nhỏ và tôi phải trở về. Người ta bảo tôi giao em tên này và về gấp,

NGƯỜI KHÁCH

không được chần chờ. Không thể giữ nó dưới kia. Làng nó xông-xao muốn giành nó lại. Nội nhật ngày mai em phải dẫn nó đi Tinguít. Một người khỏe mạnh như em có sợ gì đôi mươi cây số. Sau đó là xong. Em sẽ gặp lại đám học-trò của em cùng cuộc sống dễ-dãi.

Đặng sau bức tường, người ta nghe tiếng con ngựa thở phì phì, vó vồ lên mặt đất, Daru nhìn qua cửa sổ. Ngày lên hân hoi, ánh-sáng lan rộng trên cao-nguyên phủ tuyết. Khi tuyết tan hết, mặt trời sẽ lại ngự-trị và một lần nữa thiêu đốt mấy cánh đồng đá. Trong nhiều ngày nữa, bầu trời không thay đổi sẽ tuông ánh-sáng khô ráo lên quăng trống hoang-vu không một vết chân người. Anh quay lại phía Balducci, hỏi:

— Nhưng này, hân ta làm gì nên tội vậy? Trước khi người cảnh-binh kịp mở miệng, anh tiếp luôn: Hân có chống lại chúng ta không?

— Không, nhưng biết đâu?

— Tại sao hân giết người?
— Tôi tin là vì chuyện gia-đình. Hình như người này thiếu lúa người kia. Đầu đuôi không được rõ lắm. Nói vắn tắt, hân dùng lưỡi búa chém chết người em họ. Em biết đấy, như chém con dê, phập!

Balducci làm cử-chỉ đưa con dao lên cổ và gã Á-rập chú ý, nhìn ông bằng con mắt âu-lo.

Daru bỗng giận hân, giận tất cả loài người nói chung, sự độc-ác ti-tiền, lòng căm thù dai-dẳng và sự khát máu của họ, Ấm nước reo sôi trên lò. Anh lại rót trà cho Balducci, ngần-ngừ một chút rồi rót cho gã Á-rập lẫn nữa. Lần này gã cũng uống một cách tham-lam. Hai cánh tay nâng cao của gã bây giờ để hé mở chiếc áo rộng và anh giáo trông thấy được vầng ngực đầy, cuộn bắp thịt của gã. Balducci nói:

— Cám ơn em. Bây giờ tôi đông. À, em có súng không?

— Tôi có cây súng săn.

— Đề ở đâu?



— Trong rừng.

— Em nên đề gần bên giường.

— Tại sao vậy? Tôi có gì phải sợ đâu.

— Em điên rồi. Nếu họ làm loạn, không một người nào được yên thân. Chúng ta ở trong cùng một rọ như nhau.

— Tôi tự bảo vệ được. Tôi có đủ thì giờ trông thấy họ đến.

— Em có đủ thì giờ? Được. Trước tôi cũng nói như em. Em lúc nào cũng khật khùng một chút. Chính vì vậy mà tôi thương em nhiều. Con trai tôi cũng vậy. Cùng một lúc ông rút cây súng lục của ông ra đặt lên bàn:

— Em giữ lấy. Tôi không cần những cây súng từ đây về El Aneur.

Khẩu súng lục chiếu sáng trên lớp sơn đen của mặt bàn. Khi ông cảnh binh quay lại phía mình, Daru ngửi được mùi da thuộc và hơi ngựa của ông ta. Anh bỗng nói:

— Bác Balducci nghe này. Tôi tỏm tất cả những chuyện này, trước nhất là tên tù của bác. Nhưng tôi sẽ không đem nộp hân. Đánh nhau, vâng, nếu cần. Nhưng việc đó thì không.

Người cảnh-binh già đứng trước mặt anh nghiêm-khắc nhìn anh. Ông chậm-rãi nói:

 **NEUROTONIC** BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ
475 BVT 20-11-67

— Em nói những sự điên-rồ. Chính tôi, tôi cũng không thích chuyện này. Tròng sợi giây vào cổ một người nào đó, dù bao năm trôi qua, người ta vẫn không thể quên được, còn xấu-hồ nữa là khác. Nhưng không thể để mặc cho họ muốn làm gì thì làm.

Daru lặp lại :

— Tôi sẽ không đem nộp hân.

— Đây là lệnh em ạ. Tôi lặp lại cho em nghe.

— Thì vậy. Bác lặp lại cho họ những gì tôi đã bảo bác : tôi sẽ không đem nộp hân.

Balducci có vẻ cố-gắng suy-nghĩ.

Ông nhìn người Á-rập đang đứng yên ở chỗ cũ, khịt mũi ra dáng ưu-phiền rồi quay về phía cửa, nói : « Chào em ». Cánh cửa đóng lại đằng sau ông. Bóng ông nhô lên qua khung cửa sồ rồi biến mất. Tiếng chân ông cam lạng trên lớp tuyết. Con ngựa tỏ vẻ nóng nảy đằng sau tấm vách, bầy gà chạy táo-tác. Lác sau, Balducci đi trở ngang qua khung cửa, tay cầm sợi giây cương giắt con ngựa. Ông tiến đến dốc đứng, đầu không quay lại, ông mất hút dạng,

kể đến con ngựa. Người ta nghe một cục đá to lớn lăn nhẹ. Daru trở lại phía anh tù-nhân khi ấy vẫn không nhúc-nhích nhưng mắt không rời khỏi anh. Người thầy giáo dùng tiếng Á-rập bảo : « Chờ đó ! » rồi tiến vào trong phòng. Lúc bước qua ngưỡng cửa, anh dời ý đến bàn giấy lấy cây súng sáu nhét vào trong túi. Xong không quay lại, anh bước thẳng vào phòng.

Rất lâu anh nằm dài trên đi-văng nhìn bầu trời khép dần lại và lắng nghe sự im-lặng. Anh không chịu nổi sự im-lặng này những ngày đầu anh tới đây, sau chiến-tranh. Anh đã xin được việc làm trong một thành phố nhỏ dưới chân dãy núi ngăn cách sa-mạc và cao-nguyên. Nơi đây, những vách đá màu xanh và đen về phía bắc, hồng hay màu hoa cà về phía nam đánh dấu biên giới của mùa hè vĩnh-cửu. Người ta bỏ anh đến một chỗ ở tít về mạn bắc hơn, ngay trên cao-nguyên. Ban đầu sự lẻ loi và tĩnh-mịch đối với anh thật là khắc-nghiệt trên những mảnh đất cằn cỗi chỉ có đá và đá.

(Còn tiếp)



★ Nguyễn-Vỹ

(Tiếp theo P.T. 127)

NHẤT là đêm thứ Năm sau đây, Quỳnh báo Tuần :

— Chiều mai, thứ Sáu, là ngày báo *Tiếng-Dân* phát hành. Nếu bài của mày được đăng thì mày ra được đăng trong mục « Độc-giả diễn-đàn » trong số đó. Nếu không, tức là bị cụ Huỳnh xé chùi Jít.

Các bạn của Tuần nói nửa đùa nửa thật, nhưng chính Tuần cũng áy-náy lo bài của mình không được Cụ Huỳnh chấp-nhận.

Bồn giờ chiều thứ Sáu, Tuần đi ra phố một mình đón mua tờ *Tiếng-Dân*. Đây là

tờ báo duy nhất ở Huế thời bấy giờ, mỗi tuần xuất bản hai hay ba lần. Uy-tín của nó rất lớn, do uy-tín cá-nhân của cụ Huỳnh-thúc-Kháng, một nhà đại-nho, một chí-sĩ cách-mạng đã bị đày đi Côn-Sơn cùng một lượt với cụ Tây-hồ Phan-chu-Trinh, và đã hồi hương sau khi mãn hạn tù.

Uy tín của báo *Tiếng-Dân* không những riêng ở Đê-đô Huế, mà vang lừng khắp trong nước, và là tờ báo đầu tiên phổ-biến từ thành-thị đến thôn quê. Riêng ở miền Trung, mỗi làng có vài ba nhà nho gọi là

« tân nho », — danh-từ mới để khinh miệt những « hủ nho », — tân nho là những ông Tú, ông Cử, hoặc các thanh niên nho học có óc « mới », khuynh hướng về « văn minh tiên bộ ». Họ đều là những người hoặc có đóng cổ phần trong « Công ty Huỳnh-thúc-Kháng », và được biếu báo *Tiếng-Dân*, hoặc có đóng tiền mua năm báo *Tiếng-Dân*.

Tuy hầu hết các giới trí thức « có đầu óc quốc-gia » ở khắp nước, và riêng ở Huế, đều mua báo *Tiếng-Dân*, nơi đây họ thích đọc nhất những bài xã-thuyết của cụ Minh-Viên Huỳnh-Thúc-Kháng, và những bài của cụ Sào-Nam Phan-Bội-Châu, nhưng hình như cũng có một số đông người không muốn bỏ tiền ra mua (giá bán mỗi số 5 xu), và chỉ mượn đọc. Có lẽ để tránh cái nạn mượn báo và « xem báo cộp », cụ Huỳnh-thúc-Kháng đã dùng một biện pháp đặc biệt. Những số báo phát-hành ở

ngay thành phố Huế, giao cho vài em bé ôm đi bán dạo, đều được gấp 6 theo chiều ngang rồi gấp đôi theo chiều dọc, và dán một rẻo giấy trắng bịt hai đầu có con dấu xanh của tòa báo đóng một nửa trên rẻo giấy một nửa trên mặt báo.

Như thế, tờ báo như bị dán lại, chỉ những người nào trả tiền mua báo, mới xé rẻo giấy kia ra và mở tờ báo ra xem. Biện pháp đó, tránh được những đọc giả xem báo mượn hoặc xem báo cộp, vì một khi rẻo giấy bị xé ra rồi, người lãnh báo bán dạo trả lại nhà báo không nhận.

Tuần trao 5 đồng xu cho đứa bé bán báo dạo và lấy một tờ. Đó là tờ *Tiếng Dân* số 100. Hồi-hộp, vội-vàng, Tuần xé rẻo giấy có con dấu của ty quản-lý tờ báo, và mở ra xem. Tuần rất đổi ngạc nhiên và vui mừng thấy ngay nơi mục xã thuyết ở trang nhứt, bài của Tuần với cái đầu-để in chữ đậm sắp đầy 2 cột : « ở

Trung kỳ, nên cương bách giáo-dục ». Tuần ngó liền xuống cuối bài, thấy rõ ràng tên của mình, và một bên có giòng chữ « còn nữa ». Tuần mừng rỡ không kịp đọc, lật-đật cầm tờ báo chạy về nhà. Tại bạn đi học trường Pellerin chưa về. Tuần nằm dài xuống bộ ván ngựa, trải nguyên tờ báo ra trước mắt, và xem bài của mình. Tuần vô cùng thích thú đọc lại những câu văn chính mình đã viết, nhà báo không thêm không bớt một chữ. những câu văn của mình đã viết nguệch ngoạc bằng mực tím trên trang giấy học trò, bây giờ thành chữ in, đậm-đà và sắc-sảo trên trang giấy báo.

Cũng y nguyên những câu văn đó, bài đó, mà lúc còn viết tay trước khi đem đến tòa báo, không thấy hay, không thấy đẹp, không thấy thâm-thúy bằng khi đã in trong mục xã-thuyết hai cột của báo *Tiếng Dân*.

Tuần đọc đi đọc lại từng đoạn, đọc đi đọc lại cả bài, xem lại đầu để in thành hai giòng chữ đậm, nét lớn, rồi ngó lại cái tên ký, tên của mình, in bằng chữ Romain hoa. Tuần mỉm cười thỏa

mãn, nằm ngửa trên bộ ván gỗ bóng mượt, mát lạnh, để tờ báo *Tiếng Dân* trên ngực, nhắm mắt tưởng-tượng tất cả sự sung-sướng lần đầu tiên có một bài của mình đăng trên mặt báo, lại là tờ báo có uy tín nhất của Trung-Kỳ, của cả xứ An-nam, tờ báo của cụ Huỳnh-thúc-Kháng!.. Bài của Tuần lại được đăng trong mục xã thuyết, là nơi dành riêng cho cụ Huỳnh-thúc-Kháng mà thôi. Tuần cũng không ngờ bài của Tuần lại được đăng thành hai kỳ, kỳ này trong tờ báo số 100, kỳ sau trong số 101. Tuần tưởng-tượng vài hôm nữa số báo *Tiếng Dân* này sẽ được gởi đi khắp nơi trong nước và tất cả những người quen biết Tuần ở Qui-nhơn, Quảng-ngãi, v.v... sẽ đọc bài của Tuần, Phạm-Đào-Nguyên sẽ đọc ngay trước khi ăn cơm, sau khi cầm tờ báo ở sở về.

Và cha của Tuần, mẹ của Tuần ở Quảng-ngãi, các thầy giáo của Tuần, các bạn học cũ của Tuần, sẽ ngạc-nhiên thấy nơi mục xã-thuyết của tờ báo cụ Huỳnh một bài của Tuần, ký tên Tuần.

 **NEUROTONIC** Bổ óc
Tăng cường trí não

Tuần đang thưởng-thức một mình sự khoái chí mênh-mông không xiết kể, thì các đứa bạn đi học đã về. Quỳnh thấy tờ *Tiếng Dân* nằm trên ngực Tuần, cất tiếng hỏi Tuần :

— Báo mới đó phải không Tuần ?

— Ừ.

— Có đăng bài của mấy không ?

— Có.

— Đâu ?

Quỳnh vội lấy tờ báo tìm mục « Đọc giả diễn đàn ». Nhưng Tuấn hãnh-diện bảo :

— Ngay ở mục xã-thuyết.

Quỳnh ngồi xuống ván gỗ, lọc một mạch hết bài báo, trong lúc ba đứa bạn khác cũng chụm đầu vào xem bài của Tuần. Đọc xong, Quỳnh cười vui vẻ :

— Sướng quá hả ! Tuần, mấy viết báo được rồi đây. Được đăng trên báo *Tiếng-*

Dân, lại đăng ngay nơi mục xã-thuyết của cụ Huỳnh, còn vinh-dự nào bằng !

Xong rồi mày đưa bạn xúi Tuần đến tòa báo « xin tiền nhuận bút ». Tuần không muốn đi :

— Tao không dám đến cụ Huỳnh để xin tiền nhuận bút. Miễn cụ đăng cho được, là khoái rồi.

Quỳnh bảo :

— Cụ đăng là một chuyện, mà mình lấy tiền nhuận bút là một chuyện chớ !

— Nhưng bài đăng đã hết đâu. « Còn nữa » mà !

— Vậy đợi xem kỳ sô ror đăng hết bài của mấy, thì đến xin Cụ trả tiền nhuận bút. Lấy tiền về ăn chè hột sen, mấy phải đãi mỗi đứa tao một chén, chớ tội gì không lấy, mày !

Sô ror ra, Tuần cũng vội vàng mua một sô xem. Bài của Tuần vẫn giữ y nguyên đầu đề, với hai chữ « tiếp theo » và kỳ này đăng hết,

lại 2 cột xã thuyết và cũng ý tên của Tuần.

Gặp lúc túng tiền, chưa có trò nào nhận được « mandat » của gia-đình gởi cho, bèn đưa bạn nhất định xúi Tuần đến tòa báo *Tiếng-Dân*. Tuần cùng đi, nhưng đến tòa báo Tuần đứng lấp ló ở ngoài không dám vào. Quỳnh và ba đứa bạn đánh liều bước vào Tòa báo.

Tuấn đứng ngoài cửa ngõ vào thấy bèn đưa bạn nói gì với ông Quản-lý tên là Trần-đình-Phiên.

Một lúc khá lâu, hình như ông Phiên đi lên lầu thưa với cụ Huỳnh-thúc-Kháng, rồi trở xuống một cầu thang chật hẹp, kê phòng quản lý, ông hỏi :

— Tuần là ai ?

Quỳnh vội vàng chạy ra cửa gọi Tuần vào. Nhưng Tuấn mắc-cở và nhút-nhát, khẽ bảo Quỳnh :

— Mấy cứ lấy tiền đi. Tao không vào đâu.

Một lát sau, bèn đưa bạn

đi ra. Quỳnh cười bảo :

— Tao phải ký cái biên lai nhận giùm cho mấy đó.

— Cũng được chớ sao.

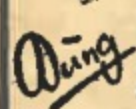
Quỳnh đem bạc, trao lại cho Tuấn 4 đồng, và bảo :

— Ông Trần-Đình-Phiên nói cụ Huỳnh khen bài mấy viết hay và biểu trả tiền nhuận bút bấy nhiêu đó.

Tuần vui sướng quá chừng, nở mũi cười hí hờn. 4 đồng bạc ! Ô chu.cha ! Sao nhiều quá vậy ? Tuấn ước độ 4. 5 giắc (1) thôi chớ, ngờ đâu được món tiền to như thế ! Sẵn đi qua ngay phố Đông-Ba, Quỳnh mượn hai xu để mua một quyển vở, ba đứa bạn kia cũng mượn tiền mua viết-chì, mực, v.v... Tuần còn 3 đồng 4 giắc. Bấy giờ tối hôm đó, cơm xong, nghe thấy cô hàng bán chè hột sen rao trước cổng, mấy đứa bạn chạy ra gọi. Tuấn vui vẻ đãi mỗi đứa hai chén chè hột sen, mỗi chén một xu.

(còn tiếp)

(1) Một giắc (tiếng Trung), = một các (tiếng Nam), một hào (tiếng Bắc),

 **NEUROTONIC** **BỔ ỨC**
Tăng cường trí nhớ
175 DT 20-15-4





ĐỆ TỨ BÁCH CHU NIÊN

MỘT NGHI-VẤN

Shakespeare có phải thật là Shakespeare không? (1)

WILLIAM Shakespeare sinh ngày 23 tháng 4 năm 1564 ở Stratford-on-Avon, tỉnh Warwickshire, Anh-quốc. 400 năm nay, cái tên này được lẫy lừng trên thế-giới, vì những bản kịch bất hủ, kỳ-diệu, phi-thường của ông, đã được dịch ra tất cả các thứ tiếng, và hầu hết những người trí-thức của bất cứ thời-đại nào, xứ nà, cũng đã phải đọc, và đều phải khâm-phục là một bậc kỳ-tài siêu-việt của thế-giới.

Nhưng 400 năm nay, các nhà văn-học bị chia ra hai

phái vì cái bí-mật của Shakespeare đã tạo thành một nghi-vấn: một phái cho rằng Shakespeare chính là tác-giả các bản kịch thần-tình mà ai đọc cũng mê, lại có một phái cho rằng Shakespeare chỉ là một cái tên mượn của một tác-giả nặc danh. 400 năm nay, cái nghi-vấn này vẫn chưa được giải-quyết, và biết bao nhiêu sách, báo đã viết về Shakespeare mà cuộc tranh-luận của văn-học quốc-tế này vẫn chưa làm ai thỏa-mãn.

(1) Đọc theo âm Việt là Séc-s-pia, theo âm Pháp: Chek's-pir.

Người ta vẫn hỏi: Shakespeare có phải thật là Shakespeare không? Cũng như có những kẻ đã đặt ra nghi-vấn về nhà Đại Thi-hào cô Hy-Lạp: Homère có phải thật là Homère không?



Nay nhân dịp đệ tứ bách chu-niên của nhà Đại Thi-hào quốc-tế, hãnh-diện và vinh-quang của nước Anh, chúng ta hãy dựa vào các tài-liệu Văn-học-sử đứng đắn nhất để tìm hiểu Shakespeare. Theo lý-lịch chính thức, thì William Shakespeare là trưởng nam của một gia-đình có bốn người con, của John Shakes-

peare và Mary Arden: William Edmund, Gilbert và Joan. Học trường Trung - Học Gramma School. 18 tuổi, William lấy vợ là Anne Watheley, có sách chép là Wathawey, lớn hơn chàng 8 tuổi. Sáu tháng sau, người vợ sinh một đứa con gái, Susanna. Như thế là lúc làm lễ cưới cô dâu đã có thai được 3 tháng.

Ba năm sau, tháng Hai 1585, bà lại sinh-đôi một gái và một trai Judith và Hamnet. Cậu trai sau này sống được 11 tuổi thì chết. Bỗng dưng William Shakespeare đi trốn đâu mất mấy năm, không ai biết ông ở đâu, có kẻ đồn rằng lúc bấy giờ ông nghèo khổ, và làm nghề giữ ngựa trước cửa rạp hát London. Bảy năm sau, 1592, ông thành ra một nhà Thơ nổi tiếng ở Thủ-đô nhờ mấy bản kịch được trình-diễn trên

*một văn - hào
huyền - diệu nhất
của Thế-giới:*

SHAKESPEARE

(1564 - 1964)

★ Nguyễn-Vỹ

sân - khấu. Bọn Văn-sĩ tâm thường bắt đầu dèm pha ông là « con quạ mà muốn mặc lột áo con công ». Ghét ông nhiều nhất và viết cả một quyển sách để « chửi » ông, có nhà phê-bình Robert Greene, thi-sĩ kém cỏi, không hết lời xỉ vả ông, khinh-miệt ông là tự-phụ làm được Thơ như chúng ta, và tưởng đâu mình là bậc tài-hoa duy nhất làm xáo-trộn sân-khấu nước Anh (Shake-scene). Nhưng Shakespeare không thèm trả lời những kẻ bắt tài, ganh ghét, quyết dìm ông.

Sáu tháng sau, tháng 3 năm 1593, ông xuất-bản Thi-phẩm đầu tiên : *Venus và Adonis*. Ngày 9 tháng 5 năm 1594, thi-phần thứ hai ra đời : *Hiếp-dâm Lucrece*. Rồi tác-phẩm thứ ba, kịch : *Uồng công yêu*.

Ông vừa viết kịch, vừa đóng kịch. Từ đây, tài nghệ của Shakespeare mỗi ngày mỗi tiến, tên của Shakespeare càng lâu càng vang lừng,

những kẻ trước kia ganh ghét chửi bới ông, mặt-sát ông, bây giờ đành ngậm miệng, vì Shakespeare đã nổi bật lên trên đàn văn-nghệ của Anh-quốc và đã bắt đầu dạy tiếng ở Âu-châu.

Ngày 26 và 27 tháng 12 năm 1594, Nữ-hoàng Elizabeth I mời ông vào trình-diễn các vở kịch của ông trên sân-khấu của Hoàng-gia, và từ đây, nhờ văn-nghệ ông đã trở nên giàu có, và thân phụ của ông được Nữ-hoàng tặng cho một chức tước quý tộc. Tháng 5 năm 1597, Shakespeare tậu được một lâu-đài lộng lẫy, *New Place*, và các năm sau, 1599, 1602, 1608, 1613, ông tiếp tục hùn vốn vào các việc kinh-doanh, trở thành triệu-phú. Cũng suốt thời-gian này, ông sản-xuất rất nhiều bản kịch Thơ được công chúng nhiệt-liệt hoan nghênh.

Dưới đây là các kịch phẩm và thi-phẩm nổi danh của

William Shakespeare, chia làm 4 thời kỳ.

* Thời kỳ 1588 — 1594, kịch :

- *Titus Andronicus*.
- *Peines d'Amour perdues*
- *Peines d'amour gagnées*.
- *La comédies des erreurs*
- *Le songe d'une nuit d'été*
- *Les deux gentilhommes de Verone*
- *Henry VI*
- *Roméo et Juliette*
- *Richard II — Richard III*

Thơ :

- *Vénus et Adonis*.
- *Le Viol de Lucrece*.

* * Thời kỳ 1595 — 1601 Kịch :

- *Le Roi Jean*
- *Le marchand de Venise*
- *La mégère apprivoisée*
- *Les Joyeuses Commères de Windsor*
- *Henry V*
- *Beaucoup de bruit pour rien*
- *Comme il vous plaira*
- *La douzième Nuit*
- *Tout est bien qui finit bien*.

Thơ :

— *Les Sonnets*.

* * * Thời kỳ 1601 — 1607. Kịch :

- *Jules César*
- *Hamlet*
- *Mesure pour mesure*
- *Othello*
- *Macbeth*
- *Le Roi Lear*
- *Troilus et Cressidu*
- *Antoine et Cléopâtre*
- *Coriolan*
- *Timon d'Athènes*.

* * * * Thời kỳ 1608 — 1613. Kịch :

- *Périclès*
- *La Tempête*
- *Cymbeline*
- *Conte d'Hiver*
- *Les deux nobles cousins*
- *Henry VIII*

Từ 1613, Shakespeare bỏ hẳn văn-nghệ, về sống lặn lẽ với gia đình ở Stratford, sau khi rạp hát của ông, Théâtre du Globe bị cháy rụi, hồi tháng 6-1613.

Ông chết cũng âm thầm lặn lẽ ngày 23-4-1616 thọ đúng 52 tuổi, vì ông chết cùng ngày cùng

Quing **NEUROTONIC** **BỔ OC**
Tăng cường trí nhớ

tháng với ngày tháng sinh của ông (ông sinh ngày 23-4-1564). Ông được chôn trong Nhà-thờ Stratford. Sau đó,

người ta có dựng lên một pho tượng để kỷ-niệm một thiên-tài lỗi-lạc của nước Anh và của Thế-giới.

○ Nhận xét về tài nghệ của Shakespeare

Ít có nhà Thơ nào được người ta nói nhiều bằng William Shakespeare, kẻ khen cũng nhiều, người chê cũng không ít. Ngay đến cái tên của ông, cũng có nhiều người đương thời viết sai :

Shakespeare, Shakespere, Shakspear, Shaxpere, Shagspere, Shaxberd, v. v... hoặc có kẻ viết tắt : Shaksp. Shakp. Shakspe, hoặc cụt ngắn : W. Sh. !

« Đọc các tiểu-sử và các lời phê-bình Shakespeare, ai cũng thấy rõ rằng vài kẻ nói xấu ông, chê ông, đều là những nhà văn, nhà thơ kém tài hơn

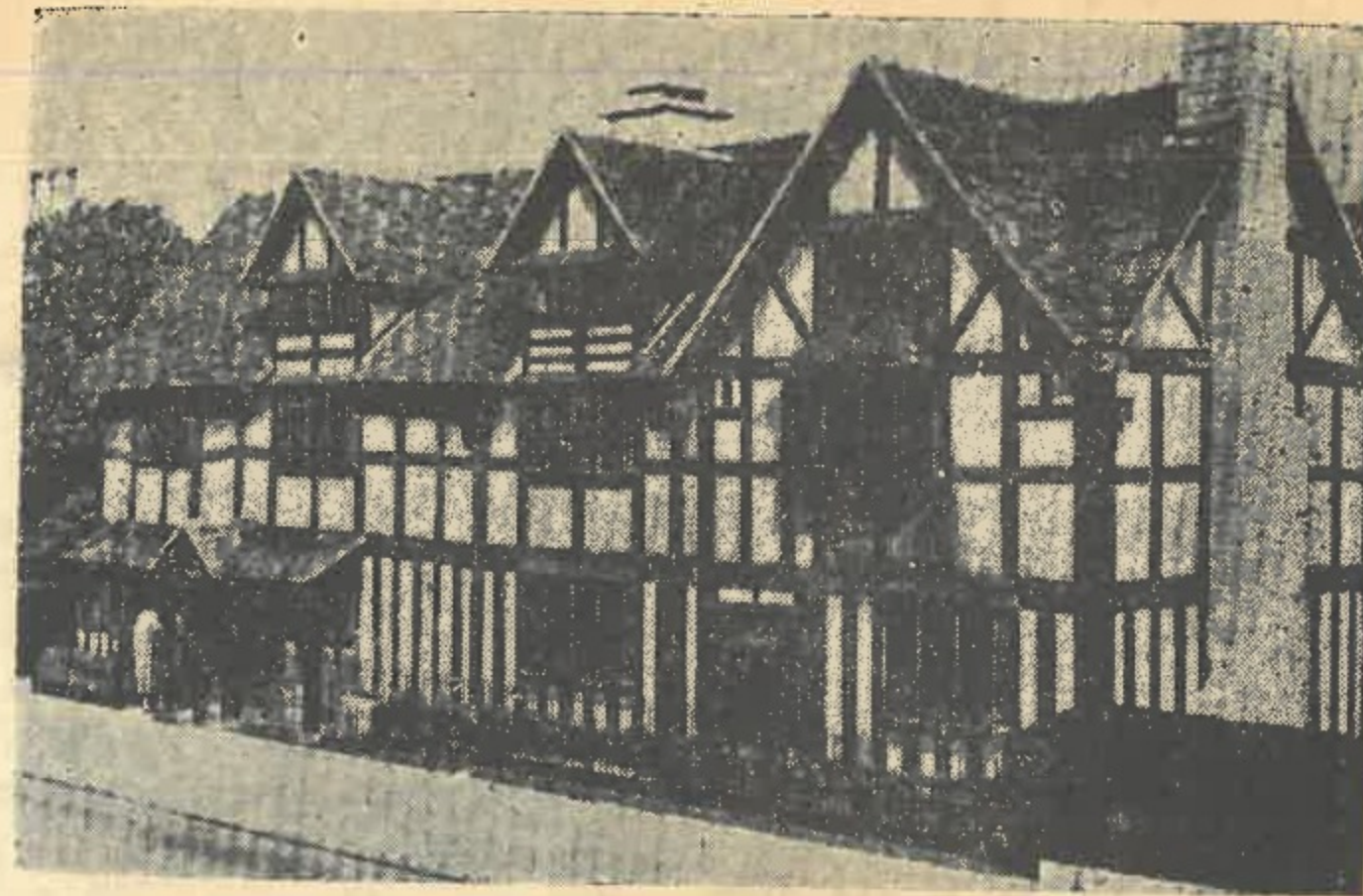
ông, như Robert Greene. Trái lại, hầu hết các nhà văn-nghệ Anh ở thời đại của ông, và sau này tất cả các nhà phê bình quốc tế đều nhìn nhận Shakespeare là một thiên-tài lỗi-lạc của thế-giới.

Ben Johnson đã viết về ông :
« Không biết tiếng La-Mã, tiếng Hy-Lạp lại càng biết ít hơn, nhưng Shakespeare, con Bạch-ngà của miền Avon-trên-Stratford, có một tài-nghệ độc-đáo kỳ-diệu, vượt hẳn cả Lyly, Kyd và Marlowe, không kém gì Eschyle, Euripide và Sophocle, và trên vòm trời văn-nghệ ông là Ngôi-Sao của các Thi-nhân... »

Đang

NEUROTONIC

ĐỒ ÓC
Tăng cường trí nhớ
175 DT 20-11-84



Nhà của Shakespeare ở Stratford hôm nay vẫn còn là một nơi mà các nhà du-lịch quốc-tế thường đến thăm

Với tâm-hồn của một người Việt-Nam, tôi nhận thấy lời khen trên kia có hơi quá đáng, vì dù sao không thể so-sánh Shakespeare với Sophocle, Euripide, nhất là với Eschyle là những vị Thần của kịch-trường. Nhưng với tất cả khách-quan văn-nghệ, chúng ta phải công nhận rằng từ thế-kỷ XV đến nay Thế-giới chưa sản-xuất được một thiên-tài như Shakespeare.

Đọc Shakespeare rồi mới thấy Corneille nhạt nhẽo làm sao ! Racine thật là thấp lè-tè như đất bụi. Victor Hugo đã cố gắng chạy theo hào-quang chói lọi của thiên-tài Shakes.

peare, trong *Lucrece Borgia*, nhưng chỉ nhặt được một vài tia sáng yếu ớt. Họa chăng có Dante ! Và chút ít Cervantès mà thôi.

Shakespeare đồ-sộ, âm-u, huyền-diệu. Chỉ có Shakespeare mới toát ra những câu thơ hùng-hồn thâm-thúy, bay lượn trên cao xanh trử-tĩnh, đem giấc mơ lên vút trên thượng tầng tư-tưởng. Chỉ có Shakespeare mới khai-thác những rung-động của con tim bằng tất cả những phát-minh táo-bạo, kỳ-tài, không có gì sâu bằng, không có gì nhẹ bằng, không có gì duyên dáng quyền-rũ bằng.

Shakespeare không phải là Shakespeare ?

Chính vì thiên - tài siêu việt đó mà trải qua 400 năm có bao nhiêu người cho rằng Shakespeare sinh ở Stratford, đóng tuồng ở các rạp hát London, không phải là Shakespeare tác giả các Thi-phẩm tuyệt tác trên kia.

Lý do đáng đề ý nhất là William Shakespeare sinh trưởng ở Stratford là người thiếu căn bản văn-hóa, chỉ có học sơ qua ở trường trung học Grammar School, (chưa chắc, vì không có bằng chứng) rồi sau làm nghề giữ ngựa trước các rạp hát ở London, và đóng các vai tuồng trên sân khấu.

Trái lại, viết được những vở kịch kỳ-diệu tuyệt tác như *Antoine et Cléopâtre*, *Jules César* thì phải có xem nhiều Lịch-sử La-mã ; viết được *Macbeth*, *Le Roi Lear*, thì phải có đầu óc dồi dào tưởng tượng thâm cao ; viết được *Hamlet*, *Coriolan*, thì ít nhất đã phải có một đời sống

chan hòa bi-kịch, thâm đậm, da - diết, đề mê. Nhưng anh chàng Shakespeare đóng kịch trên các sân-khâu *Le Cygne*, *Globe*, *Blackfriars*, chắc là không có những yêu tố thiên-tài siêu-việt đó. Phải là một người có đi du lịch nhiều, có yêu nhiều, có đau khổ nhiều, có rung cảm nhiều.

Có kẻ cho rằng những vở kịch phi-thường kia có lẽ do Francis Bacon viết ra, rồi mượn tên Shakespeare làm tên tác giả. Vì chính tác giả muốn giấu tên. Đó là giả thuyết của J.C. Hart, nhà văn-học Mỹ, trình bày trong quyển « *The Romance of Yachting* », hoặc của Henry Smith trong quyển « *Bacon and Shakespeare* », hoặc của Webb trong « *The Mystery of William Shakespeare* ». Có kẻ lại quả-quyết rằng Shakespeare chỉ là bút hiệu của Stanley, một Bá tước ở Triều đình Nữ - hoàng Elisabeth !...

Sau cùng, Miss Delia Bacon, trong một loạt bài : « *Shakespeare and his plays* :

An Enquiry concerning them » lại cho rằng không phải có một Shakespeare mà có đến bảy Shakespeare (Seven Shakespeare), nghĩa là có cả một thị-đoàn gồm có 7 người cùng nhau viết các kịch-phẩm tuyệt tác kia : Oxford, Raleigh, Stanley, Marlowe, Bá-tước

Rutland, Francis Bacon, và Lady Pembroke !

Lại có kẻ cho rằng Shakespeare là Chapman, là Peele, là Lodge, là Nashe, là Chettle, là Ben Johnson...

Nghĩa là ai cũng là Shakespeare được cả !

Chỉ có một Shakespeare

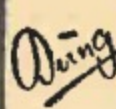
Rốt cuộc, tất cả những giả thuyết đó đều không căn-cứ chính thức vào tài liệu lịch-sử nào đích xác cả. Tại vì thiên tài Shakespeare là cả một dị thường hi hữu, cả một huyền bí siêu phàm, cho nên có những người không tin Shakespeare là Shakespeare.

Nhưng chỉ có một Shakespeare mà thôi. Shakespeare với nghệ-thuật cao siêu, độc đáo, huyền diệu. Chỉ nghệ-thuật siêu quần bạt tụy của Shakespeare là kết quả của thiên tài Shakespeare mà thôi,

Kẻ ganh ghét, hoài nghi, muốn hạ bệ Shakespeare, phủ nhận Shakespeare, nhưng toàn thể nhân loại say mê Shakespeare từ 400 năm nay chỉ có một Shakespeare : Shakespeare của *Macbeth*, của *Hamlet*, Shakespeare của Cesar, của *Much ado about nothing*...

Và đôi với các thề - hệ bạn trẻ dù ở Tây phương hay Đông phương, biết mơ-mộng và biết yêu, chỉ có một Shakespeare của *Romeo and Juliet* của *Le Songe d'une nuit d'été* !

N. V.


NEUROTONIC

BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ
175 877 4011-43

sàng gạo

* KIÊN-GIANG



Mẹ rắc hoàng-hôn theo hạt tuyết
Cám bay phưởng-phất quện hương cau
Nghiêng nghiêng bóng xế sau lưng mẹ
Gạo trắng như màu tóc trắng phau

Thuở bé về quê ăn gạo già
Đắng cay nước mắt trộn mồ-hôi
Mùi thơm gốc rạ thơm hương khói
Con lớn lần theo số tuổi đời

Từ khi xa xứ, lên đô-thị
Tiếng máy rồ vang át tiếng chày
Cồng kín tường cao đã khuất lấp
Bóng người sàng gạo cuối chân mây

Cái gì còn lại trên sàng gạo
Là hạt kim cương : hạt ngọc trời
Phấn cám bụi đời bay lẫn lộn
Mẹ ơi ! cơm trắng bởi mồ-hôi

Suốt đời cực khổ, đời làm dâu
Cay đắng chín mùi nỗi khổ đau
Lừa lọc ân tình theo hạt thóc
Trái bồ hòn lẫn hạt trần châu

Lâu quá con thêm ăn gạo già
Thêm mùi sữa ngọt sữa con sơ
Thêm thêm trắng sáng chày khua cối
Làm rụng Hăng-nga xuống tứ-thơ

Chiều nào con đứng bên hàng trúc
Thấy tóc mẹ rơi giữa nắng tà
Tóc trắng mềm chôn trong gạo trắng
Mẹ ngồi nhặt tóc, mới hay già

Cái thời thơ dậy không còn nữa
Cát-bụi mù bay khắp nẻo đời
Gạo chợ đã phai mùi gốc rạ
Men đời đắng lắm mẹ hiền ơi !

Lâu quá : nhốt đời trong ngõ hẻm
Lầu cao che khuất áng mây trời
Mẹ ơi ! đâu hướng về quê mẹ
Nắng giữa hồn con đã tắt rồi.



T

H

Ơ



ĐÌNH-HÙNG

(mục Tao-Đàn ở Đài Phát-thanh)

XUYÊN TẠC VỀ

TẬP

THƠ TRẦN-TUẤN-KIỆT

★ Trần-Tuấn-Kiệt

SUỐT từ ngày vào Đài phát-Thanh, phụ trách Tao Đàn đề giới thiệu những thi-phẩm xuất bản, nói chuyện về thơ, Đình Hùng đã ru vào lòng người những giọng điệu thâm trầm, những lời ca ngâm du-dương như một tài tử phong lưu, rất nhiều người thích thú, rất nhiều người dành cảm tình đặc biệt. Nhưng sự thật, Đình Hùng đã làm gì... để xây dựng thi ca ở mảnh đất này.

Riêng kẻ viết bài này từ trước vẫn không muốn nghĩ gì đến Đình Hùng, vì biết rằng Đình Hùng phụ trách Tao Đàn cũng như người ta phụ trách những

mục về thơ ở trên báo chí hằng ngày, một công việc ca ngâm đề kiểm còm thể thôi.

Rồi một lúc, tất cả báo chí, phần nhiều đã kích về tư cách Đình Hùng, về thơ quá thời mất giá trị, kém cỏi của Đình Hùng, kẻ này cũng không muốn đề ý đến... vì phần nhiều có ác cảm thì họ đã kích nhau; Đình Hùng, một thời... thời Tiểu thuyết Tuần san đã ký tên Thần Đăng làm những bài thơ chữ bới lại những người xem thường hân, và lại hăm dọa rất nhiều thứ bằng các bút hiệu mật-vụ khác.

TRẢ LỜI ĐÌNH HÙNG

Với bấy nhiêu đó, với bấy nhiêu cái loạn đó thì kẻ này đều yên lặng, mặc dù bị Đình-Hùng làm tướng cùng chung với những người đã kích anh ta.

Kẻ này không muốn nghĩ gì về Đình Hùng, lại thấy anh em thẳng tay « đập » Đình Hùng, kẻ này lại thương hại, cái tình thương thật sự đó khiến kẻ này phải hành động... bằng cách gọi cho Đình Hùng hai tập thơ :

Thơ Trần tuấn Kiệt và Nai

với những giọng đề tặng thân mật là mền mộ Đình Hùng (nhớ là 2 tập thơ gửi tặng sau khi tạp chí Phổ Thông có bài của Nguyễn Vỹ giới thiệu tập thơ Nai, trong đó có trích một câu nói ác-ôn của Đình Hùng về kẻ này :

— Nó không phải là thi-sĩ !

Với hành động đó Đình-Hùng đã nghĩ sao ; khi mà thẳng tay xuyên tạc 2 tập thơ của kẻ này ?

a) Đình-Hùng xuyên tạc kẻ này để làm gì ?

b) Xuyên tạc bằng cách nào ?

c) Xuyên tạc mà người nghe cảm thấy ra sao ?

d) Đình Hùng đã từ bỏ thiên chức của Con Người để lập lò phỉnh gạt những ai trong làng thơ ?

đ) Sự thật về Đình-Hùng.

★

Toàn bài nói về thơ, Đình-Hùng toàn xuyên tạc, toàn một giọng rất trịnh-trọng, chứa rất nhiều ác-cảm mà tôi đan-cứ ra đây ; Đình Hùng trích một vài chữ trong một đoạn của Bùi Giáng để tựa đề xuyên tạc lập lò như sau :

Lời thơ mang đủ mọi dư vang... và xuyên tạc bằng những lời ở Tao Đàn rằng :

Chúng ta đồng ý với Bùi Giáng, thơ Trần-tuấn-Kiệt chịu ảnh hưởng rất nhiều người, chưa tạo nên sắc thái đặc biệt.

Trong khi đó, lời đề bạt của Bùi-Giáng như vậy :

«— Thơ Trần-tuấn-Kiệt đã đạt tới cõi nguồn trường mộng tình

NEUROTONIC

BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ
175 DT 20-11-64

anh, nên gọi đây rất nhiều chân trời hoài niệm. Lời thơ pha đủ mọi dư vang của triều rộng. Con cháu Nguyễn-Du đã gặp Hoelderlin Nerval — và đón suy-tư hướng vọng vịnh-thề của thiên tài Tây-phương.»

Đình-Hùng cố ý rút một vài chữ trong đoạn văn như thế để người nghe Tao-Đàn ngộ nhận. Nhưng sự thật thì người nghe không ngộ nhận đâu!

Viết đến đây tôi ngao-ngán và tự buồn mình, vì phải trả lời với một kẻ hèn như Đình-Hùng. Bao nhiêu sự mẫn mọt từ trước kia về một người tạm gọi là biết làm thơ, biết phá một xã hội mất Tình mất Nghĩa của con người, trong tập thơ *Mê Hồn Ca*. Đến nay nghe điệu lập lờ trường giả, ganh tỵ, muốn dìm tài kẻ khác để mình ngất ngưỡng ngự trị trên Thi đàn. — mặc dầu có ngự trị được hay không là chuyện khác! Tôi bỗng chợt nhớ đến những câu thơ nhỏ của tôi đã đoán trước là tập thơ mình ra đời sẽ bị *bọn phê bình lập lờ* đó xuyên tạc, tôi xin trích ra đây:

Có một vầng trăng
Soi lòng biển cả
Có con cá chép
Chờ đón bóng trăng
Biên khơi buồn bã.

(trích Thơ Trần Tuấn Kiệt)

Bao giờ trong giới văn học cũng có những con cá chép chờ đón bóng trăng đó để gọi cho những tâm hồn lớn, yên tĩnh phải buồn như:

biên khơi buồn bã

Tôi cũng không vui buồn chút nào hết khi trả lời với Đình Hùng... vì trả lời với hèn cũng như đem đàn gảy... thế thôi.



Tôi viết trả lời đây là viết đôi dòng để cho độc giả có nghe Tao Đàn của Đình-Hùng vừa rồi phải hiểu rằng: đó là một bài có tánh cách xuyên tạc hoàn toàn từ đầu tới cuối về 2 tập thơ kia.



Đình Hùng dụng ý bảo thơ tôi ảnh hưởng thơ *Cung Trầm Tưởng*. Tôi không có ý gì về *Cung Trầm Tưởng* ở đây hết. Nhưng người đọc hãy chịu khó mang *Thơ Trần Tuấn Kiệt* và tập *Nai* ra xem lại thì tất nhiên sẽ nhận ra ngay. Nhất là như nhiều người phê bình bảo thơ tôi làm theo điệu thơ *Tanka HaiKai Nhật-Bôn*. Tôi không muốn bày giải dài dòng, trong khi sáng tác thơ, người làm thơ viết *hàng ngàn bài*, nhưng *bọn phê bình* có ý rút ra *nửa câu* để xuyên tạc thì còn nghĩa lý gì nữa?

Vậy bây giờ tôi nói về tiếng thơ đôi chút, quên cái chuyện của Đình Hùng qua một bên.

Sự thật thì tôi rất *mẫn biếng* khi phải viết những loạt như vậy vì nhiều lẽ...

Những nhà phê bình thi-ca ở đây tôi chưa tìm được người nào tỏ ra *hiếu thơ*. Xin đừng lý-luận rằng: *Mỗi người phê bình nhìn thấy một cách riêng*. Có nhiều lời phê bình thi ca:

— lối nhìn thiếu tế nhị nhất là lối nói về thi sĩ mà không bàn đến chất thơ.

— lối nhìn tầm thường là nhìn về kỹ thuật thi ca, với luật tắc, với tính chất thời đại.

— và những quan điểm phê bình, duy vật, duy thức, hiện tượng luận, vị nghệ thuật, vị nhân sinh... Khoan nói những lối nghệ thuật xưa như bàn về phép thơ; như phép: *non cao đối ngọn... hồ điệp song phi...* vân vân... để giải ra hồn thơ của thi nhân.

— còn có những lối phê bình vì cảm tình, vì bắt buộc, vì thiếu

bài in trong sách, vì ác cảm như Đình Hùng trên Đài phát thanh.

Xin nói thẳng. Thơ không ở trong những cách, thế và quan-điểm của những nhà phê bình. Muốn nhìn thơ phải cảm thông, muốn cảm thông, mà có ý cò kè.. rợn rợn, nghiêm khắc, rụt rè thì không còn có sự cảm thông với thi ca nữa. Sự cảm thông đó cũng không phải hơi hợt... như nhìn thơ như nhìn sự vật, *cây là cây, hồ là hồ, em là em... con là con, cái là cái...*

Thi ca có nhiều tính chất mà các nhà phê bình đã chia ra như hội họa: hiện thực, cổ điển, tượng trưng, siêu thực, lãng mạn, siêu hình v.v...

Những sáo ngữ của nhà phê bình, có thứ sáo ngữ cũ kỹ, có thứ sáo ngữ mới như: loại thơ thuần túy, thời đại tính, các nhà thơ hiện sinh, siêu thực, thơ hôm nay v.v...

Thơ... không phải là sự vật mà bàn tán một cách rất trịnh-trọng theo lối giảng dạy học sinh, ca tụng tầm phào, chê câu này



NEUROTONIC

Bổ óc
Tăng cường trí nhớ

hay, câu nọ khéo hoặc kỹ-thuật vững hay không vững, có thời đại tính hay không có thời đại tính...

Tôi chẳng biết ngày xưa giáo lý nhà Phật có thời đại tính hay không mà đến nay... những Phật tử say sưa nhiệt thành đến thế... Ôi Đức Phật... lòng Người Tịnh đến đâu, có thấy sự hân hoan của con người hôm nay quì dưới Chân Ngài hát khúc Ánh Đạo Vàng...

Lời Người có một viễn tượng sáng và soi nghìn đời, lời Thi-nhân-lớn có một viễn tượng như thế, buồn... buồn quá... buồn tự ngàn xưa thế nào :

*Ngàn xưa hoa trắng phiêu du
Nước sa buồn với mùa thu
cách nguồn*

Nguồn đó có bao giờ trở lại bờ bến Nguyên Sơ, lời u-uyên... (hoa trắng) đã trôi với thời gian... (nước sa) suốt cảnh lâm than đồ khổ (mùa thu) của nhân gian này, có ai lắng nghe khi lòng người chia cắt, khi phương trời tây còn nhiều mây xám khi mặt trời đông chưa hiện dáng hình, có ai nổi lại dùm tiếng nói như :

*Cầu vòng cánh hạc chân mây
Trời Đông phương với trời Tây
một trời*

nên ta đành về, hiện ở đây một lần rất cay đắng mà chịu kiếp :
*Ta về cánh nhỏ phố này
Đậu trên chòi tháp nhớ mây
cuối đèo*

hiện hình như :
*Em đi chân bước lạc đà
Suốt miền ải hạn giữa sa mạc
người
Phượng hoàng xuống đậu hai
vai
Ngậm hoa quỳ nhớ thiên thai
không về.*

Lời đó cũ hay mới, cổ điển hay có thời đại tính ! xin mời các ngài phân giải dùm cho...

Cho nên không muốn nói, nên rất nhiều tình lặng, quên nghệ thuật của loài người... quên ấn tượng, hiện sinh, siêu hình, quên cả chỉ còn có :

*Giữa mùa thu
Mục tử ngủ quên
Trong cánh đồng trắng*

Thưa, đó không là nghệ thuật, là **HaiKai, Tanka** gì hết... Đó là Thơ với ý nghĩa rất Trong rất Sáng rất tĩnh lặng... rất nhẹ như hơi thở của *Nàng công chúa ngủ quên trong thần thoại ngàn xưa.*

Ngủ say nhưng không yên, bốn bề la hét cuồng nhiệt, vũ điệu huy hoàng của thời đại đánh

thức mình dậy... đó cuộc đời hôm nay cũng cơ hồ như :

*Xưa kia ta đến bên thành
Cỏ cây cũng nhớ thương mình
ra hoa*

và đau xót hơn nữa
*Vàng trắng bến ngựa giang hà (1)
Bia thành vách mộ lòng ta chợt
buồn*

Ở đây xin tiện... chấm dứt luôn những ý nghĩ :

— Nghệ thuật vị nghệ thuật

— Nghệ thuật vị nhân sinh.

Nghệ thuật mà không đạt, không tới, thì lời ra thứ xảo thuật chứ không phải nghệ thuật. Vị nhân sinh mà ấu-trĩ không có một nghệ thuật đạt, tới thì cũng chẳng vị được ai... Thơ cũng không phải là *lẽ Đạo* như mọi người lầm tưởng. Thơ và Đạo khác nhau.

Tiếng nói của Thơ đạt được có âm vang như tiếng nàng nhân ngư trong bài thơ *Hồ Dzếnh* :

*Biển chiều vang tiếng chân ngư
Non xanh thao thiết trời thu
rươi sâu*

Nó có nguồn mộng lung linh,

khung cảnh, khí thơ, ngôn ngữ biểu trưng lên thành một *bản chất* tất cả đều hòa hợp đề ngân lên theo điệu lòng, trong cõi Tâm Thức của Thi nhân... trong đó có kiếp sống con người, trăng sao cát biển, có một giòng đời trôi lên không trung, có một giòng sông tiếp về trời :

*Chiều se mây nhánh giòng sông
về trời*

(Trần Đức Uyển)

Khi thi nhân sáng tác... trong tâm-thức là một vũ trụ lung-linh sáng và những tiếng dương cầm điểm từng giọt rất trong, hoặc cả một vòm tinh tú lảo đảo, cả một trần gian trong giòng bão nộ cuồng, nhưng bao giờ ý-thức nghệ thuật cá biệt đều chọn lọc trong vũ trụ đó, một hình-thức sáng tạo đặc biệt để khai phóng vùng tâm thức nọ thành tiếng thơ.

Tiếng Thơ xin cũng đừng lầm là thứ nhạc-tính, nghĩa là thơ

(1) Vàng trắng : vĩnh viễn ; bến ngựa : thực lại ; giang hà : thời gian.

Quing **NEUROTONIC** **BỔ ÓC**
Tăng cường trí nhớ

phải có nhạc tính, ngôn ngữ âm điệu đủ tính chất tượng trưng. Những người chơi cò nhạc đến độ tinh vi, tiếng nhạc không phải là thứ nhịp-phách, âm thanh cung bậc thường, mà trong âm thanh còn nhiều hơi nhạc nhẹ mà sâu xa, đàn rất thưa, nhưng mỗi tiếng đàn rất mệnh mông, mỗi tiếng đàn có nhiều thanh kết thành chuỗi... như người chơi nhị-hồ kéo hay, tiếng nhị-hồ nghe như có hột xâu vào nhau thành một chuỗi âm thanh rờn rợn, biểu hiện nét tài hoa phong-phú của ngón đàn và tâm hồn nghệ sĩ, đó là chưa nói đến tư tưởng, ý nghĩa của bản nhạc. Nhạc tính có trong thơ khi hòa hợp với tâm trạng con người trong thời buổi chiến tranh như Quang Dũng, Hoàng Cầm, Hữu Loan, T.P. (với một thể hệ mấy vần thơ); còn tới thứ nhạc tính của Bích Khê, của nhóm Xuân Thu Nhã Tập thì chỉ là một thứ xảo-ngôn, loạn xạ, một kỹ thuật về ngôn ngữ thi ca trẻ con, tiểu xảo mà thôi, không có gì bí hiểm, còn kém xa những nhà thơ Đường luật chơi chữ...

Giữa lúc mà thi-ca Việt nam hiện đại đang mang một ý-thức phản kháng mãnh liệt với định mệnh con người, với sự tự-nhiên

chết lạnh của hư vô, của sự vật. Cái tiềm thức thời-đại lửa-đạn, chiến tranh tù đầy, oan khổ, tủi nhục, lăn xả vào làm người, làm chứng nhân, hay là kẻ tự tạo lịch sử, giòng thơ sôi lên tóe lửa nóng, ửng hồng sắc máu và những phong trào siêu thực bùng bùng bao phủ con người nghệ thuật hôm nay, mạnh nhứt là Tâm Thức siêu nhân vượt lên trên mọi chủ nghĩa tự-tạo lấy con người hùng của thời đại, đánh mất thiên-nhiên, mất sự sống thấp hèn chung quanh, số phận trơ-vơ găm thét giữa cuồng phong chỉ một mình, tiếng thơ mang một sắc thái, một tư-tưởng sắt thép thâm-u ghê gớm, mang giòng ý thức xung đột vươn lên từ nội tâm đến vũ trụ, thoát khỏi cỏi tư-duy trầm lặng mệnh mông thăm-thẳm:

trời cao đã mất thăng bằng
đèo chênh vênh cỏ hai hàng
mọc thưa

ý thức về vũ trụ như thế, nên đành phải gọi về.

rừng ơi giữ vết sương mờ
nai đi gót điềm sâu xưa vọng về

Mang một tâm tư về giữa hư-vô bằng những :

bước kia đội núi sông buồn
chênh vênh bóng đèn đêm trường

lộ yêu
(Hiện)

đề dựng lập :
em đi trong bão
em lượm lúa đồng
khúc ca đồng nội
xa vút hư không

(Vợ chồng)

và thật tình mãnh liệt :
đốt tan khoảng tối ưu phiền
cành hoa lửa nở khắp miền nhân
gian
(Héraclite)

mặc dầu biết sẽ phải gánh chịu
tai ương khi nói nên lời đó :

từ em thốt tiếng không ngờ
ta đành chết lặng bên hồ gương
ma,
(Phát tiết)

tin tưởng tự nhiên phút cuối cùng :
sừng cong gom tụ hào quang
băng rừng thiên cổ đốt tan sa
mù

kết hợp lại tất cả trong niềm hoan
lạc ; và mong tình nhân gian giao
hòa ; yêu thương vô hạn :
nhớ nhau âm vọng muôn đời
núi sông trường mộng đề rồi
ta đi.

và rồi đề quên... quên thơ, quên

nhạc, quên tất cả niềm thương
ghét xót xa, yêu quý của người...
ra đi với :

lá bay theo gió về nguồn
hồn bay theo cỏ về nằm trong
sương

(Thơ Trần-tuấn-Kiệt)

vì thuở ta đi Trời xưa buồn lắm :
xưa kia ta bước lên đường
gió chiều bay áo ánh dương thâu
mờ

bây giờ :
về đầu sông ngóng trăng soi
lại theo sao Bắc đẩu ngôi xuống
ghềnh

đề lắng nghe, và dù cho tiếng hát
em chìm xuống

trong sương khói :
em hát trong rừng sao
tôi ngủ dưới cội đào
chợt mùa đông tuyết phủ
biết tìm em phương nào

dù cho lời bất tuyệt nhân gian đã
vắng, ta vẫn còn mơ mộng với :
ngàn n m sương phủ khói bay,
mất xưa mở rộng bên ngoài khói
sương

và ta sẽ lại gặp em... hỡi bạn

Dũng

NEUROTONIC

BỔ ÓC

Tăng cường trí nhớ

979 817 40-11-43

tình, hơi nằng thơ, hơi tiếng hát của em :

*Hát mừng xao xuyến rừng sâu
Bóng em lộng với trăng thâu
một trời*

Thà rằng, hát với em, vui với trăng thâu một trời, quên thứ tình nhân gian hôm nay, quên văn nghệ, loại văn nghệ thời đại, loại người thời đại kết phè phái ca tụng nhau, công kênh nhau, tạo thành một lũ... hò hét y-ông, đánh lạc hết nguồn thơ nhạc mà tưởng tạo nên nguồn nhạc thơ mới, tàn phá hết tâm linh, đập gãy đồ tất cả nhịp cầu, què quặc hết mọi bản năng, con người trắng trợn bẻ phái đó sẽ dìu nhau lên đài văn nghệ mà hò hét, một cách rất thông minh, rất trịnh trọng, rất xứng đáng là những nhà văn, nhà thơ, phê bình lãnh đạo của văn nghệ hậu chiến, phong trào văn nghệ mới, tự do, siêu thực... Trong khi điều phải thật sự đã bị đánh mất, con người hôm nay môi miệng đẹp, thân thể là con đười ươi mà không có trái tim đó quay cuồng trên đài văn nghệ giống như bầy khỉ hái măng.

Vì thế nên những thiên-tài đành chịu chết ngộp, những gia

trị đích thực bị xô-bổ điên loạn của lũ phê bình, làm người đọc ngộ nhận luôn.

Những tiếng nói u uẩn nhất đành im hơi lặng tiếng, bởi vì nói mà không kẻ hiểu, không người nghe, không đón nhận chút âm-vang giữa uyên não trần gian này.

Bàn về văn nghệ, bàn về thi ca như đưa ra những kẻ phê bình hôm nay, chẳng khác nào bầy chó sói... chực người đi khai rừng để đớp, còn chi là văn-nghệ, còn gì là tinh hoa, còn đâu là bè bạn, toàn là phường cả lũ... cái đẹp nào ? hiện ở đâu ? đi bán văn đề phụng sự cho vợ cho con là hơn cả !!!

Còn về trường hợp Đình Hùng chúng tôi có những ý nghĩ sau đây :

— Đài phát thanh còn dành mục Tao Đàn cho Đình Hùng ngày nào, thì Đài đã gián tiếp chịu trách nhiệm để cho một kẻ phá hoại văn học đó tự do tàn phá thi ca nghệ thuật ở miền Nam này, cũng như chín mươi năm nay Đình Hùng đã cố ý dìm và ngăn bước đi dũng mãnh của những người làm thơ vậy.



NĂM 1964, toàn thế giới hướng mắt về nước Anh để tưởng niệm nhà đại thi hào kịch trường William Shakespeare ra đời cách đây đúng 400 năm ở Stratford (ngày 23-4-1564). Nếu giới văn học đang nhắc nhở nhiều đến nhà thi sĩ tài hoa ấy, nền khoa học không thể quên nhà bác học Galileo Galilei, sinh tại Pisa bên nước Ý cũng cách đây đúng 400 năm (ngày 15-2-1564), đã từng xáo lộn những tổ chức tâm linh, những khái niệm căn bản của một nền văn minh quá thời.

Lịch sử đã khéo chọn khoảng thời gian để đặt cuộc đời của Galilei : năm ông sinh là năm Michel-Ange (1) từ già chốn trần gian, đánh dấu chấm cho cuộc Văn-nghệ Phục-hưng nước Ý ; còn năm ông nhắm mắt (ông mất ngày 8-1-1642) là năm Newton (2)

(1) Michel-Ange tức Michelangelo Bononarroti (1475-1564) là một thi sĩ người Ý kiêm họa sĩ, điêu khắc và kiến trúc sư. Ông là một bậc vĩ nhân tài cao trí rộng cả một thời.

(2) Newton (sir Issac) (1642-1727) là một nhà vật lý, toán học và thiên văn học người Anh. Ngoài các công tác khoa học, đặc biệt về lý thuyết hấp dẫn của vạn vật, ông còn là tác giả hai tác phẩm khảo cứu lịch sử và thần học.

★ **Kỷ niệm độ - tứ
bách chu - niên
nhà đại bác-học**

**Galileo
GALILEI**

(1564 — 1964)

★ **Võ-quang-Yến
(Paris)**

mở mắt chào đời, để rồi lớn lên mở rộng kỷ nguyên khoa học đúng theo đường lối của Galilei.

Quan niệm về vũ trụ trước Galilei.

Cuộc Văn-nghệ Phục hưng nước Ý bắt đầu từ thế kỷ thứ 15, luôn hai thế kỷ đã lan tràn, phát triển trong các triều vương chúa, đặc biệt trong các trung tâm đại học. Nhưng các nhà thông thái thời ấy chưa thoát ly ra khỏi nền văn hóa cổ truyền của thời đại trung cổ. Học thức triết lý, thần học chỉ là những tư tưởng thuần lý; những nhận thức trừu tượng còn luôn dựa vào những học thuyết của Aristote (3) đã chi phối Âu-châu từ mấy ngàn năm nay. Thành thử nền khoa học không có chút gì thiết thực: khoa học không có một liên quan gì với thực tế, với trí thức thủ công mà công việc hằng ngày và sinh hoạt các công nghệ đã ngày càng làm thêm phong phú. Dần dần khoa học tự mâu thuẫn với thực tế cụ thể. Triết lý Aristote được Giáo hội Thiên chúa trợ lực vẫn luôn bắt đi bất dịch. Vào thế kỷ thứ 5 sau d.l, hệ thống thiên văn Ptolémée (4) cho quả đất làm trung tâm vũ trụ được thừa nhận nhưng quan niệm về vật lý và về vũ trụ không chịu

thay đổi chút nào. Lẽ tất nhiên những ý kiến về chuyển động quả đất và tính cố định của mặt trời giữa vũ trụ của môn phái Pythagore (5) không còn được mấy ai đề ý đến.

Vũ trụ luận của Aristote chia vũ trụ ra làm hai địa phận hoàn toàn riêng biệt: thiên văn và địa lý. Địa phận thiên văn thuộc về thiên tính, nghĩa là tận thiện tận mỹ, các thiên thể bất diệt luôn chạy vòng quanh theo một cử động hoàn mỹ, vĩnh cửu. Trái tại

(3) Aristote tức Aristotelès (384-322 tr. d.l.) là một triết gia Hy-lạp. Đệ tử của Platon, thầy dạy Alexandre-Le-Grand, ông là một trong những người có trí tuệ rộng lớn nhất thế giới.

(4) Ptolémée (Claude) (khoảng 90-168) là một nhà địa lý, toán học và thiên văn học người Hy-lạp. Ngoài nhiều sách về toán học và địa dư, ông có đề lại tập Amalgeste trong ấy ông trình bày một hệ thống vũ trụ (hệ thống Ptolémée) cho quả đất làm trung tâm vũ trụ.

(5) Pythagore tức Puthagoras (thế kỷ thứ 6 tr. d.l.) là một triết gia người Hy-lạp. Sáng lập ra một môn phái rất có ảnh hưởng ở Hy-lạp và Nam Ý, ông không có đề lại một tác phẩm nào. Truyền thuyết bảo ông là tác giả bản toán nhân và định lý đường huyền

tất cả những gì thuộc về quả đất, nghĩa là địa lý, thì không bền bỉ và hay thay đổi. Vạn vật ở mặt đất sinh, diệt và luôn luôn biến cải.

Năm 1581, lúc Galilei ghi tên vào đại học, người ta còn dạy quả đất là trung tâm của vũ trụ xung quanh quả đất, mặt trời, các tinh tú, mặt trăng cùng tất cả vũ trụ chạy trên những quỹ đạo hình tròn. Galilei muốn học y khoa và ghi tên ở « Phân khoa các nghệ sĩ » ở Pisa. Ông không học đến cùng và bốn năm sau thì rời bỏ hẳn đại học. Nhưng cũng vào thời ấy, cuộc khám phá lớn nhất của ông về vật lý học ra đời.

Chiếc đồng hồ có quả lắc đầu tiên

Một hôm trong nhà thờ Pisa, nhân ngồi ngắm một cái đèn treo, ông nhận thấy thời gian dao động không thay đổi mặc dầu



Galileo GALILEI

cường độ nhỏ dần. Từ đấy ông cho ra định luật đẳng thời quả lắc. Ứng dụng định luật này đưa thẳng ngay đến chiếc đồng hồ có quả lắc là dụng cụ đo thời gian đầu tiên vừa không thay đổi vừa rất chính xác.

Cuộc khám phá này vô cùng quan trọng vì đúng nhằm lúc những cuộc khảo sát thiên văn cũng như những thí nghiệm cơ học đòi hỏi những dụng cụ đo thời gian thật chính xác. Nhận thấy muốn đi xa hơn trong công

cuộc nghiên cứu thì cần phải học rộng thêm về toán học nên ông không ngần ngại nghiên ngẫm những sách vở của nhà bác học Archimède (6). Đặc biệt ông rất chú trọng về hai môn hình học và cơ học.

Học thức của ông ngày càng sâu rộng nên Viện đại học Pisa hiến ông ghế giáo sư toán pháp. Ông ngồi dạy ở đây ba năm. Chính trong thời gian này cuộc học hỏi về sự rơi của các vật thể bắt đầu thành hình. Các thí nghiệm ông thực hiện ngay trong chiếc Tháp Nghiêng ở thành Pisa. Kết quả thu được, ông viết thành thiên luận và đối thoại "về chuyển động" (De Motu). Nhưng sau đây ông đòi qua chuyên về cơ học với những công tác đặc sắc hơn. Ông chế ra cái cân thủy tĩnh học Bilancetta dùng để đo trọng lượng riêng của vật thể.

Tiếng tăm của Galilei bắt đầu bay tỏa khắp nơi. Riêng phần ông không ngần ngại mỗi khi có dịp trình bày công tác mình, giao dịch với các nhà bác học nổi tiếng và có uy tín thời ấy. Kết quả là Nguyên lão viện Cộng hòa Venezia mời ông về dạy ở Viện Đại học Padova. Đây thật là chỗ sở trường của ông. Sau này, khi đã già và trở thành mù, ông rất luyện tiếc thời kỳ ở

Padova. Trong một bức thư gửi cho một người bạn, ông gọi là "18 năm thành công nhất trong đời ông" (1592-1610).

Chứng minh thuyết vũ trụ của Copernic

Padova là một thành phố nằm cạnh Venezia, nhưng vẫn giữ nguyên vẹn những cổ phong đại học lâu đời. Có thể nói Padova là kinh đô trí thức của nước Cộng hòa. Nguyên lão viện rất hết sức săn sóc Viện đại học và sắp đặt làm sao cho các khảo cứu viên được hoàn toàn tự do về mặt tư tưởng. Galilei nhờ tánh tình bộc lộ, trí lực mau lẹ, không chút thành kiến, lại thêm ăn nói hoạt bát, luôn luôn sáng suốt nên rất mau có bạn bè thân thích. Ông vừa thích đi hội họp ở các câu lạc bộ, vừa thích đi dạo ở các xưởng máy xem xét công việc của thợ thuyền để suy nghĩ về mặt khoa học.

Theo phong tục thời ấy, ông nuôi nhiều sinh viên tại nhà. Ông cũng có một cái xưởng nhỏ đóng các

(6) Archimède tức Arkhimédès (287-212 tr. d l.) là một nhà bác học người Hy-lạp. Ông là người đã thành lập lý thuyết đòn bẩy và tác giả một thiên luận về các vật nổi (nguyên lý Archimède).

dụng cụ về thiên văn, hàng hải mà đặc biệt nhất là chiếc "la bàn hình học và quân sự". Đây là một cái thước tính có thể giải quyết được nhiều phép tính số học hay hình học và cả đến những vấn đề chiến thuật phòng thủ. Người ta còn bảo cũng ở xưởng này mà năm 1609 ông đã chế ra được chiếc kính thiên văn sau này xáo trộn cả nền thiên văn học, vũ trụ học và khoa học cận đại.

Thật vậy, đem chia chiếc kính lên trời, ông Galilei đã thấy nhiều điều trái hẳn với môn thiên văn cổ truyền. Những kết quả đầu tiên khuyến khích ông đem hết tâm lực dồn vào cuộc khảo sát và trong khoảng một năm ông đã khám phá được hầu hết những hiện tượng mà chiếc kính cho phép. Qua chiếc kính đầu tiên, ông đã mục kích một bầu trời mới lạ, chưa ai từng thấy. Đặc biệt ông không còn thấy tính chất bất động của các thiên thể mà từ hằng ngàn năm nay các nhà thiên văn, triết lý truyền từ đời này qua đời khác. Theo thực nghiệm ông chứng minh thuyết mà Copernic (7) đã đưa ra cho quả đất và các hành tinh khác chạy quanh mặt trời.

Lẽ tất nhiên, ai mà không hoài

ngghi lúc ban đầu : mắt mình thấy sai chăng ? kính mình có phần nào không đúng ? Nhưng sau mỗi một đêm, kết quả lại dồn dập, đánh tan thuyết vũ trụ của Aristote và hệ thống Ptolémée.

Từ Cung Trăng qua sao Thổ, sao Mộc

Trước tiên Galilei rất lấy làm lạ về số đông các sao đã thấy được. Dần dần ông nhận thấy giả i Ngân-hà không phải gồm có nhiều đám bụi, lớp mây như người ta thường tưởng mà là do vô số ngôi sao lấp lánh cạnh nhau mà làm thành.

Hướng kính lên cung Trăng, ông thấy cung Trăng không tròn tru, nhẵn nhụi mà là địa thế gồ ghề, núi non hiểm trở. Vậy thì cung Trăng không có gì hoàn hảo và bất biến hơn quả đất. Khám phá này buộc người ta duyệt lại hệ thống vũ trụ cổ truyền, đặc biệt làm lung lay các môn siêu hình, thần-học.

(7) Copernic (Nicolas) tức Nikolaj Kopernik hay Copernicus (1473-1543) là một nhà thiên văn học người Ba-lan. Ông là người đầu tiên phủ nhận hệ thống Ptolémée và đặt ra hệ thống Copernic cho những hành tinh chạy quanh mặt trời.

Hôm 7-1-1610, Galilei tìm ra được ba vệ tinh chạy quanh sao Mộc; bảy ngày sau ông tìm được vệ tinh thứ tư. Suy ra, quả đất không phải trung tâm vũ trụ như người ta thường bảo. Ông quyết đem những khám phá đưa ra trước các nhà bác học. Tháng 3-1610, cuốn sách Thông điệp vũ trụ (Le Nuncius Sidereus) được xuất bản ở Venizia, gây ra vừa hân hoan, vừa hoài nghi và những cuộc cãi vã xảy ra không ngớt.

Ông Galilei liền từ chức giáo sư ở Viện đại học Padova và đi Roma đến năm 1611. Ở đây ông được nhiệt liệt hoan nghênh. Hàn lâm viện Lincei mời ông làm hội viên. Ông rất hân hạnh và từ nay ký tên Galilei Lincei trong tất cả các công tác khảo cứu của mình.

Ở Roma cũng như sau này khi trở về lại Firenze, ông vẫn tiếp tục chia kính lên trời, xác định thời gian quay chuyển của các vệ tinh chạy quanh sao Mộc. Trong lúc ấy chiếc kính được phổ biến khắp châu Âu và chẳng mấy lúc các cuộc khám phá tiếp tục nhau thay hình đổi dạng môn thiên văn học.

Tháng 7 năm ấy, ông bắt qua khảo cứu sao Thổ, nhưng kính không đủ mạnh, ông chỉ thấy

được sao gồm một phần chính có hai mảnh nhỏ chạy quanh. Đến năm 1655, Huygens (8) nhờ có kính mạnh hơn mới thấy được cái đai bao quanh sao Thổ. Cũng vào thời kỳ ấy Galilei khám phá ra được những vết mặt trời, chứng minh mặt trời cũng thay đổi chứ không phải bất di bất dịch như trong thuyết Aristote.

Hai cuốn sách «đối thoại» và «giảng luận»

Vào tháng 12-1610, ông tìm ra được những biến tượng của sao Kim, chứng minh chính mặt trời là trung tâm của thái dương hệ. Các kết quả của cuộc khảo cứu lần lượt ông cho trình bày trong mọi giới khoa học và sau cùng năm 1632 cho ra tập Đối thoại (Dialogo) tụ tập vừa những nhận xét thiên văn vừa những tư tưởng về môn cơ học.

Phản ứng của những phái đối lập rất mạnh. Người ta không

(8) Huygens (Christiaan) (1629-1695) là một nhà vật lý, toán học và thiên văn học người Hòa-lan. Ngoài nhiều công tác về môn xác suất, ông còn chế ra được một thị kính dùng trong ngành thiên văn, tác giả nhiều định luật về quang học và cơ học như lý thuyết quả lắc kép.

chịu thừa nhận và tìm hiểu những hiện tượng mà ông chứng minh vừa bằng thực nghiệm, vừa bằng suy luận. Trước đây, năm 1616, Giáo hội đã có lần nghiêm khắc cảnh cáo và buộc ông thề bỏ những lý thuyết mà Giáo hội cho là hoàn toàn sai lạc. Bề ngoài ông chịu theo. Nhưng đến khi Maffeo Barberini là một người quen cũ lên làm Giáo-hoàng, ông nghĩ đã đến lúc nói ra được những luận án khoa học của mình. Kết quả là tập Đối thoại đưa ông ra trước tòa án của Tòa thánh, bảo ông đã phản bội những giao kết năm 1616.

Vụ án kéo dài từ tháng 2 đến hè năm 1633. Lúc đầu ông bị bỏ ngục và bắt phải thề bỏ. Sau đấy tội phạt được hoán giảm: lần lượt ông bị giám sát tại Roma, qua Siena và sau cùng Firenze. Mặc dầu hình phạt quá gắt gao và làm tổn hại biết bao cho nền khoa học, ông vẫn không chịu nhượng bộ và tiếp tục cuốn sách quan trọng nhất: Giảng luận và chứng minh về hai nền khoa học mới. Sách được xuất bản năm 1638 tại Leyde.

Đối thoại và Giảng luận là hai tác phẩm quan trọng nhất của Galilei. Cuốn thứ nhất chứng minh rõ ràng thuyết Copernic; bác cái gì được vì những nhận

cuốn thứ hai là công trình khảo cứu sâu xa về các phương pháp và kết quả trong cuốn thứ nhất. 50 năm nghiên cứu khoa học đã được xếp đặt phân minh. Môn động lực học cận đại sau này lấy hai cuốn ấy làm căn bản.

Galilei, nhà Khoa-học kiêm Triết-gia

Để đánh đờ những thuyết Aristote và Ptolémée, Galilei đã biết cách suy ra những kết luận đứng đắn từ những hiện tượng mà giác quan đã nhận được. Ông biết cho thoát ra thực thể của một hiện tượng mà thể diện thô thiển rất dễ lừa gạt. Ông đã đạt được những phương pháp khảo cứu khoa học hoàn toàn tối tân.

Ông đã có công đặt ra vấn đề «chân lý» và «hiệu lực» của khoa học trong thế giới với một ý thức và cảm giác hoàn toàn mới mẻ. Ông đã xác định nguyên lý quán tính và khảo cứu cấu tạo những chuyển động. Theo nguyên lý tương đối của ông, người ta không thể làm thí nghiệm ở trong một hệ thống và cho hệ thống ấy là xoay chuyển hay đứng yên. Như vậy những ai không chịu tin là quả đất xoay chuyển không còn

xét chỉ thực hiện được trên mặt đất mà thôi.

Theo ông, trong vũ trụ không có một chuyển động tuyệt đối nào. Các chuyển động đều tương đối so với một điểm giả thử là cố định. Ngày nay, các nhà thiên văn học đo các thiên thể so với ba trục giữa các ngôi sao gọi là những trục Galilei.

Về sự rơi của các vật thể, Galilei phủ nhận thuyết Aristote cho tốc độ các vật thể rơi trong không trung là tỷ lệ với trọng lượng. Ông chứng minh bằng thực nghiệm trong không trung các vật thể rơi cùng tốc độ.

Ông còn xác định nguyên lý căn bản của môn động lực học. Dùng một mặt phẳng nghiêng và một quả lắc để đo lường, ông chứng minh một vật thể rơi theo mặt phẳng ấy ngày càng gia tốc và nếu không có một trở ngại nào, đặc biệt nếu không có sức cản của khí trời, vật thể ấy có thể súc tích năng lượng và lên lại được mức khởi hành.

Dựa trên nguyên lý về quán tính, định luật về sự rơi của các

vật thể và công thức cấu tạo các chuyển động, Galilei phân tích được chuyển động của một viên đạn. Sau này, Newton áp dụng vào các thiên thể những kết quả về viên đạn mà Galilei đã đạt được.

Đồng thời là một nhà khoa học có tài, Galilei cũng đã là một triết gia vô cùng can đảm. Ông René Maheu, giám đốc cơ quan Unesco đã ca tụng Galilei như sau :

« Nếu Galilei chỉ là một nhà toán học và một nhà thực nghiệm, ngày nay chúng ta chỉ hoan hô thiên tài khoa học của ông. Nhưng ông cũng là một triết gia thấy có nhiệm vụ thông đạt những khám phá và tư tưởng của mình cho toàn thế giới. Hoàn toàn có ý thức về những phản kháng mà cử chỉ của ông sẽ gây ra nhiều khó khăn và nguy hiểm cả cho thân ông, ông đã bền chí cho đến cuộc thử thách cuối cùng, bề ngoài đấy là một cuộc thất bại cho ông, nhưng thật ra, đấy là bình minh cuộc thắng lợi của những tư tưởng mới. »





NEUROTONIC

Tăng cường trí não
079 877 0014-03



ĐỀ TRẢ LỜI NGUYỄN THỊ THỰC VỀ BÀI ĐÍNH CHÍNH

MỐI TÌNH CHIÊM - VIỆT

★ Văn-Hồng-Tĩnh
(Phan-lý Châm — Phan-Rì)

L.T.S. Chúng tôi nhận được bài «Mối tình Chiêm Việt», do tác giả Văn-thị Hồng-Thục gửi đến, vô tình, chúng tôi cho đăng lên không ngờ sau đó lại nhận được một bài khác cải chính của cô Nguyễn-thị-Thục. Lần này lại thêm một bài đính chính của ông Văn Hồng Tĩnh. Chúng tôi đành cho đăng và kỳ này thì nhất định xin chấm dứt.

DẪU gần một năm xa cách, cùng với dần những cánh thư trao đổi giữa tôi và Nguyễn-thị-Thục. Tôi xem như những sợi giây liên-lạc vô-hình còn

nổi trọn trí nhớ của tôi đối với những hình ảnh cũ, dù hình ảnh đó đã úa tàn theo thời-gian và không-gian. Tuy-nhiên trong lời nói và hành-động hàng ngày tôi đều cố dìm

đi kỷ-niệm thi-vị cũ, đề ngửa tay xin lại thời-gian ban cho cá-nhân và gia-đình tôi những danh-dự đã mất đi trong hơn 5 năm qua quen nòng.

Đặt chiếc ba-lô xuống divan, Đ' Minh bảo người con trai lớn :

— Con mang thứ này cho Bác đi nào.

Cầm món quà đầu tiên do người em gái trao gồm có : Phở Thông số 123, 124, 125 và bài đi tìm sự thật của mỗi tình Chiêm-Việt do Đ' Minh viết. Thật ra tôi không có một phản ứng gì cả khi đọc qua các bài của tác giả Văn-thị Hồng-Thục, Nguyễn-thị-Thục hay của Đ' Minh vì :

— Tô đậm thêm nét với thời-gian mỗi tình Chiêm-Việt đã sắp tắt trong tôi cùng hình-ảnh cũ. Những kỷ-niệm của một Chiêm-nhân đồng nội đang hiền hòa sống cùng ruộng lúa nương khoai của một gia-đình Chàm lễ giáo này.

— Nếu đi tìm sự thật rõ ràng 100% và tranh-luận triền miên thì phần thiệt-thòi về phần con gái. Mà người con gái này đang chối bỏ dĩ-vãng để đang đi tìm hương hoa mới cho cuộc đời.

Nhưng vì danh-dự cá-nhân, tôi thiết nghĩ phải lên tiếng ít nhiều với tác giả trên, đề đọc giả có thể phán xét ý-nghĩ trung-thực của một Thanh-Niên Chàm qua những dĩ-vãng thi vị cũ của mình :

1.— Tác-giả Văn-thị Hồng-Thục viết đúng tài-tình nổi lòng của chúng tôi cách đây mấy năm về trước. Làm cho người trong cuộc phải nghĩ đến cho nhau là tác giả bài Mỗi tình Chiêm-Việt. Mỗi tình này trước khi còn vương-vấn, tôi cho cao-thượng và ít có nhất trong hoàn-cảnh xã-hội hiện tại, thì một số người trong đạo-giáo thuần-túy Bà-Ni tôi cho là hoen ố và bất-chánh nhất. Tôi đã từ giả với sự thông-cảm của hai người, với lòng kính-phục cá-nhân cho nhau.

2.— Người con gái năm xưa khi mộng không thành lại đang đi tìm một chân đời hạnh-phúc khác cho cuộc đời, đầu cho hạnh-phúc này là một ánh hoàng-hôn sắp tắt tận cuối đời xa-xa, thì việc nguy-biến trên những trang Phở-Thông số 125 là chuyện thường tình. Nhưng Thục lại nói :

— Vì thương hại mà ban bố cho một Thanh-Niên Chàm chất phát như tôi một tình-cảm. Sao không thẳng thắn nhận là tình yêu với lời thề non hẹn biển năm nào, xuất phát từ đáy lòng người con gái vào tuổi dậy thì. Mà rồi chịu là bị vấp ngã tình-cảm. Đã là vấp ngã tình-cảm thì làm gì có thể gói vào quan tài gửi nơi nghĩa-địa hoang-vu rồi. Thiết nghĩ một oan hồn hay một oan tình gửi nơi địa-trang xa xôi, nơi rừng sâu thăm thẳm còn hiện về báo ân báo oán ; huống chi một khối tình in sâu vào quả tim của một trinh-nữ còn sống, có thể phai mờ được với thời-gian, hơn nữa đây lại là một mối tình đầu cao thượng với những trở ngại ly-kỳ về giáo-lý.

— Vấp ngã tình cảm trước một người con trai chưa quen biết, có phải mình đã khuất-phục trước tinh-thần và tư-tưởng của người đó không ? Mà người đó lại là một Thanh-Niên Chàm chất phác, đen đúa, nói và viết không thông-thạo Việt-ngữ thuần-túy của Thục.

— Hướng thượng về đâu đây ?

— Tình yêu đã mất với kỷ-niệm cũ.

— Tình yêu mới nhận như ánh bình-minh của mùa Đông miền Cao-nguyên đất đỏ.

— Nhiệm-vụ từ-thiện hiện tại.

— Hay với giáo-lý tốt đẹp mình đang tôn thờ ?

— Rồi Thục lại dám nêu rõ tên tôi cùng tên họ Thục để kết-tạo thành một phương-trình mà tôi không bao giờ muốn: Văn-hồng-Tĩnh + Nguyễn-thị-Thục = Văn-thị Hồng-Thục.

Trường hợp tác giả ấy là tôi, thì phá-hoại hạnh phúc nàng đề làm gì đây ? Khi xa nhau trong sự thông-cảm sâu xa của hai người, có chứng minh trên những cánh thư trao đổi. Cộng với trong hoàn cảnh hiện tại bên cạnh tôi : một Chiêm-nữ hôn thê đang chờ đợi. Đầu ngày tháng có phôi pha, cục diện có thay đổi, thề xác có rã rời, thì tình yêu của người Chiêm-nữ vẫn không phai nét với thời-gian như tình yêu tiêu-thuyết của người con gái cũ.

Cầu cho đấng Allah tha-thứ lỗi-lầm của con vào tuổi trẻ và ban cho mọi người trong cuộc quên đi câu chuyện hi-hữu này.



THỜI ĐẠI

Các bạn thân mến,
Thanh niên Việt, chỉ thế này
thôi ư?

* TRẦN-MINH-TÂM
(Sinh viên — Huế)

Đó là niềm thắc mắc đã từ lâu làm cho tôi suy nghĩ nhiều và hôm nay nỗi thắc mắc đó vẫn tồn tại trong tôi. Chẳng lẽ cả một tầng lớp thanh niên đều mất cả lý tưởng, cả niềm tin và sức sống mãnh liệt của dân tộc và ngay cả chính mình sao?

Qua những dòng tâm sự của các bạn — những con người chưa quá 30 — trên các nhật báo cũng như trên tạp chí Phê Thông này, các bạn đã chân thành bày tỏ những gì? Phải chăng chỉ là những tiếng nấc của con tim, những dòng nước mắt sụt sùi khóc cho những mối tình đổ vỡ, những phản bội không ngờ, những lễ giáo khắc khe. Và phải chăng thế hệ thanh niên chúng ta đang đi vào đêm tối mịt mù, cắt lên những tiếng than bi quan cho cuộc sống cá nhân, cho những đòi hỏi

không được đáp ứng. Nói chung qua những mục «gỡ rối tơ lòng» trên các báo, qua «tiếng nói gái trai thế hệ» trên Phê Thông; riêng tôi, tôi ghi nhận một sự kiện không mấy tốt đẹp này:— Thế hệ thanh niên hiện tại gồm hầu hết những con người Thất Vọng: thất vọng vì Tình, thất vọng vì Cuộc Sống.

Có lẽ sau thế chiến và trong hiện tình đất nước, các bạn đã mất đi sự tin tưởng vào những nguyên tắc đạo đức, những quốc hồn quốc túy, các bạn không tin tưởng vào cuộc sống ngày mai nên tất cả nhựa sống của các bạn đều dồn ép và tiêu phí cho ngày hôm nay. Các bạn sống cuồng nhiệt, tìm lãng quên qua những mối tình tạm bợ, những mối tình xác thịt biểu hiệu bằng những chiếc hôn nồng cháy trên

chiếc ghế ở vệ đường, trong quán nước, trong rạp hát hay những nơi vắng vẻ. Dắt cứ ở đâu các bạn đều muốn thực hiện cuộc sống «hiện sinh» của các bạn. Những cô gái trinh nguyên, những chàng trai khờ khạo là những miếng mồi ngon cho các bạn, đề rồi những con người nạn nhân đó của các bạn phải khóc mây than gió, mượn liều thuốc ngủ quên sinh hoặc cũng như các bạn họ sẽ dẫn thân vào cuộc sống sa đọa và trụy lạc.

Trán của bạn chưa xếp làn nhăn, tóc của các bạn chưa trắng, thế mà tay của các bạn đã vàng khè khói thuốc, đã gây ra nhiều vết như tội lỗi. Các bạn là thanh niên nam nữ, những học sinh, sinh viên; các bạn đã phác họa nên một lý tưởng cho cuộc sống chưa? Hay là các bạn vẫn là những người nhắm mắt theo cuộc sống. Hay là các bạn vẫn còn là nguyên nhân gây đau khổ cho các cô con gái «tóc thề còn xoắn ngang vai». Hay là các bạn vẫn còn khơi nguồn đau khổ cho những chàng trai tuổi chưa quá đôi mươi.

Nhìn những mối tình thay đổi trong chớp lát, những hành vi

lố bịch của thanh-niên, những bậc lão thành đáng kính không khỏi buồn tiếng thở dài:— Thanh niên Việt, tệ đến thế này ư?

Các bạn thân mến,

Các bạn nghĩ sao về thanh niên thời đại và về hiện tình đất nước. Không lẽ «tiếng nói gái và trai thế hệ» chỉ dành cho những tiếng nói của các mối tình dang dở của định mệnh đau buồn của cuộc sống bi quan hay của những cuộc thảo luận «không mục đích» hay sao? Các bạn, những người con thân yêu của đất nước, tiếng nói của các bạn phải gây nên niềm phấn khởi chung, tiếng nói của các bạn phản ánh trung thành mọi lý tưởng cao đẹp để gây cho mọi người niềm tin tưởng. Chúng ta nghĩ sao nếu vài chục năm sau, xem lại «tiếng nói của hôm nay» người ta sẽ bảo:— Thanh niên thế hệ trước yếu đuối thế này sao?— chắc chắn các bạn đều không muốn thế.

Thôi, các bạn hãy ném về quá khứ những mối tình tan vỡ, những bi quan yếm thế, hãy nhìn vào hiện tại với ý thức trách nhiệm và hãy hướng về tương lai với lòng tin tưởng vô biên.

TIẾNG NÓI GÁI TRAI

Thôi, các bạn hãy cho phép các báo chấm dứt mục « rõ rồi tơ lòng », cho « tiếng nói gái và trai thể hệ » của Phở Thông xuất hiện những tiếng nói tin tưởng xứng đáng với truyền thống bất khuất của dân-tộc.

Với sự góp sức của các bạn, của chúng ta, đất nước sẽ chóng thanh bình, những nụ cười sẽ mãi nở trên những đôi môi yêu đời. Các bạn hãy già từ cuộc sống thác loạn, những ý tưởng ngông cuồng. Các bạn hãy trở về với thực tại và hãy cùng

nhau chịu trách nhiệm.

Mong rằng mọi người — nhất là thế hệ chúng ta : những thanh niên nam nữ — sống trong niềm tin yêu và thông cảm.

Mong rằng chẳng bao giờ chúng ta còn lý do để nghi ngờ về cuộc sống, về chúng ta.

— Chẳng lẽ, thanh niên mãi thế này ư ?

Hy vọng nỗi thắc mắc này không còn nữa.



MỸ-DUNG-LÔ
Hồng - Nguyễn

*Làm cho da mặt mịn màng
Tiêu tan các vết nám đen
Các thui mụn trên mặt,
và rôm sảy cho trẻ em*
Nhà thuốc **HỒNG-NGUYỄN**
246, đại-lộ: Nguyễn-Hoàng
chợ-lớn

K.N. số 600—18-12-63

Ở BÀN KHẮP NƠI

khúc buồn

★ **DIỆU-HÀ T.K.T.** (Vĩnh-Bình)

Có vì sao buồn nửa đêm
Có mình ngồi đây ; cô độc
Có tiếng buồn vào trong tim
Có cuộc đời sao muốn khóc

Ừ ! một mình ôm kỷ niệm
Ừ ! (tiếng buồn vang trong mây)
Rồi có buổi chiều mây tím
Rồi hai đứa mình chia tay

Bây giờ trời vô mùa hạ
Bây giờ Trà-vinh trời mưa
Tiếng ve oán hờn ra rả
Tiếng mưa nức nở buồn chưa ?

Mình xa nhau lâu chưa P. ?
Mình buồn mấy đêm trở gió
Một con chim lạc đường về
Một dĩ vãng kia còn đó

Đêm nay bỗng dưng sao rủ
Đêm nay đất Vĩnh lạnh lùng
Tình xưa hiện về phố cũ
Tình xưa ơi có buồn không ?

Kiếp sau đừng làm con gái
Kiếp sau đừng khóc tình yêu
Đừng buồn cuộc đời ngang trái
Đừng thương, đừng nhớ ai nhiều.



hòn kềm

đá dừng

★ **NGUYỄN-VẠN-HỒNG**

Con sông Thu-Bồn chảy đầy
trang lịch sử
Rừng núi Quảng-Nam đậm nét
kiêu hùng

Mười năm trời kháng chiến
Mười năm rồi hòa bình
Những bàn tay gân đóng góp
Nụ cười tròn, em gái xinh xinh
Bây giờ em ở đâu ?
Bây giờ em ra sao ?

Mẹ mình già tóc bạc !
Ba đi mãi không về !
Rồi chiến tranh ! chiến tranh !

Quê hương ngủ một giấc dài
Ru thơ lục bát trong bài ca dao
Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Ngó về quê mẹ ruột đau chín
chịu



SÁU giờ sáng Chủ nhật, ông Tú tập Aikido ở sân sau. Bà Tú đứng trước cửa đón bà Bảy Xôi. Vò đề mua món điểm tâm cho ông Tú. Một đoàn Boys-Scouts khá đông chạy xe máy ngang qua, thẳng về hướng Chợ-Lớn. Bà mê-mải nhìn theo.

Bây giờ ông Tú tắm. Tắm xong ra sân ông đã thấy Bà Tú ngồi dưới giàn hoa ăng-ti-gôn, rực rỡ những chùm hoa màu hồng đẹp quá. Đôi má Bà Tú cũng ửng hồng như màu hoa. Trước

Mình ơi!

EM
RÕ VỀ
HƯƠNG

mặt bà, đã để sẵn một đĩa xôi vò đầy vun, màu vàng, trông ngon lành. Ông Tú tươi cười ngồi xuống cạnh bà, đặt trên má bà một nụ hôn. Cưng chồng, bà Tú múc một muỗng xôi, bảo ông Tú há miệng để bà đút cho ông ăn rồi bà bảo :

— Minh ơi, một đoàn *Boys-Scouts* có đến 5, 6 chục người cỡi xe máy chạy vào miệt Chợ-Lớn, trông đẹp mắt quá, vui quá. Em muốn lầy xe máy chạy theo xem họ làm gì ?

Ông Tú vui vẻ hỏi :

— Hồi còn đi học, em không vào đoàn *Scouts* à ?

— Hồi đi học em ngốc quá, chúa nhứt em chỉ thích đi xi-nê hay đi bát phở, mất hết thì giờ. Bây giờ mới tiếc, giá hồi đó em vào *Scout* có phải thích thú hơn không !

— *Scoutisme* cũng là một loại thể thao, chắc thích hợp với em lắm. Nếu anh có thì giờ anh cũng đã vào *Scout*.

— Ý nghĩa thật của chữ *Scout* là gì hả Minh ? Có phải tiếng Pháp không ?

— Tiếng Anh, có nghĩa nguyên thủy là Hướng đạo quân *soldat éclaireur*, sau áp dụng cho thanh niên gọi là *Hướng đạo sinh* tức là *Boys-Scouts*.

— Phong trào Hướng đạo-sinh đã có lâu chưa, Minh ?

— Mới có từ năm 1907, do một vị cựu Tướng Anh, là **Baden Powell**, sáng lập. Ông này sinh năm 1867, chết năm 1941.

— Do trường hợp nào ông ấy lập ra phong trào *Boys-Scouts* ?

— **Baden Powell** nguyên là một vị tướng lãnh trong quân đội Anh. Ông đã từng đóng quân ở các thuộc địa của Anh hồi đó ở Phi-châu và Á-châu, vừa được nhiều cơ hội mục kích đời sống khỏe mạnh thiên nhiên của các dân bản xứ ở các vùng rừng núi. Nhờ đó, ông mới nhận xét rằng cuộc sống mạo hiểm giữa những cảnh trời cao, đất rộng, sông núi bao la, là những yếu tố bổ dưỡng nhất cho tinh thần con người. Với kinh nghiệm của đời sống quân nhân, ông

MUỐN HIỂU
PHONG TRÀO
G - ĐẠO

lại nhận xét rằng nếu nung đúc cho thanh niên, ý thức danh dự và giao phó trách nhiệm cho thanh niên thì bạn trẻ sẽ giúp được nhiều việc ích lợi cho xã hội. Nhân đó, ông thấy cần tập cho lớp tuổi còn xanh một lối sống hoạt động và vị tha.

Năm 1907, được về nghỉ ở Anh quốc, tướng Baden Powell để xướng một phương pháp giáo dục tân tiến, gọi là « *Scouting for Boys* » (Hướng-đạo cho thanh-niên) áp dụng những nhận xét trên kia. Để thực hiện sáng kiến của ông và gây ra phong trào Hướng-đạo ở Anh-quốc, ông tổ chức một cuộc « cắm trại » trên đảo Brownsea, ở phía Nam nước Anh, với 20 trẻ em. Đó là những Hướng-đạo sinh đầu tiên đã dọn đường cho phong trào Hướng-đạo toàn thế giới sau này.

Ông chia đoàn thanh thiếu niên của ông thành đội, do một em được cử ra điều khiển, tự đặt ra luật lệ để tuân theo, tự dựng lều để nghỉ ngơi, tự lo làm việc bếp núc, tự giải quyết tất cả các nhu cầu vật chất và tinh thần của đời sống tập thể của thanh thiếu niên, theo tôn chỉ Hướng-đạo - sinh mà ông đã đặt ra. Thành công trong bước đầu, Tướng Baden Powell liền



Baden POWELL
người sáng lập ra Hướng đạo sinh

viết ra quyển sách *Scouting for boys*, xuất bản năm 1908. Sáng kiến sơ khởi của ông được các trường học Anh áp dụng, và từ 20 Hướng-đạo-sinh tiên phong của ông ở Brownsea năm 1908, sang năm 1910, toàn thế Anh-quốc đã có được 20.000 Hướng-đạo sinh. Đây, lịch sử phong trào *Boys Scouts* xuất hiện ở nước Anh cách nay mới hơn 50 năm.

— Hỡi đó đã có Nữ-hướng-đạo chưa ?

— Năm 1910, thấy phong trào Hướng-đạo được bành trướng mau chóng và hấp dẫn một số thanh thiếu niên Anh quốc mỗi ngày mỗi đông, Tướng Baden Powell xin từ chức quân đội, để đem hết thì giờ và ý chí ra phục vụ cho phong trào Hướng đạo của ông. Trước tiên ông tổ chức *Thiếu niên đoàn*, từ 11 đến 18 tuổi, sang năm 1916, ông tổ chức *Ấu-nhi-đoàn* từ 7 đến 11 tuổi, và năm 1918 ông đào tạo thêm *Tráng sinh đoàn* từ 17 tuổi trở lên. Năm 1911, chính vợ ông, bà Baden Powell đã thành lập được đoàn nữ-hướng-đạo.

— Mình ơi, hiện giờ trên Thế giới có được bao nhiêu tổ chức Hướng-đạo ?

— Tính đến ngày nay, trên thế giới có 77 quốc gia ở khối Tự-do, đã gia nhập vào phong trào Hướng-đạo-sinh, với tổng số đoàn viên được gần 10.000.000 người.

— Còn Hướng-đạo Việt-nam gia nhập vào Hướng-đạo thế giới từ năm nào ?

— Từ 1926, ở Bắc-Việt đã có rải-rác nhiều đoàn Hướng-đạo sinh biệt lập do sáng



kiến của các nhóm giáo viên dựa theo các đoàn Hướng - đạo Pháp, ở các tỉnh hoặc các thành phố, nhưng chưa thông nhất được với nhau. Năm 1932, một số Huynh-trưởng Việt-nam đã có học tập ở trại Gilwell, Trung tâm huấn - luyện Hướng-đạo thế

giới ở Anh-quốc, tổ chức tại Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ, mỗi nơi một *Hội-Hướng-Đạo*, dưới sự lãnh-đạo của các vị linh-mục Thiên - Chúa - giáo. Năm 1936, do sự hợp tác của ba hội ở ba Kỳ, một cuộc cắm trại Hướng-đạo toàn-quốc được tổ-chức lần đầu tiên tại Dalat, nhưng vẫn chưa thông-nhất được. Năm 1937, ba hội Hướng-đạo của ba Kỳ hợp với hai hội Hướng - đạo Cao-Miên và Lào, thành *Liên-hội Hướng-Đạo Đông-Dương* (*Fédération Indochinoise de Scoutisme*), đặt dưới sự lãnh đạo của Ủy ban thường-trực, trụ-sở ở Hà-nội.

Năm 1944, số Hướng-đạo-sinh Việt-nam đã đến 30.000 người. Thời kỳ 1946-1950, phải ngưng hoạt-động vì chiến tranh. Năm 1953, do một nghị-định của Bộ Thanh-niên và Thể-thao của chính phủ Việt-nam, Hội Hướng-Đạo Việt-Nam được chính-thức thừa nhận, và bắt đầu hoạt-động mạnh trở lại. Ngày 7-5-1957, Hội Hướng-đạo Việt-nam được gia-nhập vào tổ-chức Hướng-Đạo Thế-giới.

— Em nghe nói « Đoàn Sói Con » là gì, hả Minh ? Cũng là Hướng-Đạo phải không ? Sao lại gọi là Sói Con ?

— « Sói Con », là dịch ở tiếng Pháp *Louveteaux* (tiếng Anh: *Wolf-cubs*), theo chuyện chú Bé Mowgli sống với đàn chó Sói trong rừng, trong tác-phẩm *Le Livre de la Jungle* của nhà Văn-sĩ Anh Rudyard Kipling.

Các đoàn Hướng-Đạo chia ra thành 3 ngành riêng biệt, tùy theo hạng tuổi của đoàn-sinh :

★ **Ấu-Sinh**, gọi là *Sói Con*, từ 7 đến 12 tuổi. Sáu Sói-con hợp thành một đoàn, do một sói đầu đàn hướng dẫn. Từ 2 đến 4 đàn thành một Bầy,

gọi là Ấu-đoàn, do một ấu-trưởng điều khiển.

★ **Thiếu Sinh**, từ 11 đến 18 tuổi.

Từ 4 đến 8 Thiếu Sinh hợp thành một đội, do một Đội-trưởng điều khiển. Từ 2 đến 4 Đội thành một Thiếu đoàn, do một thiếu trưởng điều khiển.

★ **Tráng Sinh**, từ 17 đến 25 tuổi.

Từ 5 đến 10 Tráng sinh, thành một Toán.

Từ 2 đến 4 Toán, thành một Tráng-đoàn.

— À Minh, em thấy Hướng-đạo sinh chào bằng cách giơ lên 2 ngón tay, là ý nghĩa gì ?

— Hai ngón tay giơ lên, là tiêu-biểu hai cái tai dựng đứng lên của con Chó Sói. Em nên nhớ rằng tổ-chức



Hướng-Đạo-Sinh của Baden Powell là một sáng-kiến nảy nở ra nhờ ông đọc quyển « Truyện Rừng Rú », của nhà văn Anh, Rudyard Kipling.

— Cho trẻ em vào các đoàn Hướng-Đạo-Sinh có ích lợi gì không, hả Minh ?

— Dĩ-nhiên là có. Hướng-Đạo-Sinh được hấp-thụ một giáo-dục thuần-túy gồm có hoạt động thường xuyên, như nhóm họp, thám du, cắm trại.

Các em được quen với đời sống tập-thể, với tất cả những kỹ-luật cần thiết cho sự huấn luyện các đức tính quý báu cho thanh thiếu niên đời nay : tự-lập, tự-túc, tự-cường. Giáo-dục Hướng-Đạo thay thế cho các khuyết-điểm của giáo-dục học-đường và giáo-dục gia-đình, và đào-tạo những thanh thiếu niên, thiếu nữ, thành những con người xứng đáng. Ngoài ra, Hướng-Đạo-Sinh còn được huấn luyện về những công-tác xã-hội, như cứu hỏa-hoạn, thủy-tai, phát triển cộng đồng, vệ sinh công-cộng, v.v... Có thể nói rằng giáo-dục Hướng-Đạo-Sinh tiếp tục phương-pháp giáo-dục mẫu-giáo của bà Montessori.

— Minh ơi, còn Hướng-

Đạo Phật-Giáo cũng là Hướng-Đạo chó ?

— Giống về phương-diện giáo-dục luân-lý và xã-hội, nhưng khác về phương diện giáo-dục tôn-giáo và tổ-chức theo hệ-thống riêng biệt của Phật-giáo. Cái tên gọi cũng khác, thay vì Hướng-đạo Phật-giáo có một danh-từ riêng là *Gia-Đình Phật-Tử*, đặt dưới sự điều-khiển của một Ban Hướng-Dẫn.

— Minh à, bây giờ em xin nhập vào Đoàn Hướng-Đạo-Sinh, hay là Gia-đình Phật-tử, Minh bằng lòng không ?

Ông Tú cười ngó Bà Tú :

— Anh bằng lòng chứ. Rất tiếc là em đã hai mươi mảy tuổi rồi, làm Sói con trễ quá !

— Em làm Sói.cái vậy ?

— Làm Sói.cái thì sớm quá.

— Nghĩa là sao ?

— Chưa làm Sói-con, làm sao thành Sói.cái được, hả bố ?

— Thôi đi, bộ em le như thê nầy mà làm con Chó Sói không được sao ?

Bà Tú lại nhòng-nhèo, ông Tú cười đứng dậy chạy vào bàn viết. Bà Tú cũng chạy theo níu lấy ông, chứ không tha !...

★ *Diệu-Huyền*

NHÂN NGÀY PHẬT-ĐẢN 2508
THỬ XÁC ĐỊNH LẠI :

NGÀY, NĂM, ĐẢN-SINH, XUẤT-GIA,

(Tiếp theo P.T. 127 và hết)

II. — Lịch sử cách tính Phật-lịch

Nhân ở trên có nói đến quyết nghị của PGTG: P.L. được tính từ năm 544 TTL năm Đức Phật nhập niết-bàn. Chúng tôi xin nhắc lại vài sự diễn tiến lịch sử về cách tính P.L.

A— Mỗi tôn giáo có một cách tính lịch riêng cho tôn giáo mình.

Hồi-giáo, tính niên lịch từ năm giáo chủ Mahomet bị ngược đãi trốn khỏi thành La Mécca năm 622 TL.

Thiên-Chúa-giáo, lấy năm

chúa Jésus Christ giáng sinh làm niên-lịch.

B.— Phật-giáo cũng có một cách tính lịch riêng cho tôn giáo mình, diễn tiến theo thứ tự lịch sử.

1.— Trước tháng 11-1952, nhiều quốc gia trên thế giới chọn thuyết Đức Phật Đản-sinh năm 563 TTL, đồng thời chọn năm đức Phật đản sinh làm năm 1 của Phật-lịch.

Thí dụ : năm 1945, PL là : 563+1945 : 2508 PL

năm 1950, PL là : 563+1950 : 2513 PL.

Một số các chùa cổ ở VN còn ghi lối PL này. Vậy quý vị chỉ cần đem con số PL ấy trừ đi cho 563 là tính được năm dương lịch.

Thí dụ : PL, 2519 tức là : 2519 — 563 : năm 1956 DL

2.— Tháng 11-1952, đại hội PGTG lần thứ II tại Tokyo, xác định rõ năm sinh của đức Phật là 624 TTL, năm nhập niết bàn là năm 544 TTL, Phật lịch được tính từ năm đức Phật nhập niết bàn.

Thí dụ : Năm 1952, PL là :

Ngày đức Phật nhập diệt là cả một biến cố lớn lao và đau thương nhất trong tâm hồn hàng triệu Phật giáo đồ cách đây 25 thế kỷ, toàn thể mọi người đều ghi nhớ ngày lịch sử ấy. Sau đó tất cả các kinh sách đều lấy ngày trọng đại ấy làm gốc, đề ghi lại các sự việc xảy ra sau khi đức Từ Phụ nhập niết bàn :

— 7 ngày sau khi đức Thích Tôn diệt độ, Tồ sư Ca Diếp (Kacyapa) nghĩ đến việc kết tập các Kinh điển để lưu truyền...

— 7 tháng sau ngày đức Thế

THÀNH ĐẠO, NHẬP NIẾT-BÀN CỦA

544+1952 : 2496 PL

Năm 1964, PL là : 544+1964 : 2508 PL.

Ngày nay, toàn thể Phật-giáo Thế-giới đã dùng PL này.

3.— Quyết định dùng năm đức Phật nhập niết-bàn là một điều vô cùng hợp tình hợp lý, là trở về với PL nguyên thủy sẵn có của Phật giáo.

Thật vậy, PL nguyên thủy đã có từ sau khi đức Phật nhập niết bàn.

ĐỨC PHẬT THÍCH - CA

★ Minh-Huế

tôn nhập niết bàn, có kỳ kết tập kinh điển lần thứ nhất...

— 100 năm sau khi đức Từ Phụ diệt độ, có kỳ kết tập kinh điển lần thứ hai.

— 236 năm sau ngày đức Thế tôn nhập diệt, vua Acoka đã chọn thành Pataliputra làm nơi cho hơn 1000 vị Tăng chúng kết tập kinh điển lần thứ ba trong 9 tháng... v.v...

Vậy Phật giáo sử đã lấy ngày tháng năm đức Phật nhập niết bàn làm gốc cho mọi niên lịch Phật giáo sau ngày đức Từ phụ diệt độ.

4.— *Mỗi năm, Phật lịch mới được tính từ ngày nào ?*

Sở dĩ chúng tôi đặt vấn đề này, vì ở VN, một số người không hiểu ý nghĩa của Phật lịch, nên mỗi năm cứ vào ngày lễ Thành đạo (theo cổ lệ T.H. vào ngày 8-12 al). Vào ngày Tết Nguyên đán, vào ngày lễ Xuất gia (cổ lệ TH: 8-2 al)... Hay trong các văn thư của các tập đoàn Phật giáo, chúng tôi đã thấy người ta « tự ý » tăng lên Phật lịch mới ! Sự thật, PL mới đầu phải ai muốn tự động tăng lúc nào cũng được !

Theo thuyết của Nam phương

Phật giáo, và của hầu hết PG trên thế giới, trừ Trung-Hoa và VN, đức Phật Thích-Ca đản sinh, xuất gia, thành đạo và nhập Niết bàn đều là ngày trăng tròn tháng Vesakh Ấn-độ, tính theo ngày nay là ngày rằm tháng tư âm lịch. Vì thế *PL mới mỗi năm tính từ ngày 15-4 al trở đi mà thôi.*

GHPGVNTN bây giờ tuy còn theo cổ lệ TH, cử hành lễ Phật nhập niết bàn vào ngày 15-2 al, nhưng vẫn theo quyết nghị của PGTC: PL mới chỉ được dùng mỗi năm kể từ ngày 15-4 al trở đi mà thôi.

Đề kết luận, chúng tôi ước mong từ nay ở VN, người ta đừng tự ý tăng PL mới mỗi năm trước ngày 15-4 al.

III.— Ngày và năm : Xuất gia — Thành Đạo

A.— *Ngày xuất gia, ngày thành đạo và ngày nhập Niết bàn.*

Như trên đã nói, Phật giáo Bắc tôn ở VN vì chịu ảnh hưởng và theo cổ lệ từ Trung-Hoa truyền sang, từ hàng chục thế kỷ nay, cho đến bây giờ vẫn còn riêng biệt làm lễ xuất gia vào ngày 8-2 al, lễ Thành đạo vào ngày 8-12 al, lễ nhập

niết bàn vào ngày 15-2 al. Chúng tôi đã tìm hiểu được nguồn gốc của lễ Phật đản 8-4 (Sách Châu thơ dị ký), còn các ngày lễ Xuất gia, Thành đạo và Nhập niết bàn không hiểu PGTH dựa vào đâu để « đưa ra » những ngày lễ ấy ?

Hầu hết các nước Phật giáo trên thế giới, căn cứ vào sử sách và sự tìm tòi của các nhà Bác học, và y cứ vào lịch Vesakh Ấn-độ, cử hành 4 lễ : Đản sinh, Xuất gia, Thành đạo và Nhập niết bàn cùng vào một ngày trăng tròn tháng 5 al, tức Rằm tháng tư al, nhưng lễ Đản sinh được chú trọng nhiều hơn hết.

B.— *Vấn đề đặt ra cho GHPGVNTN.*

Ở đây chúng tôi chỉ đứng trên lập trường của một người Phật tử chân chính, tha thiết đến việc tiếp tục thống nhất Phật giáo nước nhà, kính trình lên GHPGVNTN một nguyện vọng : *làm sao thống nhất được các ngày lễ Xuất gia, Thành đạo và Nhập niết bàn chung cho cả hai tôn phái Nam Bắc trong GHPGVNTN.*

Bây giờ không phải là lúc đề cho chúng ta dung dưỡng đầu óc biệt lập, đầu óc chia rẽ và

phân biệt Nam hay Bắc tôn, và phải chấm dứt lập tức đầu óc « kỳ thị Tiểu thừa và Đại thừa » : Lễ ấy của PG nguyên thủy, lễ này mới là của mình !

Chúng tôi lại không bàn đến sự đúng hay sai của các ngày lễ ấy, không đặt vấn đề nên cử hành riêng biệt ra từng ngày hay chung một ngày, vì đó hoàn toàn thuộc thẩm quyền của Đại hội Phật giáo Thế giới quyết định, mà chúng tôi chỉ xin lưu ý đến GHPGVNTN nên đưa ra trước đại hội PGTC lần thứ VII sắp đến vấn đề nói trên đề cho việc cử hành các lễ Xuất gia, Thành đạo, và Nhập niết bàn được thống nhất cho toàn thể Phật giáo thế giới như lễ Phật đản. Cùng tôn thờ một đức Bậc sư thì không có lý do nào ngày lễ Xuất gia, lễ Thành đạo và lễ Nhập niết bàn, 2 tôn phái Bắc Nam lại cử hành lễ ấy vào một ngày « riêng biệt » cho tôn phái mình.

Chúng tôi xin tóm tắt: Phật giáo Bắc tôn ở VN và TH cử hành lễ Xuất gia, vào ngày 8-2 âm lịch. Phật giáo Nam tôn ở VN và thế giới làm lễ Đản sinh, Xuất gia, Thành đạo, và Nhập niết bàn cùng vào một ngày trăng tròn

tháng Vesakh Ấn độ, tức 15-4 âm lịch.

C. — Năm Xuất gia và thành đạo.

Theo « Phật học đại từ điển » về năm Xuất gia và Thành đạo có 2 thuyết chính.

1. — Thuyết trong kinh « Tăng nhất a hàm » và kinh « Đại niết bàn » :

Thái tử Tất-đạt-đa (Sidharta) xuất gia lúc 29 tuổi, thành đạo năm 35 tuổi.

2. — Thuyết trong kinh « Tu hành bản khởi » và « Lục độ tập » : Thái tử Tất-đạt-đa xuất gia năm 19 tuổi, thành Đạo năm 30 tuổi.

Thú thực, chúng tôi không biết rõ là qua 6 kỳ đại hội Phật giáo thế giới đã có nêu lên vấn đề thừa nhận thuyết nào hay chưa. Nhưng trên thực tế, chúng tôi thấy có một sự mặc nhiên chấp nhận thuyết thứ hai : Thái tử xuất gia năm 19 tuổi và thành đạo năm 30 tuổi, vì hợp với những sự kiện lịch sử và giáo lý hơn :

— Năm 17 tuổi, Thái tử Tất-đạt-đa (Sidharta) kết hôn với công chúa Da-du-đà-la (Yasodhara). Năm sau sinh được 1 đứa con tên là La-hầu-la (Rāhula). Ngài xuất gia năm 19 tuổi, từ bỏ vợ hiền và con thơ yêu dấu. (Nếu đợi đến năm

29 tuổi mới xuất gia, thì Rahula ít nhất cũng 11 tuổi, và Thái tử phải có đến một bảy con ! Điều này chắc chắn không có 1 kinh sách hay sử liệu nào xác nhận cả).

Trước và sau khi Thái tử lập gia đình, Ngài có đi dạo 4 cửa thành, đó cũng là lần đầu tiên ngài tiếp xúc với thực tại và trông thấy thảm trạng của cuộc đời. Do đó, Ngài liền phát tâm từ bi thương xót chúng sinh đang đau khổ. Nửa đêm trăng tròn, Ngài từ bỏ ngai vàng điện ngọc, vợ hiền con yêu để ra đi tìm phương cứu khổ cho muôn loài. (Nếu năm 19 tuổi đã phát lòng từ bi mà mãi đến mười năm sau mới xuất gia, sự xuất gia ấy có còn ý nghĩa cao đẹp nữa không ?)

Vua Tịnh-phạn (Sudodhana) bị ám ảnh bởi lời tiên đoán của đạo sĩ A-Tu-Đà (Asita) là Thái tử sau này sẽ xuất gia, nên Ngài tìm đủ mọi cách để cầm chân Thái tử lại : cưới vợ cho con, xây lâu đài điện ngọc cho con ở, không cho con tiếp xúc với đời v.v... Và nhất là đợi khi con khôn lớn sẽ truyền ngôi lại cho con. Giữa lúc ấy thì Thái tử lại bỏ tất cả để ra đi ! Nếu mãi cho đến năm 29 tuổi thì chắc chắn Thái tử đã lên ngôi vua rồi !)

Sau khi rời Hoàng-cung, Thái tử trên đường đi tìm đạo, gặp vua Tân-bà-ta-la (Vimbāsara). Nhà vua, đã cố tình cầm giữ Thái tử lại để truyền ngôi cho, nhưng Thái tử lại khước từ. Thái tử đi hỏi đạo các vị đạo sĩ đương thời và tu tập theo họ một thời gian ngắn hoặc dài, nhưng đạo của họ không làm cho Thái tử mãn nguyện nên Thái tử đi tìm đạo sĩ khác. Quãng đời này kéo dài ít nhất là 5 năm. Đến khi thất vọng hoàn toàn, Ngài mới tự tu khổ hạnh trong 6 năm vẫn không chứng được đạo. Ngài tìm ra lối trung đạo, và tu thiền định trong 49 ngày

thì đắc đạo. Vậy quãng đời tìm đạo của Thái tử phải mất ít nhất 11 năm mới chứng thành đạo quả. (Theo thuyết thứ nhất, Thái tử chỉ mất có 6 năm thì thành đạo. Vậy quãng đời trước khi tu khổ hạnh trong 6 năm, thời gian đó tính vào đâu ?)

Kết luận, chúng tôi xin tóm tắt : có 2 thuyết về năm xuất gia và thành đạo của Thái tử Tất-đạt-đa. thuyết được mặc nhiên thừa nhận là : *Thái tử Sidharta xuất gia vào năm 19 tuổi* tức là vào năm : 624-19 : 605 TTL) và *Thành đạo vào năm 30 tuổi* (tức là vào năm 624-30 : 594 TTL).

D. — Bảng Tổng kết các Niên Đại lịch-sử của Đức Phật Thích Ca :

Sự kiện trong Đời Đức Phật	Tuổi	Ngày AL Theo PGBT	Ngày AL Theo PGNT	Năm DL trước Thiên Chúa GS
Đức Phật Thích - Ca	80			— 624 - 544
Đản sinh		15/4	15/4	— 624
Kết hôn	17			— 607
Xuất gia	19	8/2	15/4	— 605
5 năm hỏi đạo	19-24			— 605 - 600
6 năm khổ hạnh	24-30			— 600 - 594
Thành đạo	30	8/12	15/5	— 594
50 năm hóa đạo	30-80			— 594 - 544
Nhập niết bàn	80	15/2	15/4	— 544. Phật-lịch tính từ đây



Người
tù
69



Hồi ký của NGUYỄN-VỸ ★ Hồi ký của NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P.T. 127)

TÔI không hiểu gì cả, và hỏi người tù trẻ :

— Quan Phán nào đây ? Tại sao tôi đã phải để anh lấy mất chiếc chiều mới của tôi rồi tôi còn phải nộp cho anh 2 hào nữa ? 2 hào gì ?

Người tù trẻ trở mặt nhìn tôi chòng chọc như toan hành hung tôi. Y bảo :

— Nhập gia phải tùy tục, anh hiểu chưa ? Nếu anh không nộp 2 hào thì không có chiều nằm. Nếu anh còn bướng, thì tôi đánh bẻ mặt !

Nói xong, hắn ôm mạnh chiều rách đi về chỗ « Quan Phán » đang tiếp tục nằm hút thuốc phiện trên chiếc chiều mới của tôi.

Tôi hỏi nhỏ người tù ngồi cạnh tôi. Người ấy khẽ bảo :

— Ông Phán đây trước kia có làm quan Phán đầu Tòa ở Tòa Sứ Vinh, bị tội ăn hối lộ, thụt két và hiếp dâm nhiều đàn bà con gái, nên bị tù nặng. Ông ở nhà Lao này đã 6, 7 năm nay

NGƯỜI TÙ 69

rồi, và người nhà ông ấy có lo lót với ông Tây Chủ ngục để được phép đặc biệt gởi thuốc phiện vào cho ông hút, vì ông nghiện nặng. Vào tù, quen thói hách dịch với dân chúng ở ngoài, ông đánh đập và hăm he bọn tù, tuy ông cũng là tù như người ta, cho nên ông được tù ở đây khiếp sợ. Lính gác cũng kiêng nể ông. Ông như là Chúa Ngục ở xà lim này. Ông ngự trị trong một thế giới riêng biệt, mà tất cả đều sợ uy quyền của ông. Tất cả đều phục tùng ông. Ai bướng thì bị bọn « em út » của ông, bọn du-côn, ăn cướp, bọn giết người không gớm tay, tuân lệnh ông mà đánh mình tàn nhẫn, bắt kẻ mình là ai. Ở đây, không ai sợ tù-tội nữa, mà chỉ sợ « Quan Phán » !

Người ấy lại khuyên bảo tôi :

— Anh cứ đem 2 hào lại nộp cho ông Phán để ông cho chiếc chiều rách lúc này. Nếu không, tôi nay anh nằm trên xi-măng bản lắm. Và ông Phán sẽ truyền lệnh cho lũ đệ-tử tạt nước vào chỗ anh, anh không thể nào nằm được.

— Nhưng tôi làm gì có tiền ? Tôi chỉ có hai chục đồng bạc đã bị ông Đội ở phòng gác ngoài cổng lấy rồi. Ông ấy bảo để ông ấy cất hộ cho, vì người ta cấm tù đem tiền vào trong Lao.

— Không khó gì. Anh cứ biên cái giấy đại khái nói với ông Đội ở phòng gác trích trong sổ tiền của anh 2 hào để đóng góp vào quỹ cứu-tê của Xà-lim 3. Thế là được.

— Sao lại góp vào quỹ Cứu-tê của Xà-Lim ?

— Quỹ Cứu-tê của xà lim 3, là do ông Phán bày đặt ra như thế, nói là mỗi người tù trong xà lim phải góp tiền vào (nếu không có thì phải nhặn về gia đình đem đến đóng góp) để dùng các việc cứu-tê.

— Cứu-tê gì ?

— Chẳng cứu-tê cóc gì cả ! Ông Phán bày đặt ra như thế để ông ấy lấy tiền ăn hút. Theo nguyên tắc, ông có xin phép Quan Cai Ngục cho ông tổ chức quỹ Cứu-tê của xà lim 3 để giúp đỡ anh em tù nhân khi đau ốm, v.v... Nhưng thực tế

thì tù nhân đau ốm phải đi nhà thương. Quý Cứu-tê không tốn một xu. Ông Phán lấy tiền đó để ăn hút, và tiêu xài riêng phần ông, thỉnh thoảng cho tụi « đệ tử » chút ít.

— Còn nếu tôi không góp tiền ?

— Anh ở tạm một vài đêm, thì bị tụi nó tạt nước chỗ anh nằm để anh không thể nằm ngồi gì được. Hoặc chúng nó tìm cách ngăn cản không cho anh đi cầu tiêu, hoặc bắt anh phải rửa cầu tiêu, không cho anh ăn cơm, v.v... Ồ, thiếu gì cách ! Ông Phán bảo gì là tụi lu-loa đó thì hành đúng theo lệnh của ông ngay. Còn nếu anh ở luôn trong xà-lim này, như tôi chẳng hạn, thì... thôi, khỏi nói, bọn đệ tử ông Phán sẽ hành hạ anh đủ điều. Có khi chúng nó đánh người ta chết nữa là khác.

— Ồ ! Họ lỏng hành như thế được ư ? Cai ngục và lính gác không che chở cho người tù sao ?

— Cai ngục và lính gác đã được ông Phán cho ăn hồi-lộ và o bề đủ điều. Vì thế họ làm lơ để mặc bọn tù làm gì thì làm, miễn là theo đúng luật-lệ nhà tù là được. Chuyện riêng trong nội bộ mỗi xà-lim, cai ngục không mấy khi can thiệp.

Tôi đang nói chuyện xầm xì với người tù bên cạnh, thì có hai người tù ở ngoài, do lính mở cửa cho vào, bưng vào xà-lim một thùng lớn đầy cơm cháy. Tức thì một số đông người tù bu lại, dành nhau bẻ mỗi người một miếng. Trông thấy những miếng cơm cháy vàng và giòn, thật ngon lành, — tôi lại có tật thích ăn cơm cháy, — và tưởng cơm cháy đem cho không, ai thích thì lấy ăn tự-do, tôi liền thò tay vào bẻ một miếng cháy thật vàng, có lẽ là miếng cháy ở lòng chảo (vì cơm nhà tù nấu bằng chảo gan). Nhưng người tù bưng thùng chặn tay tôi, và trở mặt hỏi :

— Anh có tiền ngoài bureau không ?

Tôi trả lời :

— Không.

Người tù giựt miếng cơm cháy bỏ lại vào thùng :

— Ăn cơm cháy, phải trả tiền chứ ! Dễ thương anh tưởng không có tiền cũng ăn được sao ? Mỗi miếng lớn bằng bàn tay phải trả 5 xu. Không có tiền thì rút !

— Tôi tưởng cơm cháy của nhà tù thì ăn không trả tiền. Nhưng tôi thích ăn, anh bồ-thí một miếng không được sao ?

Người tù lắc đầu không trả lời. Nhưng hắn ngó vào đăm đăm hàng nút xa-cừ trên áo sơ-mi của tôi, và bảo :

— Nếu anh thích ăn cơm cháy mà không có tiền, thì anh gỡ hai cái nút xa-cừ trên áo đưa đây.

Tôi cười, sẵn-sàng làm theo đề nghị của anh Tù bán cơm cháy. Tôi đưa vạt áo sơ-mi lên miệng, lấy răng cắn mỗi chỉ và gỡ ra hai nút áo, đưa anh tù. Anh bằng lòng, bỏ hai nút áo vào túi của anh, và trao cho tôi một miếng cơm cháy mà tôi đang thèm.

Ồ, không thèm sao được ? Vội vàng bỏ miếng cơm cháy vào miệng nhai, nó giòn làm sao ! Nó thơm làm sao ! Nó ngon làm sao ! Tôi nhai rạo... rạo... thích thú vô kể. Miếng cơm cháy đã vàng rực lên, lại dày và không có sạn, tôi nhai ngấu nhai ngấu nó tan ra trong miệng, tôi nuốt nó vào lòng, thơm thật là thơm, ngon thật là ngon, kể ra ở ngoài đời từ nhỏ đến lớn tôi chưa có lần nào được ăn một miếng cơm cháy ngon đặc biệt như bây giờ.

Nhìn xuống áo sơ-mi của tôi có tất cả 5 cái nút, mà tôi đã gỡ ra 2 cái. Tôi liền cởi áo ra, đưa vạt áo lên miệng lấy răng cắn nốt 3 cái nút còn lại, đưa anh tù :

— Đây ba cái nút nữa đây ! Tôi muốn một miếng cháy to hơn !

Người tù phớt tỉnh, bỏ ba cái nút xa-cừ của tôi trong túi áo của hắn rồi trao tôi hai miếng cháy nhỏ. Tôi thấy hắn rõ ràng là một tên gian thương khả ô, lợi dụng món hàng bán đắt, mà giảm bớt số lượng ! Nhưng tôi không phản đối, đành chịu thiệt thòi vậy.

Tôi mặc áo sơ-mi vào, không có nút.

(còn tiếp)

Doãn Quốc Sĩ

bạn... dân ...

Đêm qua quá trống canh ba,
 Bỗng ai gõ cửa, thăm nhà lạ chưa ?
 Tưởng rằng có bạn rượu thơ,
 Khi say quên cả sớm, trưa, tối, ngày
 Tung mừng giấy, mắt gấp-gay,
 Những toan gọi vợ pha ngay ấm trà.
 Bực mình vợ chẳng nói ra,
 Nhưng tâm hẩn rủa... thằng « cha » lạ đời.
 Ngày nóng mết, tưởng dứt hơi,
 Đêm mong sao được giấc mơ lại hồn,
 Bỗng đâu tiếng gấp, gọi dồn,
 Đùng, đùng cửa lại đập luôn mấy hồi.
 Chuyện gì gấp rút hẩn thôi,
 Hay ông thân bạn qua đời phải đây.
 Vội vàng chân guốc chân giầy,
 Thấp cao nửa tỉnh, nửa say bước dồn,
 Cửa vừa hé, đã hoảng hồn,
 Mấy ông Cảnh sát tuốt luôn vô nhà.
 Đèn « pin » bỗng thấy bật ra,
 Bên mình kìa cái « tôi gà » đen thui,
 Hỏi han to tiếng : « mấy người »,
 « Trong nhà có khách qua chơi ngủ nhờ ? »
 Chủ rằng : « nhà chật giường thừa,
 Chốn nằm chưa đủ đâu thừa chứa ai !! »
 Nghe lời hẩn cũng lộn tai,
 Mấy « ngài » Cảnh Sát mặt tươi lại dần.
 « Ngài » rằng : « tôi bạn của dân »,
 « An-ninh quyết giữ mười phân vẹn mười, »
 Chủ rằng : « ngài dạy đúng lời,
 « Nhưng nào tôi dám nhận tôi bạn ngài »,
 Thương nhau xin cứ rút lui,
 Ấy là nghĩa nặng muôn đời dám quên.
 Dân tôi chỉ sợ hầy hèn,
 Ngày làm nặng nhọc, đêm yên được nhờ.

★ TÚ-BE

ĐÌNH CHANH

Bài Trả lời Đình Hùng, ở trang 82 có đoạn :
 « và lại hăm dọa rất nhiều thứ bằng các bút hiệu
 mặt vụ khác.

Nhờ các bạn sửa lại là : « nhờ các tay mặt vụ
 văn nghệ hăm dọa nhiều thứ khác.

Nhà xuất bản SÁNG TẠO

Tìm đọc :

- ★ TIẾNG HÁT TỰ ĐÁY LÒNG Doãn Quốc Sĩ
 - ★ HẢN Minh-Đức Hoài-Trình
- Những buồn vui ray-rứt của một tuổi trẻ lưu đày.

**Các bạn xem mỗi ngày trong
 nhật báo**



- ★ XÃ THUYẾT CHÍNH TRỊ của N.V.
- ★ THẠCH-BICH-SƠN, truyện bằng tranh
 của NGUYỄN-VỸ
- ★ NHẬT KÝ của DIÊU-HUYỀN

Phát hành mỗi ngày 120.000 số

Thích Hợp với Mọi Người

Có nhiều bà nội trợ thường tự hỏi và thường hỏi thầy thuốc về một thức uống khả dĩ có thể làm ưa thích mọi người trong gia đình, từ ông chồng đến bà vợ và các con, một thức uống chẳng những không độc, không gây hại cho sức khỏe (như rượu cao độ) và còn bổ dưỡng toàn cơ-thể. Các bà muốn có một thức uống vừa ngon miệng, giải nhiệt, lại vừa bổ khỏe (nhưng không có chất rượu hoặc có rất ít) cho các ông dùng đặn đặn lại sức lực sau khi làm việc nặng nhọc và cho chính các bà nữa, vì trong nhiều gia đình các bà cũng phải lao tâm lao lực không kém các ông và cũng cần được bồi bổ sức khỏe. Nếu có ai nói với các bà thức uống lý tưởng đó là la-ve thì các bà lại e ngại vì sợ nó làm mất vẻ đẹp của thân thể : nó làm phì mập. Điều lo sợ này chẳng qua chỉ vì lời đồn đãi vô căn cứ mà có, và nếu các bà biết rằng khoa học đã chứng minh la-ve không làm mập, chỉ bổ dưỡng, tất các bà sẽ dùng nó trong gia đình mỗi ngày.

Thật đúng là la-ve được nhiều dân tộc đông phương và tây phương biết rõ giá trị từ đời thượng cổ mà, lạ thay ! ngày nay lại ít người biết rành rẽ phẩm chất tuyệt hảo của nó. — La-ve là gì ? Là thức uống chế tạo bằng cách ủ cho lên men chất nước-mật của hoa hốt-bố (houblon) và mầm lúa mạch tinh khiết hòa hợp với mạch nha của các loại ngũ cốc khác cùng các chất tinh bột, đường và gơlucôt. (Hai yếu tố quyết định quan trọng về phẩm chất của la-ve là : 1. — nước mạch cực tinh khiết bắt nguồn từ dưới lớp đất sâu, được kiểm soát kỹ lưỡng bởi các nhà hóa học và vi khuẩn học, nếu dùng nước máy để nấu la-ve thì mùi thuốc tẩy javel và các ngoại-vật trong nước máy sẽ làm cho la-ve mất hết hương-vị thơm ngon. 2. — Sự chế tạo la-ve trên bình diện khoa học và kỹ nghệ đại quy mô bảo đảm tính chất hoàn toàn vệ sinh và đại bổ dưỡng của thức uống đó).

Trong la-ve có nhiều chất đường, thức ăn có một khả năng sinh lượng quan trọng bậc nhất, người ta ước lượng mỗi lít la-ve có 40g chất đường, số lượng đường theo tỷ lệ nghịch với số lượng rượu của la-ve. Cùng với chất đường, la-ve có nhiều chất dẫn bạch tinh tối cần cho sự thăng bằng của cơ thể. Các chất khoáng không thiếu gì : chất vôi, cần cho sự lớn mạnh, mỗi

lít la-ve có chừng 75 g ; chất pô-tat, chất đồng, chất mannêsi và cả chất sắt có đặc tính chống lại những chứng bệnh thiếu máu. Sau hết, la-ve có rất nhiều các sinh tố dưới hình thức thiên nhiên khiến cơ thể tiêu liễm dễ dàng và đầy đủ các vi sinh thể tối cần cho sự sống đó. Người ta có thể nói la-ve là một thức ăn, là « bánh mì lỏng » bởi lẽ nó có những chất bổ dưỡng quý giá. Giá trị sinh lượng của la-ve không phải do chất rượu, chỉ có rất ít, từ 105 đến 50 tùy theo các loại la-ve, như vậy la-ve không bao giờ có một số lượng rượu có thể làm hại sức khỏe.

Còn một điều quan trọng cần biết là không có một loại chất gì thuộc loại chất béo trong la-ve. Như thế, làm sao la-ve có thể làm mập được ? Nếu người ta không uống quá một lít mỗi ngày và không uống lạnh quá. Cũng nên biết là chất thán khí của la-ve và chất rượu nhẹ kích thích sự tiêu hóa các chất mỡ và giúp cơ thể chống lại chứng bệnh mập, không kể la-ve còn giúp cho sự tiêu liễm phần ăn hàng ngày đặn hoàn hảo đặn tránh cho ta khỏi bị « phát-phì ». Với những sự kiện đó, ta có thể bảo la-ve là thức uống tuyệt hảo chung cho cả gia đình. Nó bồi đắp sinh lực cho cha mẹ làm lưng vất vả, nó đem vô cơ thể của các trẻ em, các thanh-niên, thiếu nữ, nhiều chất vôi và các sinh tố đặn thân thể cường tráng. Với các cụ già vì bộ răng hư kém không thể ăn uống đầy đủ, nó đem lại các chất đường, dẫn bạch-tinh, sắt, tất cả những gì cần thiết cho cơ thể đã hao mòn. Tất nhiên, các nhà thể thao vận dụng sức lực quá nhiều, dùng la-ve rất có lợi để gây dựng những nguồn sinh lực mới sau những buổi tập dượt hay biểu diễn.

Một chệt khác, chất lupulin của hoa hốt-bố, đặt la-ve vào hàng các loại giải lao thiên nhiên có tính cách làm êm dịu và uyên chuyển bộ thần kinh thường bị xúc-động trong thời sống phức tạp hàng ngày.

La-ve với tính chất bổ dưỡng, sinh lượng và chống bệnh phì-mập, rất xứng đáng được các bà coi như món đồ uống nhật dụng trong gia đình. Tại các nước đại sản xuất rượu chát, dân chúng lại ưa dùng la-ve theo những con số tiêu thụ vĩ đại, điều đó chứng tỏ la-ve có một giá trị hiển nhiên.

(Lược dịch bài của bác sĩ R. Benault trong
tạp chí « Nous Deux » số 868)

Đã phát hành toàn quốc
NỮ SINH và GIÁO SƯ
Truyện ngắn quốc tế
do **LUONG TRONG MINH** dịch

Cha Mẹ Muốn Cho Con Hạnh Phúc ?

* Các bạn muốn biết rõ người **vị hôn thê**,
vị hôn phu, **chồng** hay **vợ** của mình. Xin viết
thư hoặc mời các bạn đến :

AGENCE LEFORT
(SỞ TRÌNH SÁT TỬ)

34, Đại lộ Thống-Nhất, Saigon

Tel 20.805 — 24082

- * *Enquêtes avant et après mariage.*
- * *Toutes surveillances, protections, filatures.*

Khi các bạn đã giao việc cho chúng tôi, chắc
chắn các bạn sẽ được hài lòng vì kết quả sẽ hoàn
toàn mỹ mãn.

Chúng tôi hoàn toàn bảo đảm bí mật nghề
nghiệp.

Một tổ-chức rộng lớn khắp toàn cõi Việt-Nam.



POLYVIT C_a
TÉVÉTÉ

ĐÀN BÀ DƯỠNG THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒN-YẾU, Ề-O-T, CHÂN MỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ AU-DƯỢC

K.N. số 251 BYT/QCDP/18-10-62

HEPATIC

Ai đau gan ?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC AÙ MỸ

HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu

Nhiệm nhận số 381 Q.C.D.P.B.Y.T. ngày 22-7-60



K.N. số 260 ngày 20-6-63

KINH - LÝ VĂN - PHÒNG
 110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon
 Điện-thoại : 23.187

Phạm - văn - Lạng
 Giám-Định Trắc-địa-sư
 Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản SAIGON

Giấy phép số 292 CDV/TT/NH ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

In tại **THƯ LÂM ÁN THƯ QUÂN**
 231-233, Phạm Ngũ-Lão — Saigon

HEPATIC

Ai đau gan ?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BAN KHÁP CẢ NHÀ THUỐC ÂU MỸ

HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu

Kiểm nhận số 381 Q.C.D.P.B.Y.T. ngày 22-7-64